

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : **Bùi Thị Dung**

Giảng viên hướng dẫn : **Th.s Nguyễn Đức Kiên**

HẢI PHÒNG - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT
VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ
PHẦN SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HẢI PHÒNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Bùi Thị Dung

Giảng viên hướng dẫn : Th.s Nguyễn Đức Kiên

HẢI PHÒNG - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Thị Dung

Mã SV: 1364010039

Lớp: QTL 301K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(Về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.
- Đánh giá và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Số liệu về tình hình kinh doanh của công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng trong 3 năm gần đây.
- Số liệu về thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp : Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu.	1
2. Mục đích nghiên cứu của đề tài.	1
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.	2
4. Phương pháp nghiên cứu của đề tài.	2
5. Kết cấu của khóa luận.	2
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT.	3
1.1. Khái niệm và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất.....	3
1.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất.....	3
1.1.2. Nội dung của chi phí sản xuất.	3
1.2. Khái niệm và chức năng của giá thành sản phẩm.	4
1.2.1. Khái niệm giá thành sản phẩm.	4
1.2.2. Chức năng của giá thành sản phẩm.	4
1.3. Phân loại chi phí sản xuất.....	6
1.3.1. Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố chi phí.	6
1.3.2. Phân loại chi phí theo khoản mục chi phí.	7
1.3.3. Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ với quy mô sản xuất.....	8
1.3.4. Phân loại chi phí sản xuất theo lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp.....	8
1.4. Phân loại giá thành sản phẩm.....	8
1.4.1. Phân loại giá thành sản phẩm theo thời điểm tính giá thành.	9
1.4.2. Phân loại giá thành sản phẩm theo phạm vi phát sinh chi phí.	9
1.5. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành.....	10
1.5.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất.....	10
1.5.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm.	10
1.5.3. Kỳ tính giá thành.....	11

1.6. Phương pháp và trình tự hạch toán chi phí sản xuất.	12
<i>1.6.1. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất.</i>	<i>12</i>
<i>1.6.2. Trình tự hạch toán chi phí sản xuất.</i>	<i>12</i>
1.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm.	13
<i>1.7.1. Phương pháp giản đơn.</i>	<i>14</i>
<i>1.7.2. Phương pháp hệ số.</i>	<i>14</i>
<i>1.7.3. Phương pháp tỷ lệ.</i>	<i>15</i>
<i>1.7.4. Phương pháp đơn đặt hàng.</i>	<i>16</i>
<i>1.7.5. Phương pháp tổng cộng chi phí.</i>	<i>17</i>
<i>1.7.6. Phương pháp phân bước.</i>	<i>17</i>
1.8. Đánh giá sản phẩm dở dang.	20
<i>1.8.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương.</i> ...	<i>21</i>
<i>1.8.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo 50% chi phí chế biến.</i>	<i>22</i>
<i>1.8.3. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.</i>	<i>22</i>
<i>1.8.4. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản xuất định mức.</i>	<i>22</i>
1.9. Nội dung hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm.	23
<i>1.9.1. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.</i>	<i>23</i>
<i>1.9.2. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.</i>	<i>26</i>
1.10. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán.	27
<i>1.10.1. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung.</i>	<i>27</i>
<i>1.10.2. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật Ký – Sổ Cái.</i>	<i>28</i>
<i>1.10.3. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật Ký – Chứng Từ.</i>	<i>29</i>

<i>1.10.4. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Chứng Từ Ghi Sổ.</i>	30
<i>1.10.5. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Trên Máy Vi Tính.</i>	31
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HẢI PHÒNG.	32
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.	32
<i>2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.</i>	32
<i>2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.</i>	35
<i>2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.</i>	36
<i>2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.</i>	39
<i>2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.</i>	39
<i>2.1.4.2. Chính sách kế toán áp dụng tại công ty.</i>	41
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.	44
<i>2.2.1. Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.</i>	44
<i>2.2.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.</i>	45
<i>2.2.3. Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.</i>	45

2.2.4. Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.....	46
2.2.4.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.....	49
2.2.4.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.....	65
2.2.4.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.....	74
2.2.4.4. Tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.	86
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HẢI PHÒNG.	93
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.....	93
3.1.1. Những ưu điểm.	94
3.1.2. Những mặt hạn chế.....	96
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí và giá thành sản phẩm nói chung.	97
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.	99
3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.....	100
3.4.1. Kiến nghị 1: Về phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho.	100
3.4.2. Kiến nghị 2: Về các khoản thiệt hại trong sản xuất.....	101

3.4.3. Kiến nghị 3: Về ứng dụng tin học vào công tác kế toán.....	105
3.4.4. Kiến nghị 4: Về việc xây dựng hệ thống kế toán quản trị trong doanh nghiệp.....	105
3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.	107
3.5.1. Về phía Nhà Nước.....	107
3.5.2. Về phía doanh nghiệp.	107
KẾT LUẬN	108

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình thực hiện bài khóa luận này em đã nhận được sự giúp đỡ, chỉ bảo tận tình của các thầy cô giáo trong bộ môn Quản trị kinh doanh và các cô chú, anh chị trong Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

Trước hết em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo đã giúp đỡ em hiểu thêm về lý thuyết kế toán nói chung, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng.

Đồng thời em cũng xin gửi lời cảm ơn tới các cô chú, anh chị trong công ty đã tạo điều kiện giúp đỡ em trong suốt thời gian thực tập cũng như trong thời gian thực hiện khóa luận, giúp em hiểu rõ về thực tế sản xuất cũng như quá trình hạch toán kế toán của công ty.

Đặc biệt em xin cảm ơn thầy giáo ThS. Nguyễn Đức Kiên đã hướng dẫn em hoàn thiện bài khóa luận một cách tốt nhất.

Cuối cùng em xin gửi lời cảm ơn tới gia đình, bạn bè, đó là những người luôn bên em động viên, ủng hộ, giúp đỡ em trong suốt quá trình thực hiện khóa luận.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, tháng 06 năm 2011

Sinh viên

Bùi Thị Dung

DANH MỤC SƠ ĐỒ

<i>Sơ đồ 1.1: Trình tự tính giá thành theo phương pháp phân bước có tính giá thành bán thành phẩm trong doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phải qua n bước.</i>	<i>19</i>
<i>Sơ đồ 1.2: Trình tự tính giá thành theo phương pháp phân bước không tính giá thành bán thành phẩm.</i>	<i>20</i>
<i>Sơ đồ 1.3: Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.</i>	<i>24</i>
<i>Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.</i>	<i>24</i>
<i>Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí sản xuất chung.</i>	<i>25</i>
<i>Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.</i>	<i>25</i>
<i>Sơ đồ 1.7: Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.</i>	<i>26</i>
<i>Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán nhật ký chung.</i>	<i>27</i>
<i>Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật Ký – Sổ Cái.</i>	<i>28</i>
<i>Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.</i>	<i>29</i>
<i>Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.</i>	<i>30</i>
<i>Sơ đồ 1.12: Trình tự kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính.</i>	<i>31</i>
<i>Sơ đồ 2.1: Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm áo Jacket tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.</i>	<i>36</i>
<i>Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.</i>	<i>37</i>

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.	38
Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.	40
Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán nhật ký chung tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.	43
Sơ đồ 3.1: Sơ đồ hạch toán sản phẩm hỏng không sửa chữa được.....	102
Sơ đồ 3.2: Sơ đồ hạch toán về sản phẩm hỏng sửa chữa được.....	103
Sơ đồ 3.3: Sơ đồ hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất có kế hoạch.....	104
Sơ đồ 3.4: Sơ đồ hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất ngoài kế hoạch.	104

DANH MỤC BẢNG BIỂU

<i>Biểu số 2.1: Kết quả hoạt động của công ty 3 năm gần đây.</i>	36
<i>Biểu số 2.2: Đơn đặt hàng.</i>	47
<i>Biểu số 2.3: Lệnh sản xuất.</i>	48
<i>Biểu số 2.4: Hóa đơn giá trị gia tăng.</i>	51
<i>Biểu số 2.5: Phiếu nhập kho.</i>	52
<i>Biểu số 2.6: Phiếu xuất kho.</i>	54
<i>Biểu số 2.7: Bảng kê xuất nguyên vật liệu 01.</i>	55
<i>Biểu số 2.8: Bảng kê xuất nguyên vật liệu 02.</i>	56
<i>Biểu số 2.9: Bảng kê xuất nguyên vật liệu 03.</i>	57
<i>Biểu số 2.10: Bảng kê xuất nguyên vật liệu 04.</i>	58
<i>Biểu số 2.11: Bảng tổng hợp vật liệu xuất kho.</i>	59
<i>Biểu số 2.12: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa).</i>	60
<i>Biểu số 2.13: Trích sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 621.</i>	62
<i>Biểu số 2.14: Trích Nhật ký chung.</i>	63
<i>Biểu số 2.15: Trích Sổ cái TK 621.</i>	64
<i>Biểu số 2.16: Bảng chấm công.</i>	67
<i>Biểu số 2.17: Bảng thanh toán lương.</i>	69
<i>Biểu số 2.18: Bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương.</i>	70
<i>Biểu số 2.19: Trích sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 622.</i>	71
<i>Biểu số 2.20: Trích Nhật ký chung.</i>	72
<i>Biểu số 2.21: Trích Sổ cái TK 622.</i>	73
<i>Biểu số 2.22: Bảng kê xuất nguyên vật liệu 05.</i>	75
<i>Biểu số 2.23: Bảng kê xuất nguyên vật liệu 06.</i>	76
<i>Biểu số 2.24: Bảng kê chi tiết công cụ, dụng cụ (loại giá trị nhỏ).</i>	77
<i>Biểu số 2.25: Bảng kê chi tiết xuất công cụ, dụng cụ (loại giá trị lớn).</i>	77
<i>Biểu số 2.26: Bảng phân bổ công cụ, dụng cụ.</i>	78

Biểu số 2.27: Bảng trích và phân bổ khấu hao TSCĐ.....	79
Biểu số 2.28: Hóa đơn tiền điện.	80
Biểu số 2.29: Phiếu chi tiền điện.....	81
Biểu số 2.30: Bảng phân bổ tiền điện.....	82
Biểu số 2.31: Trích sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 627.	83
Biểu số 2.32: Trích Nhật ký chung.	84
Biểu số 2.33: Trích Sổ cái TK 627.....	85
Biểu số 2.34: Bảng tính giá thành sản phẩm.....	88
Biểu số 2.35: Phiếu kế toán 01.	89
Biểu số 2.36: Phiếu kế toán 02.	90
Biểu số 2.37: Trích Nhật ký chung.	91
Biểu số 2.38: Trích Sổ cái TK 154.....	92

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu.

Trong nền kinh tế thị trường ngày một phát triển và đổi mới, đặc biệt trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế như hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển bền vững phải biết tự chủ về mọi mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Các doanh nghiệp không những quyết định sự tồn tại, phồn vinh của nền công nghiệp hiện đại hoá mà còn quyết định vị thế của đất nước lớn mạnh hay yếu kém. Vì vậy cần phải phát triển mọi mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh từ việc đầu tư, sử dụng vốn, tổ chức sản xuất cho đến tiêu thụ sản phẩm phải biết tận dụng năng lực, cơ hội để lựa chọn cho mình một hướng đi đúng đắn. Để đạt được điều đó mỗi doanh nghiệp đều không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ giá thành. Nhưng làm thế nào để hạ được giá thành của sản phẩm mà vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm, tạo được vị thế cạnh tranh, đẩy mạnh việc tiêu thụ và đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp là một điều vô cùng khó khăn. Do đó các doanh nghiệp cần phải thực hiện tốt tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một trong những phần hành quan trọng của tổ chức kế toán, không chỉ có nhiệm vụ phản ánh chính xác kịp thời chi phí sản xuất, chính xác giá thành của sản phẩm mà còn phải tìm cách kiểm soát chặt chẽ các chi phí phát sinh ở từng bộ phận trong doanh nghiệp. Qua nguồn cung cấp số liệu của kế toán chi phí – giá thành các nhà quản trị doanh nghiệp có thể đưa ra các phương án thích hợp giữa việc sản xuất kinh doanh cho đến việc xác định giá bán của sản phẩm được xem là một khâu quan trọng của kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất. Vì vậy việc hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là việc làm cần thiết và có ý nghĩa quan trọng đối với các doanh nghiệp.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài.

- Về mặt lý luận: Hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

- Về mặt thực tế: Mô tả và phân tích thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành của sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.

- Đối tượng nghiên cứu: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

- Phạm vi nghiên cứu: Số liệu năm 2010 của phòng Kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

4. Phương pháp nghiên cứu.

- Phương pháp chung: Bao gồm các phương pháp kế toán (phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá, ...), các phương pháp phân tích kinh doanh (phương pháp so sánh, phương pháp liên hệ), ngoài ra còn có phương pháp nghiên cứu tài liệu.

- Phương pháp cụ thể: Kết hợp giữa mô tả, giải thích với bảng biểu và sơ đồ.

5. Kết cấu khóa luận.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận tốt nghiệp gồm 3 chương có nội dung như sau:

- **Chương 1:** Lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

- **Chương 2:** Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

- **Chương 3:** Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT.

1.1. Khái niệm và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất.

1.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất.

Chi phí sản xuất kinh doanh là toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hóa được biểu hiện bằng tiền mà doanh nghiệp đã chi ra trong một kỳ nhất định để phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh.

1.1.2. Nội dung kinh tế của chi phí sản xuất.

Chi phí sản xuất bao gồm tiền lương, tiền công của công nhân trực tiếp sản xuất ra sản phẩm và quản lý phân xưởng, khấu hao TSCĐ, ... và chi phí nguyên vật liệu chính là những chi phí cơ bản cấu thành nên giá thành sản phẩm. Ngoài ra còn một số khoản chi phí khác như (các khoản trích theo lương như BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) và các khoản liên quan đến việc thuê tài sản.

Chi phí sản xuất của doanh nghiệp phát sinh thường xuyên, liên tục trong quá trình sản xuất, tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp. Để phục vụ cho nhu cầu quản lý và hạch toán kinh doanh, chi phí sản xuất của doanh nghiệp luôn luôn được xác định một cách chính xác, cụ thể và tính toán bằng tiền được gắn với một thời gian nhất định (tháng, quý, năm).

Chi phí sản xuất của doanh nghiệp được xác định phụ thuộc vào hai nhân tố sau:

- Khối lượng lao động và tư liệu sản xuất đã tiêu hao vào việc sản xuất sản phẩm trong một thời gian nhất định.
- Giá cả các tư liệu sản xuất đã tiêu dùng và tiền lương của một đơn vị lao động đã hao phí.

Thực chất của chi phí sản xuất là sự dịch chuyển vốn, dịch chuyển giá trị của các yếu tố đầu vào và được tập hợp cho từng đối tượng để tính giá thành sản phẩm, lao vụ hay dịch vụ.

1.2. Khái niệm và chức năng của giá thành sản phẩm.

1.2.1. Khái niệm giá thành sản phẩm.

Giá thành sản phẩm được xác định bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh và những chi phí khác được dùng để hoàn thành một khối lượng sản phẩm, lao vụ, dịch vụ nhất định.

Giá thành sản phẩm được xác định cho từng loại sản phẩm, lao vụ, dịch vụ cụ thể và chỉ tính toán xác định với số lượng sản phẩm, lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành (được gọi là thành phẩm) hay đã hoàn thành một giai đoạn công nghệ sản xuất (được gọi là bán thành phẩm).

1.2.1. Chức năng của giá thành sản phẩm.

Bản chất của giá thành sản phẩm là nội dung kinh tế chứa đựng bên trong của chỉ tiêu giá thành. Qua lịch sử về lý luận giá thành có thể thấy bản chất của giá thành được xác định theo các quan điểm sau:

- Giá thành là sự hao phí về lao động sống và lao động vật hóa được dùng để sản xuất một đơn vị hoặc một khối lượng sản phẩm nhất định.
- Giá thành sản phẩm là toàn bộ các khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất sản phẩm bất kể nó nằm ở bộ phận nào trong các bộ phận cấu thành giá trị sản phẩm.
- Giá thành sản phẩm là biểu hiện mối quan hệ tương quan giữa một bên là chi phí sản xuất, một bên là kết quả đạt được trong từng giai đoạn nhất định.

Từ các quan điểm trên ta có thể rút ra kết luận về bản chất của giá thành như sau: Bản chất của giá thành là sự chuyển dịch giá trị của các yếu tố vật chất vào sản phẩm, công việc lao vụ, dịch vụ nhất định đã được hành thành. Nếu chưa có sự dịch chuyển này thì không thể nói đến chi phí và giá thành sản phẩm. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường giá thành sản phẩm bao gồm toàn bộ các khoản hao phí vật chất thực tế cần thiết được bù đắp, bất kể nó thuộc bộ phận nào trong cấu thành giá trị sản phẩm.

Giá thành sản phẩm có 2 chức năng chủ yếu sau: chức năng bù đắp chi phí và chức năng lập giá.

- Chức năng bù đắp chi phí: Toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp đã chi ra để hoàn thành một khối lượng sản phẩm nhất định phải được bù đắp đúng bằng số tiền thu được và tiêu thụ sản phẩm.

- Chức năng lập giá: Giá bán phải có khả năng bù đắp hao phí vật chất để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, bảo đảm cho các doanh nghiệp trong điều kiện sản xuất bình thường có thể bù đắp được hao phí để thực hiện quá trình tái sản xuất. Giá bán của sản phẩm phải được dựa trên cơ sở giá thành để xác định giá thành sản phẩm là căn cứ quan trọng để doanh nghiệp xác định giá bán của sản phẩm là một chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh kết quả sử dụng vật tư, tài sản, tiền vốn và lao động trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời phản ánh kết quả các giải pháp tổ chức, kinh tế kỹ thuật cũng như công nghệ mà doanh nghiệp đã sử dụng nhằm nâng cao năng suất lao động. Do đó giá thành là căn cứ đánh giá chất lượng và hiệu quả của doanh nghiệp.

* *Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.*

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là hai mặt biểu hiện của quá trình sản xuất, chi phí là biểu hiện về mặt hao phí còn giá thành là biểu hiện về mặt kết quả của quá trình sản xuất. Nó được xem là hai mặt thống nhất của một quá trình. Vì thế chúng giống nhau về chất vì đều là những hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong quá trình sản xuất sản phẩm. tuy nhiên chúng vẫn có sự khác biệt đó là:

- Về mặt phạm vi: Chi phí sản xuất gắn với một thời kỳ nhất định mà không tính đến chi phí đó có liên quan đến số sản phẩm đã hoàn thành hay chưa. Còn giá thành sản phẩm là giới hạn chi phí sản xuất với khối lượng sản phẩm công việc, lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành.

- Về mặt lượng: Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm khác nhau. Khi có chi phí sản xuất dở dang sự khác nhau giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm được thể hiện ở công thức sau:

$$Z = Dđk + C - Dck$$

Trong đó: Z : Tổng giá thành sản phẩm

Dđk: Trị giá sản phẩm dở dang đầu kỳ

Dck: Trị giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

C: Tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ

1.3. Phân loại chi phí sản xuất.

Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp bao gồm nhiều loại, nhiều khoản khác nhau về nội dung, tính chất và công dụng. Để thuận tiện cho công tác quản lý, hạch toán, kiểm tra cũng như việc đưa ra các quyết định kinh doanh thì chi phí sản xuất cũng phải được phân loại cụ thể và rõ ràng. Tùy theo mục đích quản lý chi phí mà có những tiêu thức phân loại chi phí cho phù hợp.

1.3.1. Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố chi phí.

Để phục vụ cho việc quản lý chi phí theo nội dung kinh tế, địa điểm phát sinh thì chi phí được phân theo yếu tố và được chia thành 5 yếu tố chi phí như sau:

- Chi phí nguyên vật liệu: Bao gồm toàn bộ chi phí về các nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu và các chi phí nguyên vật liệu khác.
- Chi phí nhân công: Bao gồm toàn bộ số tiền lương, phụ cấp và các khoản trích trên tiền lương theo quyết định của người lao động trực tiếp sản xuất ra sản phẩm, chế tạo sản phẩm, thực hiện công tác lao vụ dịch vụ trong kỳ.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định trong kỳ: Yếu tố chi phí này bao gồm khấu hao của tất cả tài sản cố định sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Bao gồm toàn bộ số tiền mà doanh nghiệp đã chi trả cho các loại dịch vụ mua ngoài phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh như điện, nước, điện thoại.

- Chi phí bằng tiền khác: là toàn bộ chi phí khác bằng tiền chưa phản ánh ở các yếu tố trên dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Từ cách phân loại này cho biết được kết cấu, tỷ trọng của từng yếu tố chi phí sản xuất để phân tích, đánh giá các chỉ tiêu và tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất làm căn cứ để lập bản thuyết minh báo cáo tài chính phục vụ cho yêu cầu thông tin quản trị doanh nghiệp và lập dự toán chi phí sản xuất cho kỳ sau.

1.3.2. Phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục chi phí.

Căn cứ vào ý nghĩa của chi phí trong việc tính giá thành sản phẩm và để thuận tiện cho việc tính toán, dựa vào công dụng của chi phí và mức phân bổ chi phí cho từng đối tượng, toàn bộ chi phí được tính theo khoản mục. Theo cách phân loại này chi phí sản xuất bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Phản ánh toàn bộ chi phí về các loại nguyên vật liệu chính (kể cả nửa thành phẩm mua ngoài), vật liệu phụ, nhiên liệu sử dụng trực tiếp vào sản xuất sản phẩm.

- Chi phí nhân công trực tiếp: là toàn bộ chi phí về tiền lương phụ cấp và các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ trên tiền lương của công nhân trực tiếp sản xuất theo quy định.

- Chi phí sản xuất chung: là những chi phí phát sinh trong phạm vi các phân xưởng tổ đội sản xuất (trừ chi phí vật liệu và nhân công trực tiếp), chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài,

Phân loại chi phí sản xuất theo tiêu thức này có ý nghĩa đối với công việc xác định phương thức kế toán, tập hợp và phân bổ chi phí cho các đối tượng đúng đắn, hợp lý, phục vụ cho việc quản lý chi phí theo định mức đồng thời là căn cứ để phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và định mức chi phí sản xuất cho kỳ tiếp theo.

1.3.3. Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ với quy mô sản xuất.

Theo cách phân loại này toàn bộ chi phí sản xuất được chia thành hai loại:

- *Chi phí biến đổi (Biến phí)*: là những chi phí có sự thay đổi trực tiếp về lượng tương quan tỷ lệ thuận với sự thay đổi của lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ hay quy mô sản xuất như: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí hoa hồng bán hàng, chi phí điện nước.
- *Chi phí cố định (Định phí)*: là những chi phí không thay đổi (hoặc thay đổi không đáng kể) về tổng số khi có sự thay đổi khối lượng sản phẩm sản xuất trong mức độ nhất định như: chi phí khấu hao tài sản cố định theo phương pháp bình quân, chi phí tiền lương trả cho cán bộ, nhân viên quản lý, chi phí thuê tài sản, thuê văn phòng.

1.3.4. Phân loại chi phí theo lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp.

Theo lĩnh vực kinh doanh các chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được phân thành:

- *Chi phí sản xuất*: gồm chi phí liên quan đến việc chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện những công việc dịch vụ trong phạm vi phân xưởng.
- *Chi phí bán hàng*: là những chi phí phát sinh liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.
- *Chi phí quản lý*: gồm các chi phí phục vụ cho việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và các chi phí phục vụ sản xuất chung phát sinh ở doanh nghiệp.
- *Chi phí tài chính*: gồm các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, liên doanh, liên kết, cho vay, cho thuê tài sản
- *Chi phí khác*: gồm các chi phí liên quan đến các hoạt động khác chưa được kê đến ở trên.

1.4. Phân loại giá thành sản phẩm.

Để đáp ứng yêu cầu về quản lý, hạch toán và kế hoạch cho việc tính giá thành cũng như yêu cầu xác định giá cả hàng hóa, giá thành được xem xét dưới nhiều góc độ, nhiều phạm vi tính toán khác nhau.

1.4.1. Phân loại giá thành sản phẩm theo thời điểm tính giá thành.

Theo cách phân loại này thì giá thành sản phẩm được chia thành 3 loại như sau:

- *Giá thành kế hoạch*: Được xác định trên cơ sở giá thành thực tế của kỳ trước và có định mức, các dự toán chi phí của kỳ kế hoạch. Việc tính giá thành kế hoạch được bộ phận kế hoạch tiến hành trước khi bắt đầu quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Giá thành định mức*: Cũng như giá thành kế hoạch thì giá thành định mức cũng được xác định trước khi bắt đầu sản xuất sản phẩm. Tuy nhiên khác với giá thành kế hoạch, giá thành định mức được xác định dựa trên cơ sở các định mức bình quân tiên tiến và không biến đổi trong suốt cả kỳ kế hoạch, giá thành định mức được xác định trên cơ sở các định mức về chi phí hiện hành tại từng thời điểm trong kỳ kế hoạch (thường là ngày đầu tiên của tháng) nên giá thành định mức luôn thay đổi phù hợp với sự thay đổi của các định mức chi phí trong quá trình thực hiện kế hoạch.

- *Giá thành thực tế*: Là giá thành được tính trên cơ sở số liệu chi phí sản xuất thực tế đã phát sinh và được tập hợp trong kỳ cũng như số lượng sản phẩm thực tế đã sản xuất và tiêu thụ trong kỳ. Giá thành thực tế chỉ có thể tính toán sau khi kết thúc quá trình sản xuất và được tính toán cho cả chỉ tiêu tổng giá thành và giá thành đơn vị.

Cách phân loại này có tác dụng trong việc quản lý và giám sát chi phí, xác định được các nguyên nhân vượt định mức hay hụt định mức chi phí trong kỳ kế toán. Từ đó điều chỉnh kế hoạch hay định mức chi phí sao cho phù hợp.

1.4.2. Phân loại giá thành sản phẩm theo phạm vi phát sinh chi phí.

Theo phạm vi phát sinh chi phí giá thành được chia thành 2 loại:

- *Giá thành sản xuất (còn gọi là giá thành công xưởng)*: Là chỉ tiêu phản ánh tất cả những chi phí liên quan đến việc sản xuất, chế tạo sản phẩm trong phạm vi phân xưởng sản xuất. Giá thành sản xuất sản phẩm là căn cứ xác định giá trị thành phẩm nhập kho, giá vốn hàng bán của doanh nghiệp khi sản phẩm đó được tiêu thụ.

- *Giá thành toàn bộ* (còn gọi là *giá thành đầy đủ* hay *giá thành tiêu thụ*): Bao gồm giá thành sản xuất tính cho số sản phẩm tiêu thụ cộng với chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ tính cho số sản phẩm này.

Cách phân loại này có tác dụng giúp cho các nhà quản lý biết được kết quả kinh doanh lãi hay lỗ của từng mặt hàng, từng loại dịch vụ mà doanh nghiệp kinh doanh. Tuy nhiên do những hạn chế nhất định khi lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý cho từng mặt hàng, từng loại dịch vụ nên cách phân loại này mang ý nghĩa học thuật tương đối.

1.5. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành và kỳ tính giá thành.

1.5.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất.

Đối tượng hạch toán của chi phí sản xuất là các chi phí được hạch toán trong một thời gian giới hạn nhất định nhằm đáp ứng nhu cầu kiểm tra, phân tích, quản lý chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Đây là công việc đầu tiên và quan trọng của tổ chức hạch toán quá trình sản xuất. Việc xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất một cách khoa học, hợp lý có ý nghĩa rất quan trọng cho việc tổ chức kế toán chi phí sản xuất từ việc tổ chức hạch toán bắt đầu cho đến việc mở các tài khoản, các sổ chi tiết và tổng hợp số liệu. Xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất thực chất là việc xác định nơi phát sinh chi phí và đối tượng chịu chi phí.

Để xác định được đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, kế toán căn cứ vào các yếu tố sau: Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, quản lý tổ chức kinh doanh, quy trình công nghệ sản xuất hay từng giai đoạn, từng phân xưởng, từng đội sản xuất. Cũng có thể là từng nhóm sản phẩm, từng công trình xây dựng, từng đơn đặt hàng, từng chi tiết sản phẩm.

1.5.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm.

Đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm, bán thành phẩm, công việc, lao vụ dịch vụ mà doanh nghiệp đã hoàn thành đòi hỏi phải tính tổng giá thành và giá thành đơn vị.

Đối tượng tính giá thành được xác định dựa vào loại hình sản xuất, đặc điểm tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ sản xuất, yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Do đó đối tượng tính giá thành thường trùng với đối tượng hạch toán chi phí sản xuất nhưng phải là những sản phẩm, công việc, lao vụ đã hoàn thành. Dựa vào những căn cứ trên, đối tượng tính giá thành có thể là từng bộ phận, chi tiết sản phẩm, sản phẩm hoàn thành ở cuối quy trình công nghệ hay bán thành phẩm, đơn đặt hàng hay hạng mục công trình.

Việc xác định đối tượng tính giá thành đúng, phù hợp với các điều kiện, đặc điểm của doanh nghiệp giúp cho kế toán tổ chức mở sổ kế toán và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm có hiệu quả đáp ứng yêu cầu quản lý nội bộ doanh nghiệp.

1.5.3. Kỳ tính giá thành.

Kỳ tính giá thành là thời kỳ bộ phận kế toán giá thành tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành. Giá thành sản phẩm, công việc, lao vụ dịch vụ không thể tính vào bất kỳ thời điểm nào mà phải phụ thuộc vào chu kỳ sản xuất dài hạn hay ngắn hạn và đặc điểm của việc sản xuất ra sản phẩm trong các doanh nghiệp để xác định kỳ tính giá thành sao cho phù hợp. Kỳ tính giá thành có thể là tháng, quý, năm hay có thể là khi hoàn thành xong đơn đặt hàng hoặc hoàn thành xong các hạng mục công trình.

** Mọi quan hệ giữa đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm.*

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành giống nhau về bản chất vì đều là phạm vi, giới hạn nhất định để hạch toán chi phí sản xuất và cùng phục vụ cho công tác quản lý, phân tích, kiểm tra chi phí và giá thành sản phẩm. Giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ, việc xác định hợp lý đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là tiền đề, điều kiện để tính giá thành theo các đối tượng tính giá thành trong doanh nghiệp. Tuy nhiên giữa chúng vẫn có sự khác biệt đó là:

- Xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là xác định phạm vi, giới hạn tổ chức kế toán chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ.
- Xác định đối tượng tính giá thành là xác định phạm vi, giới hạn của chi phí liên quan đến kết quả sản xuất đã hoàn thành của quy trình sản xuất.

Trong thực tế tùy thuộc vào đặc điểm của tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ sản xuất có những trường hợp một đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là một đối tượng tính giá thành hay là một đối tượng hạch toán chi phí sản xuất bao gồm nhiều đối tượng tính giá thành và ngược lại. Mỗi quan hệ giữa đối tượng kế toán hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm ở một doanh nghiệp cụ thể sẽ quyết định việc lựa chọn phương pháp tính và kỹ thuật tính giá thành của doanh nghiệp đó.

1.6. Phương pháp và trình tự hạch toán chi phí sản xuất.

1.6.1. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất.

Trên cơ sở hạch toán chi phí sản xuất, kế toán lựa chọn phương pháp hạch toán chi phí thích hợp. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất là một phương pháp hay hệ thống các phương pháp được sử dụng để hạch toán và phân loại các chi phí sản xuất trong phạm vi giới hạn của đối tượng hạch toán chi phí.

Về cơ bản phương pháp hạch toán chi phí sản xuất bao gồm các phương pháp hạch toán chi phí theo sản phẩm, theo đơn đặt hàng, theo giai đoạn công nghệ, theo phân xưởng hay theo nhóm sản phẩm.

Nội dung chủ yếu của phương pháp hạch toán chi phí sản xuất là kế toán mở thẻ (hoặc sổ) chi tiết hạch toán theo từng đối tượng đã xác định, phản ánh các chi phí liên quan đến đối tượng, hàng tháng tổng hợp chi phí theo từng đối tượng.

Mỗi phương pháp hạch toán chỉ thích ứng với một loại hoặc đối tượng hạch toán chi phí nên tên gọi của các phương pháp này là biểu hiện đối tượng mà nó cần hạch toán và phân loại chi phí.

1.6.2. Trình tự hạch toán chi phí sản xuất.

Tiến hành hạch toán chi phí sản xuất theo trình tự hợp lý, khoa học là bước cơ bản để tính giá thành sản phẩm một cách chính xác, kịp thời. Doanh nghiệp bao gồm nhiều loại hình khác nhau, có đặc điểm riêng về tổ chức sản xuất quản lý cũng như quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm rất đa dạng. Tuy nhiên nếu xét một cách tổng quát thì quy trình hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của doanh nghiệp sản xuất có những điểm chung, có tính chất căn bản bao gồm các bước sau:

- B1: Hạch toán các chi phí có liên quan trực tiếp cho từng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất đã lựa chọn.
- B2: Tính toán và phân bổ lao vụ của các ngành sản xuất kinh doanh phụ trợ cho từng đối tượng sử dụng trên cơ sở khối lượng lao vụ phục vụ và giá thành lao vụ.
- B3: Hạch toán và phân bổ chi phí sản xuất chung cho các loại sản phẩm có liên quan.
- B4: Xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ, tính ra tổng giá thành và giá thành đơn vị sản phẩm.

Tùy theo phương pháp kế toán hàng tồn kho áp dụng trong doanh nghiệp mà nội dung, cách hạch toán chi phí sản xuất có nhiều điểm khác nhau.

1.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm.

Trên cơ sở số liệu chi phí sản xuất đã hạch toán được và kết quả đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ kế toán tiến hành tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành với phương pháp tính giá thành sao cho phù hợp.

Phương pháp tính giá thành sản phẩm là một phương pháp hoặc một hệ thống phương pháp được sử dụng để tính giá thành đơn vị sản phẩm. Nó mang tính thuần túy kỹ thuật tính toán chi phí cho từng đối tượng tính giá thành.

Việc lựa chọn phương pháp tính giá thành chủ yếu phụ thuộc vào đặc điểm và đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm. Lựa chọn đúng đắn phương pháp tính giá thành sẽ góp phần vào việc hạ giá thành sản

phẩm, đẩy mạnh tiêu thụ, tăng nhanh vòng quay vốn và đem lại nhiều lợi nhuận cho doanh nghiệp.

1.7.1. Phương pháp giản đơn (phương pháp trực tiếp).

Phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp thuộc loại hình sản xuất giản đơn, số lượng mặt hàng ít, sản xuất khối lượng lớn, chu kỳ sản xuất ngắn như các nhà máy điện, nước, các doanh nghiệp khai thác quặng, than, gỗ,

Giá thành sản phẩm theo phương pháp này được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành} \\ = \end{array} \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ} \\ + \end{array} \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất thực tế phát sinh trong kỳ} \\ - \end{array} \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ} \end{array}$$

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm} = \frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ}}$$

1.7.2. Phương pháp hệ số.

Phương pháp này áp dụng trong các doanh nghiệp mà trong cùng một quá trình sản xuất sử dụng cùng một loại nguyên liệu thu được đồng thời nhiều loại sản phẩm có quy cách, phẩm chất khác nhau, các sản phẩm này có thể quy đổi về sản phẩm gốc và chi phí không tập hợp riêng được cho từng loại sản phẩm.

Ở những doanh nghiệp này đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là toàn bộ quá trình sản xuất, đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm hoàn thành.

Để tính giá thành cho từng loại sản phẩm, kế toán căn cứ vào hệ số quy đổi để quy tất cả các loại sản phẩm khác nhau về sản phẩm gốc (sản phẩm tiêu chuẩn). Hệ số quy đổi được xây dựng trên cơ sở đặc điểm kinh tế hoặc tính chất của sản phẩm, trong đó sản phẩm có đặc trưng tiêu biểu mang hệ số 1.

Sau đó áp dụng công thức tính giá thành đơn vị cho sản phẩm gốc. Cuối cùng căn cứ vào hệ số quy đổi và giá thành đơn vị chuẩn ở trên để tính giá thành thực tế cho từng sản phẩm cụ thể.

$$\Sigma \text{ số sản phẩm gốc hoàn thành} = \sum \left(\begin{array}{l} \text{Số lượng từng loại sản phẩm hoàn thành} \\ \times \\ \text{Hệ số quy đổi của từng loại} \end{array} \right)$$

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm gốc} = \frac{\text{Tổng giá thành sản xuất của các loại sản phẩm}}{\text{Tổng số sản phẩm gốc}}$$

$$\text{Giá thành đơn vị của từng loại sản phẩm} = \text{Giá thành đơn vị sản phẩm gốc} \times \text{Hệ số quy đổi của từng loại}$$

1.7.3. Phương pháp tỷ lệ.

Phương pháp này được áp dụng trong những doanh nghiệp có cùng quá trình, công nghệ sản xuất, cùng sử dụng các yếu tố đầu vào, sản xuất ra các loại sản phẩm khác nhau về cỡ số, quy cách, phẩm chất nhưng lại không quy đổi ra sản phẩm tiêu chuẩn được. Vì những sản phẩm này có giá trị sử dụng khác nhau ví dụ như trong doanh nghiệp chế biến đồ gỗ, cơ khí chế tạo.

Theo phương pháp này đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là nhóm sản phẩm cùng loại hoặc phân xưởng sản xuất, đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm hoàn thành.

Để tính được giá thành sản phẩm kế toán sử dụng nhiều tiêu thức khác nhau như giá thành kế hoạch, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, trọng lượng sản phẩm Thông thường có thể sử dụng giá thành kế hoạch hoặc giá thành định mức để tính tỷ lệ chi phí và dựa vào đó tính toán ra giá thành thực tế cho từng loại sản phẩm.

$$\Sigma \text{ giá thành kế hoạch (định mức) các loại sản phẩm} = \sum \left(\begin{array}{l} \text{Số lượng từng loại sản phẩm hoàn thành thực tế} \\ \times \\ \text{Giá thành kế hoạch (định mức) đơn vị sản phẩm từng loại} \end{array} \right)$$

$$\begin{array}{l} \Sigma \text{ Giá thành} \\ \text{thực tế các loại} \\ \text{sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{phẩm dở} \\ \text{dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tổng chi phí} \\ \text{sản xuất phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{phẩm dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array}$$

$$\text{Tỷ lệ chi phí} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế của các loại sản phẩm}}{\Sigma \text{ Giá thành kế hoạch (định mức) của các loại sản phẩm}}$$

$$\begin{array}{l} \Sigma \text{ Giá thành thực tế} \\ \text{từng loại sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng giá thành kế hoạch (định mức)} \\ \text{từng loại sản phẩm} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ} \\ \text{chi phí} \end{array}$$

1.7.4. Phương pháp đơn đặt hàng.

Đây là phương pháp tính giá thành trong điều kiện doanh nghiệp sản xuất đơn chiếc hoặc hàng loạt nhỏ theo đơn đặt hàng của khách hàng nên đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là từng đơn đặt hàng và đối tượng tính giá thành là sản phẩm của từng đơn hàng. Theo phương pháp này chi phí nào liên quan trực tiếp đến từng đơn đặt hàng thì sẽ được hạch toán trực tiếp cho đơn hàng đó. Những chi phí liên quan đến nhiều đơn đặt hàng khác nhau thì tập hợp riêng sau đó phân bổ cho từng đơn hàng theo tiêu thức hợp lý.

Việc tính giá thành chỉ tiến hành khi đơn đặt hàng hoàn thành nên kỳ tính giá thành thông thường không trùng với kỳ hạch toán.

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành sản phẩm} \\ \text{hoàn thành của đơn hàng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{phát sinh trong kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực tế} \\ \text{đơn vị sản phẩm} \end{array} = \frac{\Sigma \text{ Giá thành sản phẩm hoàn thành}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành của đơn hàng}}$$

Nếu trong đơn đặt hàng có nhiều sản phẩm thì có thể kết hợp với phương pháp giản đơn, phương pháp hệ số

1.7.5. Phương pháp tổng cộng chi phí.

Áp dụng với các doanh nghiệp mà sản phẩm hoàn thành trong quy trình công nghệ bao gồm nhiều chi tiết, nhiều bộ phận cấu thành. Quá trình sản xuất được thực hiện ở nhiều bộ phận sản xuất, nhiều giai đoạn công nghệ để lắp ráp ra sản phẩm hoàn chỉnh. Do đó đối tượng tập hợp chi phí sản xuất thường là các bộ phận, chi tiết sản phẩm hay là giai đoạn, bộ phận sản xuất.

Đối tượng tính giá thành là các sản phẩm hoàn thành. Giá thành sản xuất được xác định bằng cách cộng chi phí sản xuất của các bộ phận, chi tiết sản phẩm hay tổng các chi phí sản xuất của các giai đoạn, bộ phận sản xuất tạo nên thành phẩm:

$$\text{Giá thành sản phẩm} = Z1 + Z2 + \dots + Zn$$

1.7.6. Phương pháp phân bước.

Phương pháp này thường được áp dụng tại các doanh nghiệp có quy trình công nghệ phức tạp kiểu sản xuất liên tục, sản phẩm trải qua nhiều giai đoạn, nhiều bước nối tiếp nhau theo một trình tự nhất định, mỗi bước tạo ra một loại bán thành phẩm. Bán thành phẩm của bước này là đối tượng chế biến của bước tiếp theo, cứ như vậy cho đến bước cuối cùng để tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh. Do vậy tùy theo đặc điểm, tình hình cụ thể mà đối tượng tính giá thành trong các doanh nghiệp sản xuất theo loại hình này có thể là thành phẩm ở giai đoạn công nghệ cuối cùng hoặc bán thành phẩm ở từng giai đoạn và thành phẩm ở giai đoạn cuối.

Khi thực hiện phương pháp phân bước thì đối tượng hạch toán chi phí sản xuất có thể là từng giai đoạn công nghệ hay từng phân xưởng sản xuất riêng biệt tham gia vào quá trình tạo nên sản phẩm hoàn chỉnh. Đối tượng tính giá thành có thể là thành phẩm, cũng có thể là bán thành phẩm ở từng giai đoạn công nghệ. Chính vì sự khác nhau về đối tượng tính giá thành nên kế toán có thể lựa chọn một trong hai cách sau:

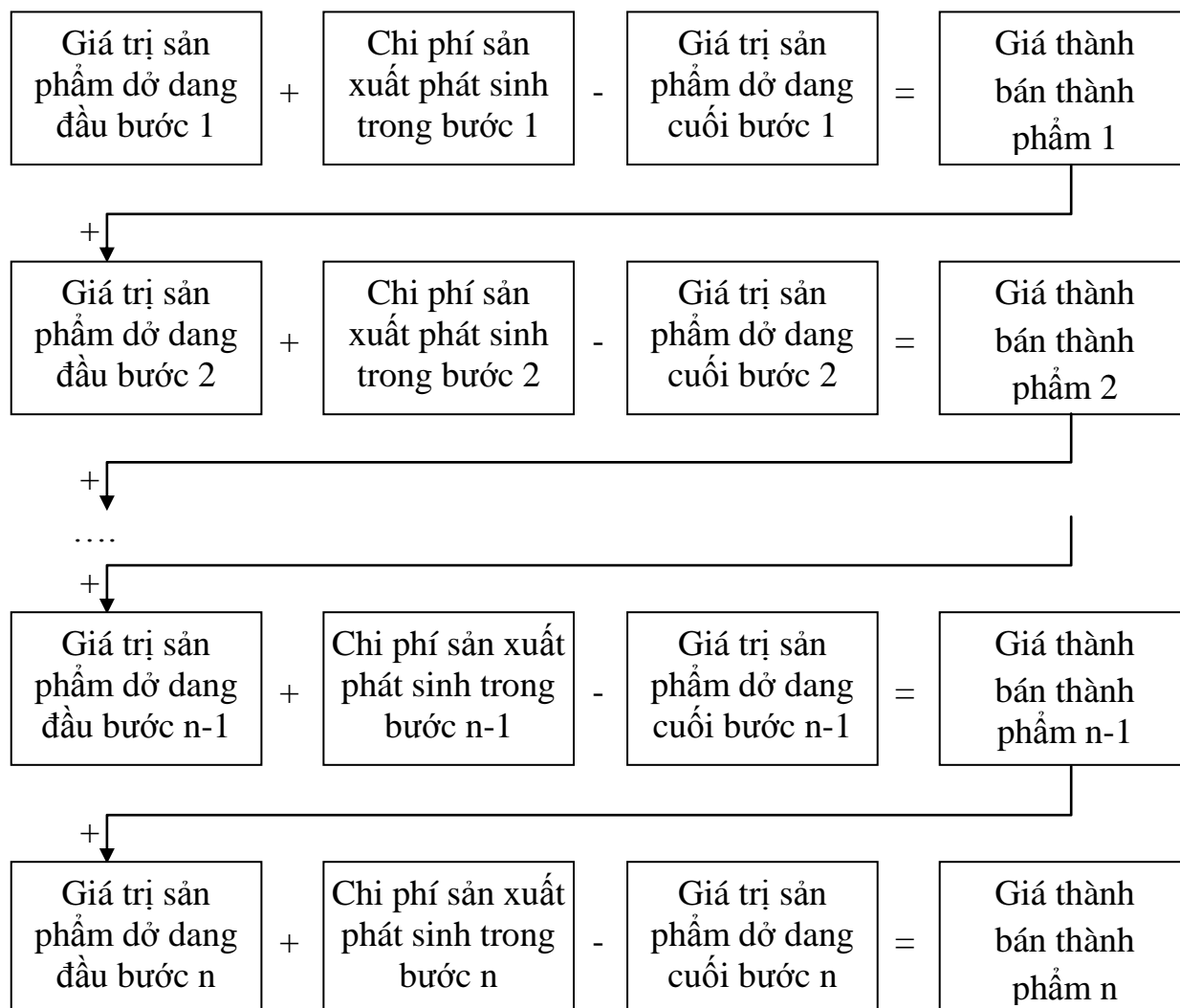
a) *Tính giá thành theo phương pháp phân bước có tính giá thành bán thành phẩm (còn gọi là phương án kết chuyển tuần tự).*

Phương án này áp dụng cho doanh nghiệp có quy trình mà mỗi giai đoạn có yêu cầu tính giá thành bán thành phẩm do bán thành phẩm có giá trị sử dụng độc lập có thể nhập kho, đem bán hoặc tiếp tục chế biến.

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là từng giai đoạn công nghệ. Đối tượng tính giá thành là bán thành phẩm của các giai đoạn công nghệ và sản phẩm hoàn thành. Việc kết chuyển chi phí từ giai đoạn trước sang giai đoạn sau được thực hiện tuần tự theo từng khoản mục chi phí.

Sau đây là trình tự tính giá thành trong doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phải qua n bước.

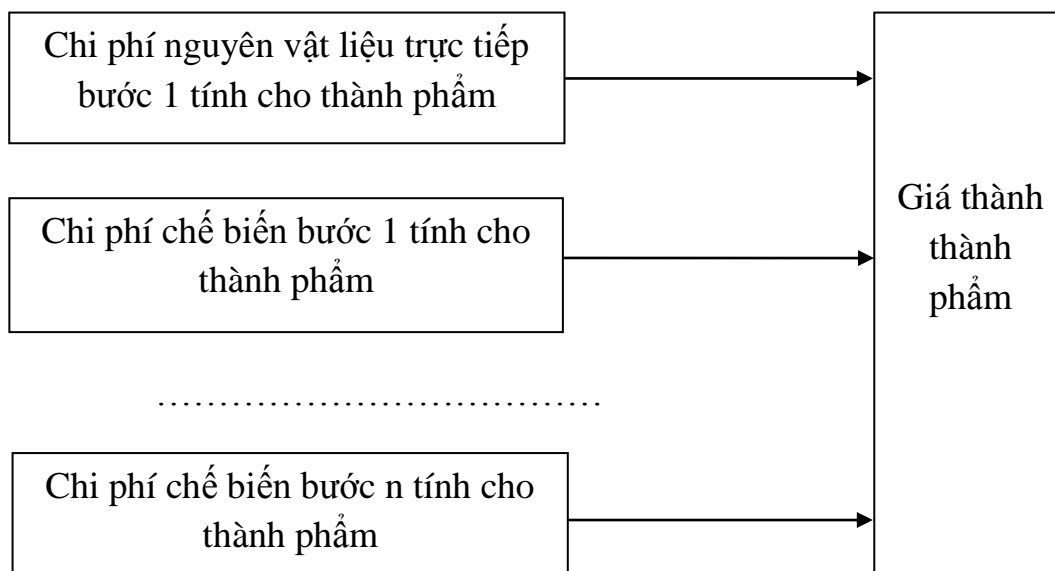
Sơ đồ 1.1: Trình tự tính giá thành theo phương pháp phân bước có tính giá thành bán thành phẩm trong doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phải qua n bước.



b) Tính giá thành theo phương pháp phân bước không tính giá thành bán thành phẩm (còn gọi là phản ánh kết chuyển song song).

Phương pháp này được áp dụng thích hợp đối với những doanh nghiệp sản xuất kiểu phức tạp, chế biến kiểu liên tục không tiêu thụ bán thành phẩm hoặc việc tiêu thụ này có ý nghĩa không lớn. Việc tính giá thành sản phẩm bước cuối cùng được thể hiện trên sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.2: Trình tự tính giá thành theo phương pháp phân bước không tính giá thành bán thành phẩm.



1.8. Đánh giá sản phẩm dở dang.

Sản phẩm dở dang là khối lượng sản phẩm, công việc còn đang trong quá trình sản xuất chế biến còn đang nằm trong dây chuyền công nghệ hoặc đã hoàn thành một vài quy trình chế biến nhưng còn phải gia công chế biến tiếp mới trở thành sản phẩm hoàn chỉnh. Trong trường hợp này chi phí sản xuất đã tập trung trong kỳ không chỉ liên quan đến sản phẩm, công việc đã hoàn thành mà còn liên quan đến những sản phẩm dở dang.

Việc đánh giá giá trị sản phẩm dở dang là một trong những yếu tố quyết định đến tính trung thực, hợp lý của giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ. Tuy nhiên việc tính toán sản phẩm dở dang là một công việc phức tạp khó có thể chính xác tuyệt đối. Phải tùy thuộc vào tình hình cụ thể của tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ, tính chất cấu thành chi phí sản xuất, trình độ quản lý doanh nghiệp mà kế toán lựa chọn phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang thích hợp. Dưới đây là các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang mà các doanh nghiệp thường áp dụng.

1.8.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương.

Theo phương pháp này kế toán dựa theo mức độ hoàn thành và số lượng sản phẩm dở dang để quy sản phẩm dở dang thành sản phẩm hoàn thành rồi từ đó xác định từng khoản mục chi phí nằm trong sản phẩm dở dang cuối kỳ.

- Đối với chi phí bỏ hết một lần ngay từ đầu vào quy trình sản xuất (thường là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp) được phân bổ đều 100% cho cả sản phẩm dở dang và sản phẩm hoàn thành.

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí NVL} \\ \text{trong sản} \\ \text{phẩm dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí NVL trong sản} \\ \text{phẩm dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí NVL phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Sản lượng sản phẩm} \\ \text{hoàn thành} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Sản lượng sản phẩm} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Sản lượng} \\ \text{sản phẩm} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Đối với chi phí bỏ dần vào quá trình sản xuất (thường là chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung) được gọi là chi phí chế biến chỉ được phân bổ cho sản phẩm dở dang theo định mức hoàn thành.

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí chế} \\ \text{biến trong sản} \\ \text{phẩm dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí chế biến dở} \\ \text{dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí chế biến} \\ \text{phát sinh trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Sản lượng sản phẩm} \\ \text{hoàn thành} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Sản lượng hoàn} \\ \text{thành tương đương} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Sản lượng} \\ \text{sản phẩm} \\ \text{hoàn thành} \\ \text{tương đương} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm hoàn} \\ \text{thành tương đương} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức độ hoàn} \\ \text{thành} \end{array}$$

Khi áp dụng phương pháp này kết quả tính toán giá trị sản phẩm dở dang mang tính chất cao. Tuy nhiên khối lượng tính toán lớn nên mất nhiều thời gian. Mặt khác việc xác định mức độ chế biến hoàn thành của sản phẩm dở dang là một công việc phức tạp mang nặng tính chủ quan. Phương pháp này chỉ thích hợp với những doanh nghiệp mà sản phẩm của doanh nghiệp có tỷ trọng chi phí

nguyên vật liệu trực tiếp trong tổng chi phí sản phẩm không quá lớn, khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ nhiều biến động lớn so với đầu kỳ.

1.8.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo 50% chi phí chế biến.

Để đơn giản hóa việc tính toán, đối với những sản phẩm mà chi phí chế biến chiếm tỷ lệ không nhỏ trong tổng chi phí, kế toán thường sử dụng phương pháp này. Thực chất phương pháp này là một dạng của phương pháp đánh giá dở dang theo sản lượng ước tính tương đương, trong đó chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được giả định luôn hoàn thành 50%.

1.8.3. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Theo phương pháp này kế toán giả định trong sản phẩm dở dang cuối kỳ chỉ có chi phí nguyên vật liệu trực tiếp mà không tính đến các chi phí sản xuất khác (như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung). Kế toán xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ theo công thức.

$$\text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí NVL trực tiếp phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng dở dang cuối kỳ}} \times \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

1.8.4. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí định mức.

Phương pháp này chỉ áp dụng thích hợp đối với những doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống định mức và dự toán chi phí hoặc thực hiện phương pháp tính giá thành định mức.

Theo phương pháp này kế toán căn cứ vào khối lượng sản phẩm dở dang, mức độ hoàn thành sản phẩm dở dang ở từng công đoạn sản xuất và định mức từng khoản mục chi phí cho từng giai đoạn sản xuất để tính ra giá trị từng sản phẩm dở dang theo chi phí định mức.

$$\text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \text{Chi phí sản xuất định mức đơn vị sản phẩm} \times \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ} \times \text{Mức độ hoàn thành}$$

1.9. Nội dung hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm.

1.9.1. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Ở những doanh nghiệp này các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến hàng tồn kho: việc nhập kho, xuất kho, tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ ... được theo dõi thường xuyên trong sổ kế toán.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến một đối tượng chịu chi phí thì được hạch toán trực tiếp cho đối tượng đó. Đối với các chi phí liên quan chung đến nhiều đối tượng chịu chi phí mà không tách riêng được thì đến cuối kỳ kế toán phải hạch toán lại rồi tiến hành phân bổ cho từng đối tượng liên quan theo tiêu thức phù hợp.

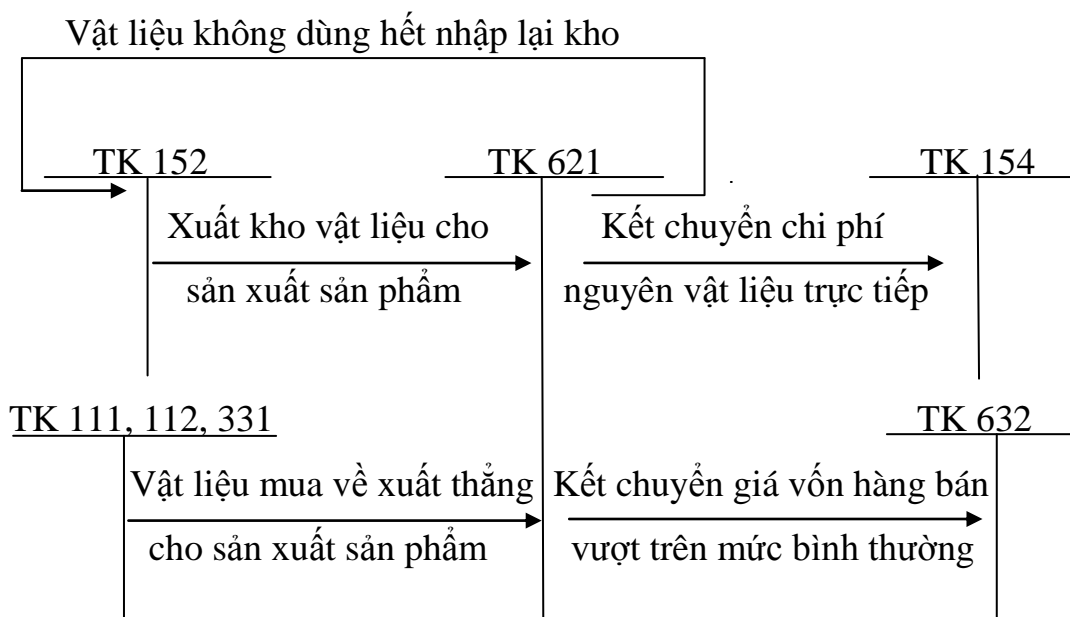
Chi phí sản xuất trong kỳ được tập hợp trên các tài khoản sau:

- Tài khoản 621: “ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”.
- Tài khoản 622: “ Chi phí nhân công trực tiếp”.
- Tài khoản 627: “ Chi phí sản xuất chung”.

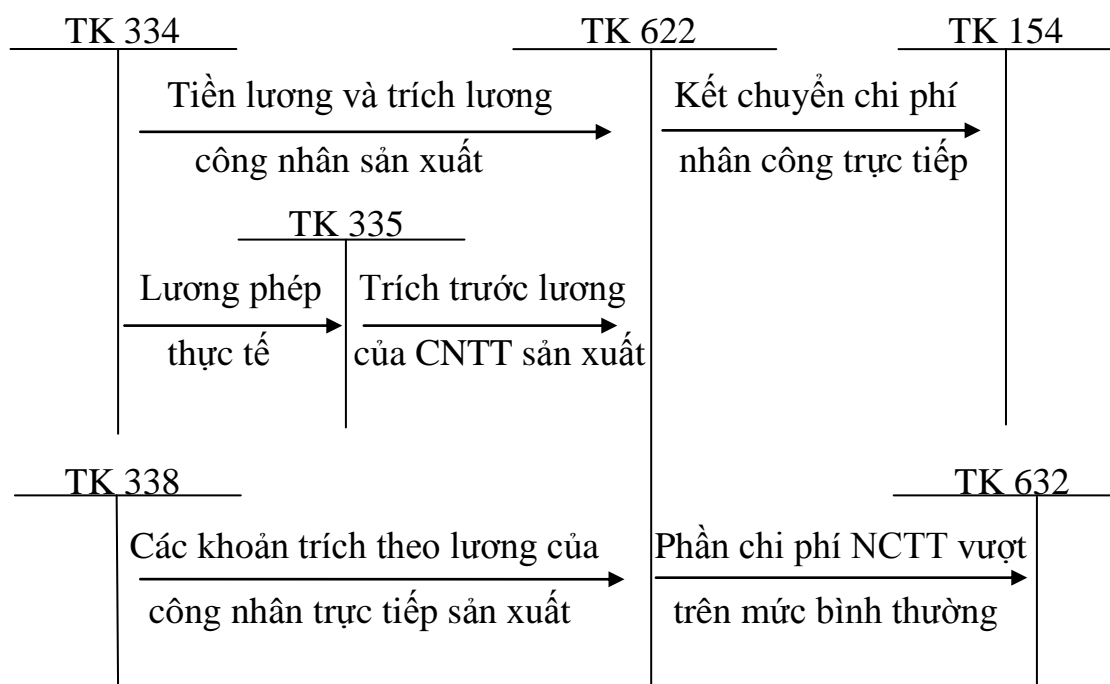
Sau khi hạch toán và phân bổ các loại chi phí sản xuất, kế toán tiến hành tổng hợp lại để tính giá thành sản phẩm. Theo phương pháp kê khai thường xuyên thì tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” được sử dụng để hạch toán chi phí sản xuất. Tài khoản này được mở chi tiết theo từng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất.

Nội dung và trình tự hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên được phản ánh như sau:

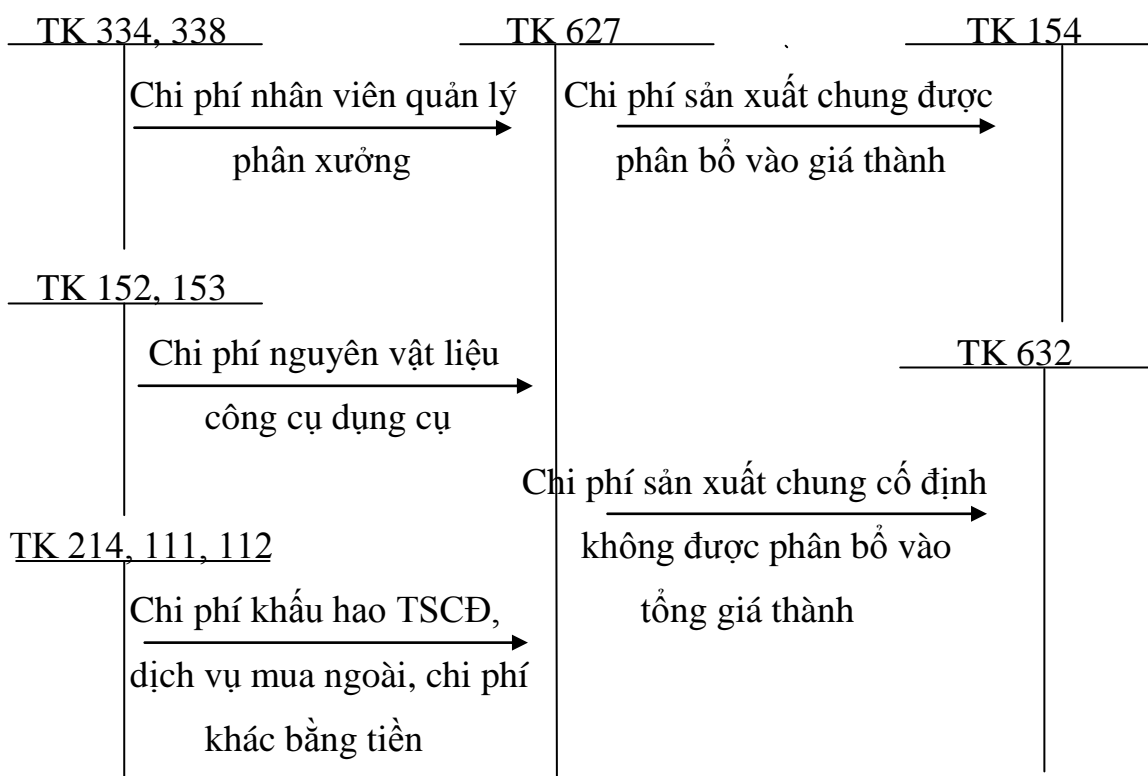
Sơ đồ 1.3: Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.



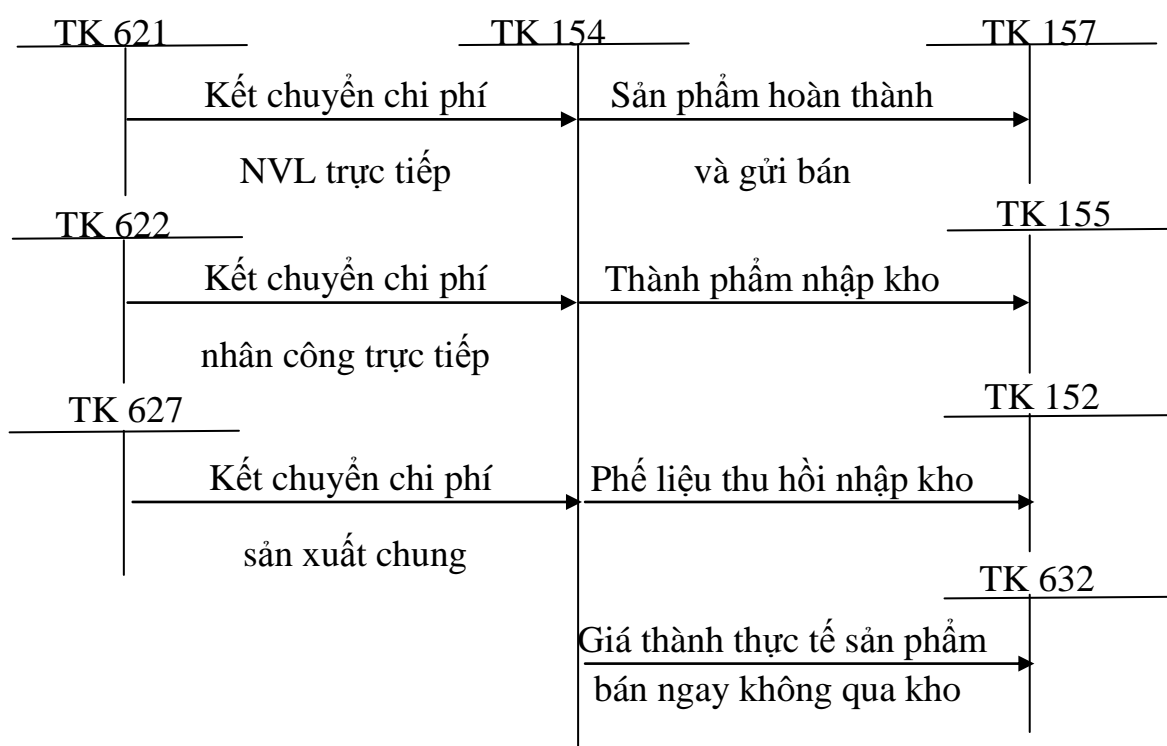
Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.



Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí sản xuất chung.



Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

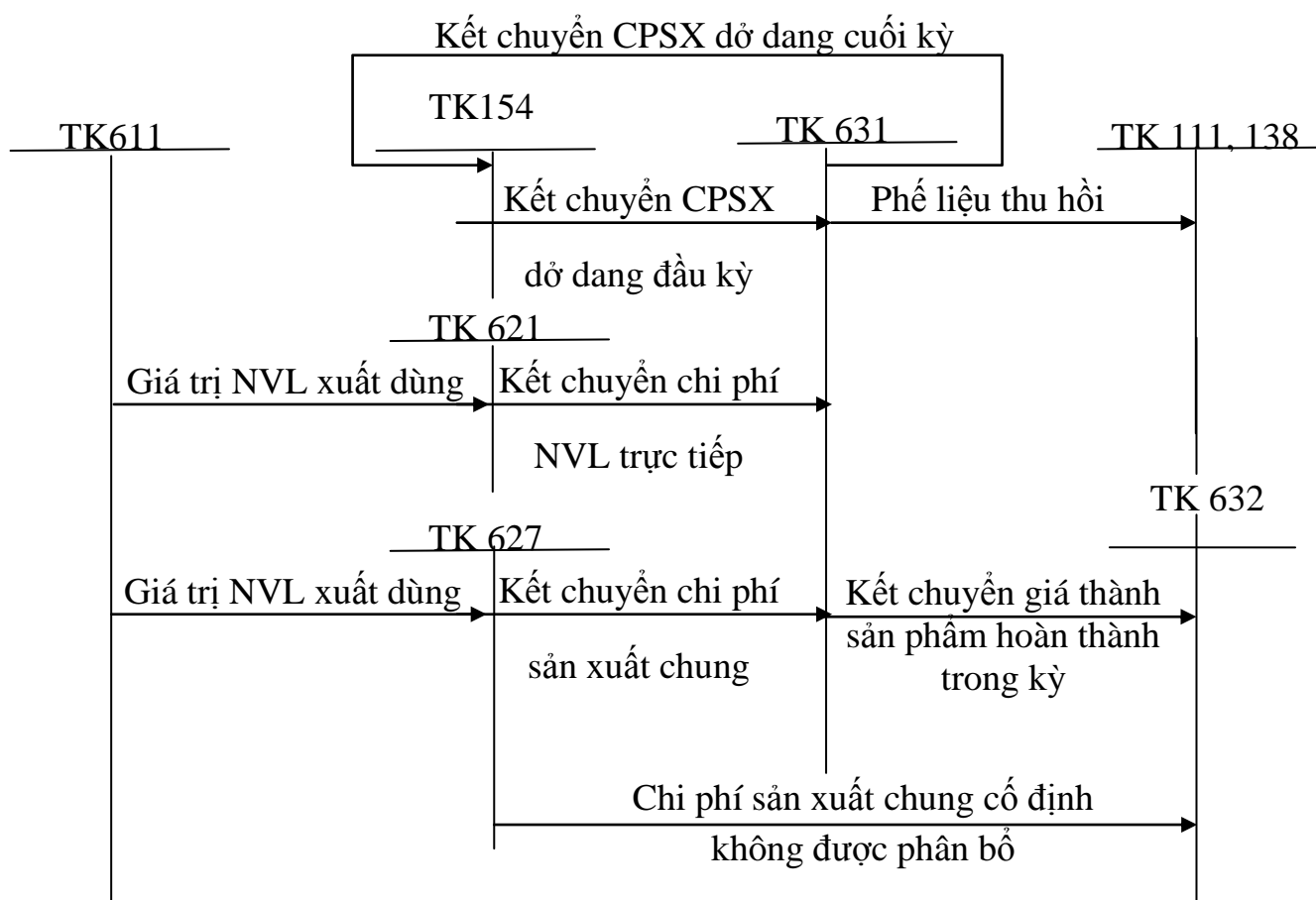


1.9.2. Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Trong những doanh nghiệp này các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến hàng tồn kho được ghi sổ liên tục. Các TK621, 622, 627 vẫn được sử dụng để tập hợp chi phí sản xuất nhưng TK154 chỉ được sử dụng để phản ánh giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ. Để tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành kế toán sử dụng TK631 - "Giá thành sản phẩm"

Trình tự hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo phương pháp kiểm kê định kỳ được phản ánh qua sơ đồ sau:

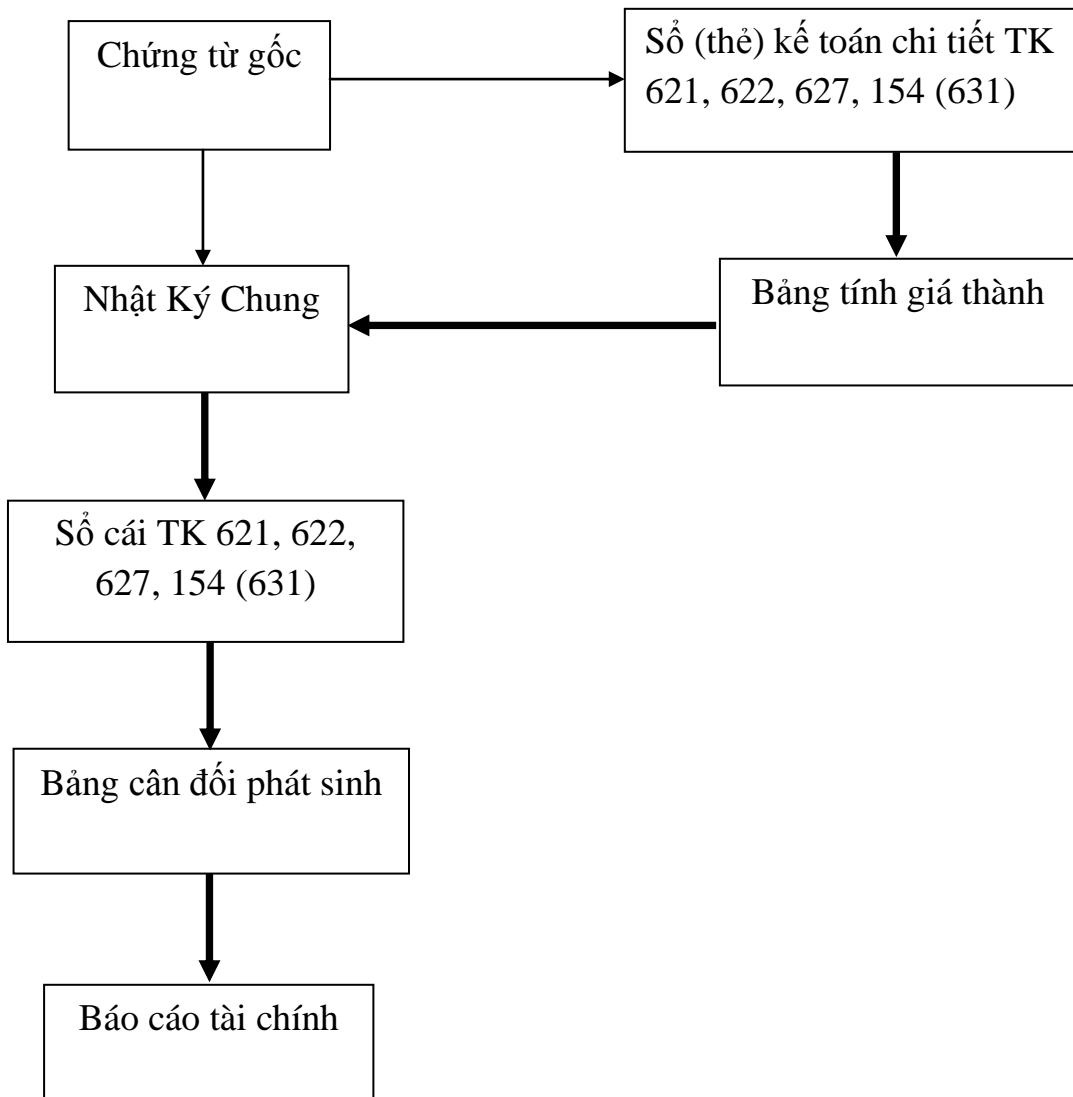
Sơ đồ 1.7: Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



1.10. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán.

1.10.1. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán nhật ký chung.

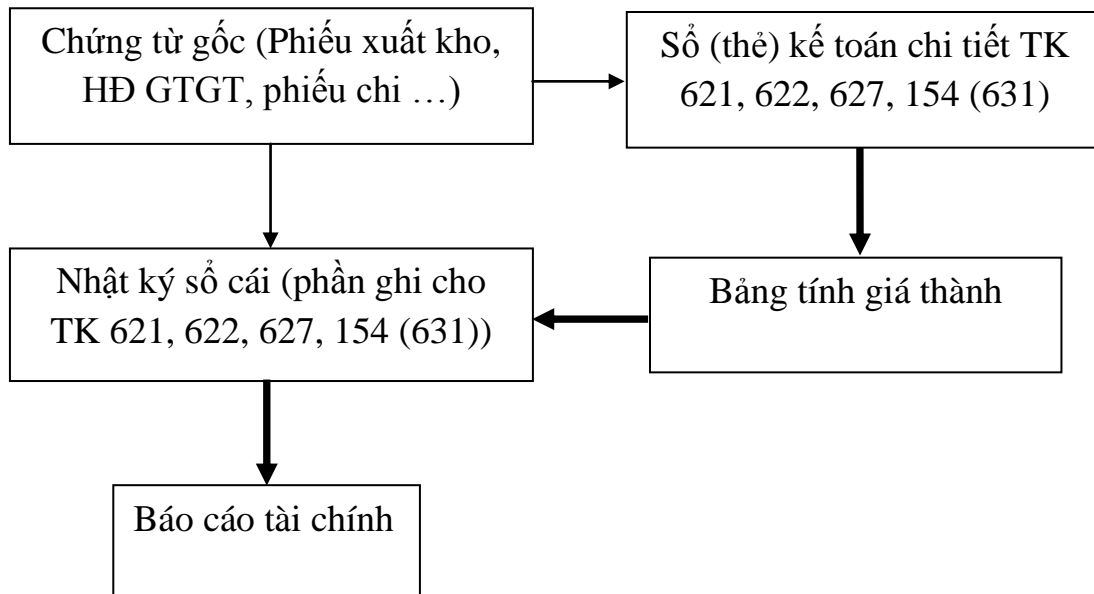
Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán nhật ký chung.



Ghi chú: → Ghi hàng ngày
→ Ghi định kỳ

1.10.2. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật Ký – Sổ Cái.

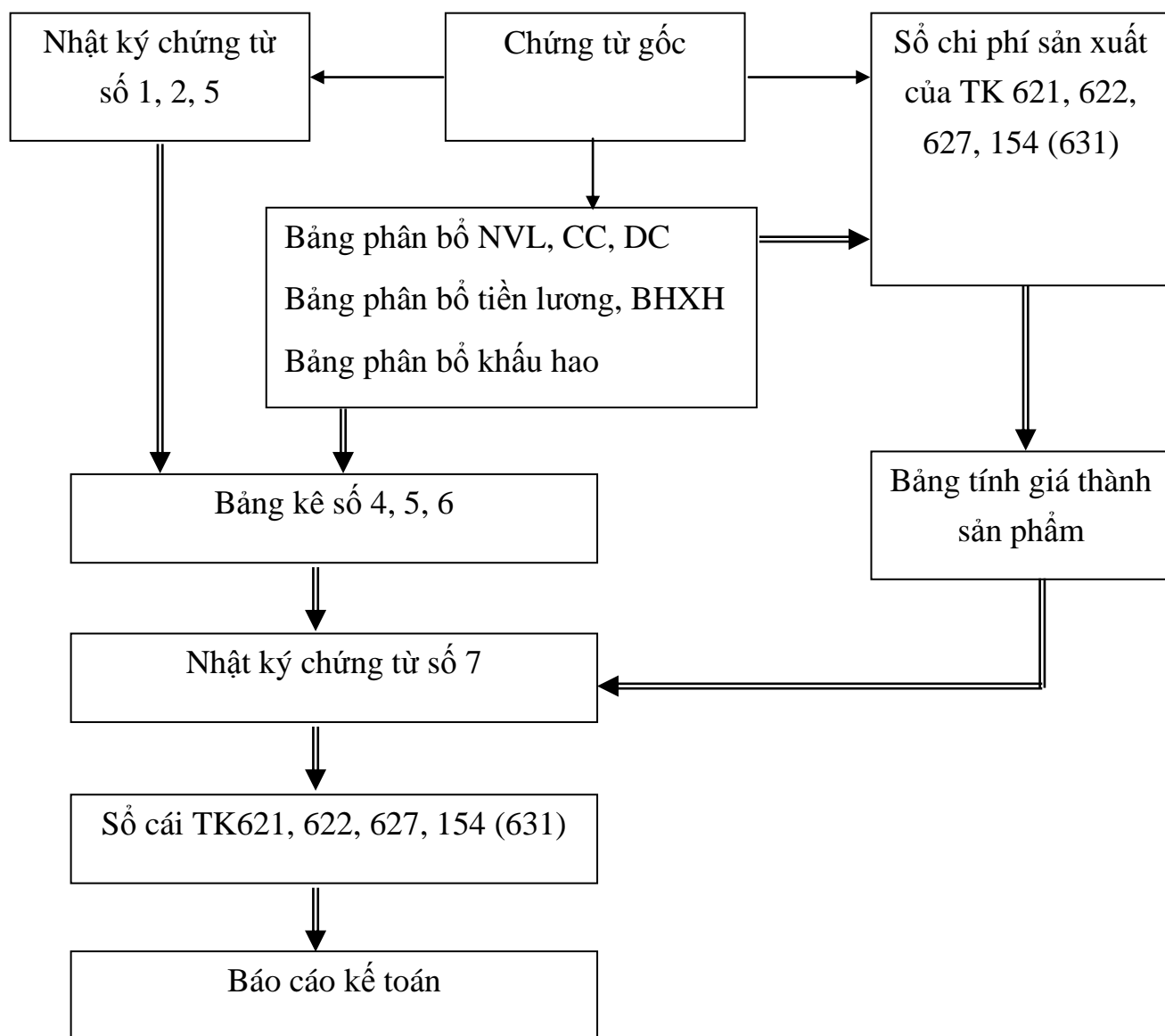
Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật Ký – Sổ Cái.



Ghi chú: → Ghi hàng ngày
 → Ghi định kỳ

1.10.3. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật Ký – Chứng Từ.

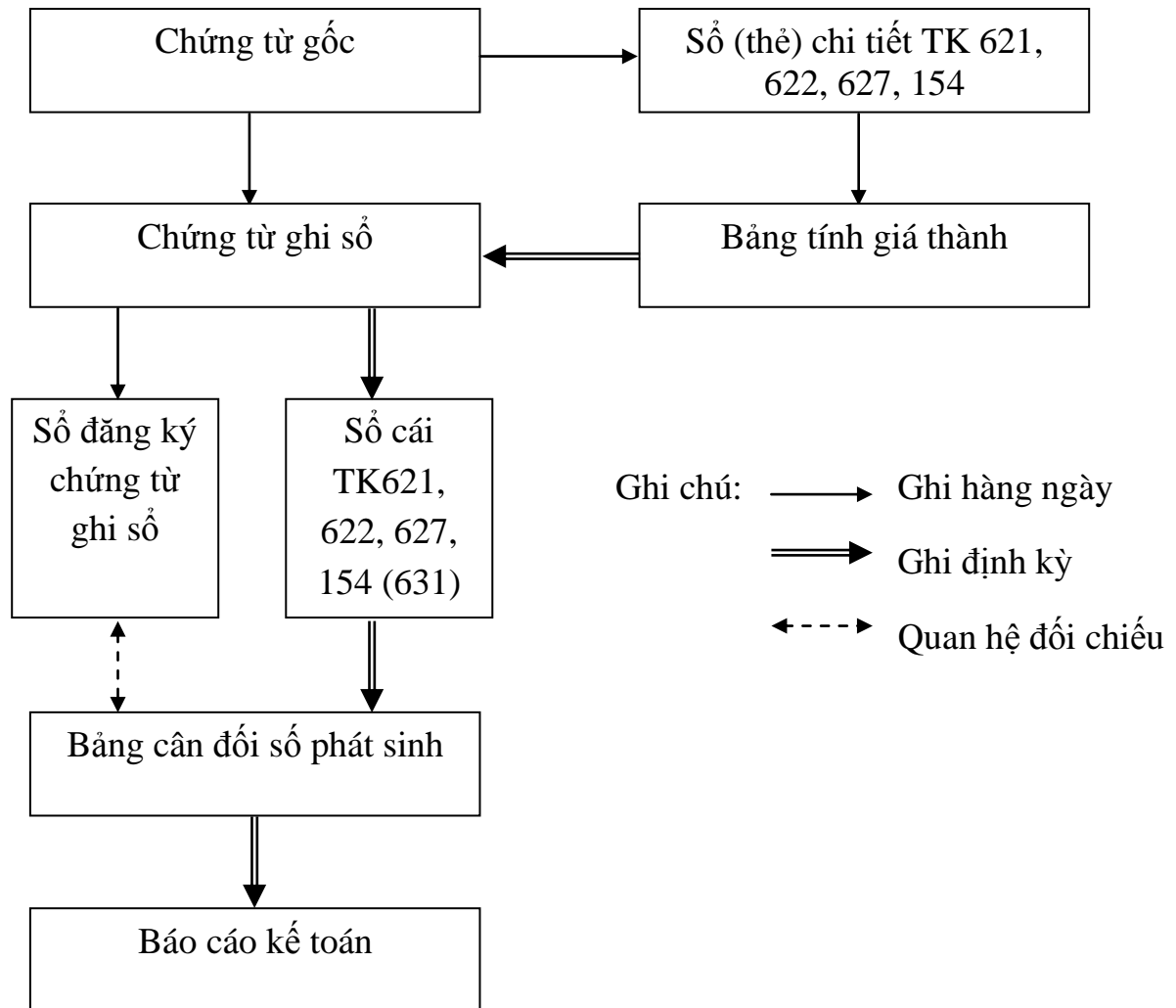
Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.



Ghi chú: —————> Ghi Hàng ngày
—————> Ghi định kỳ

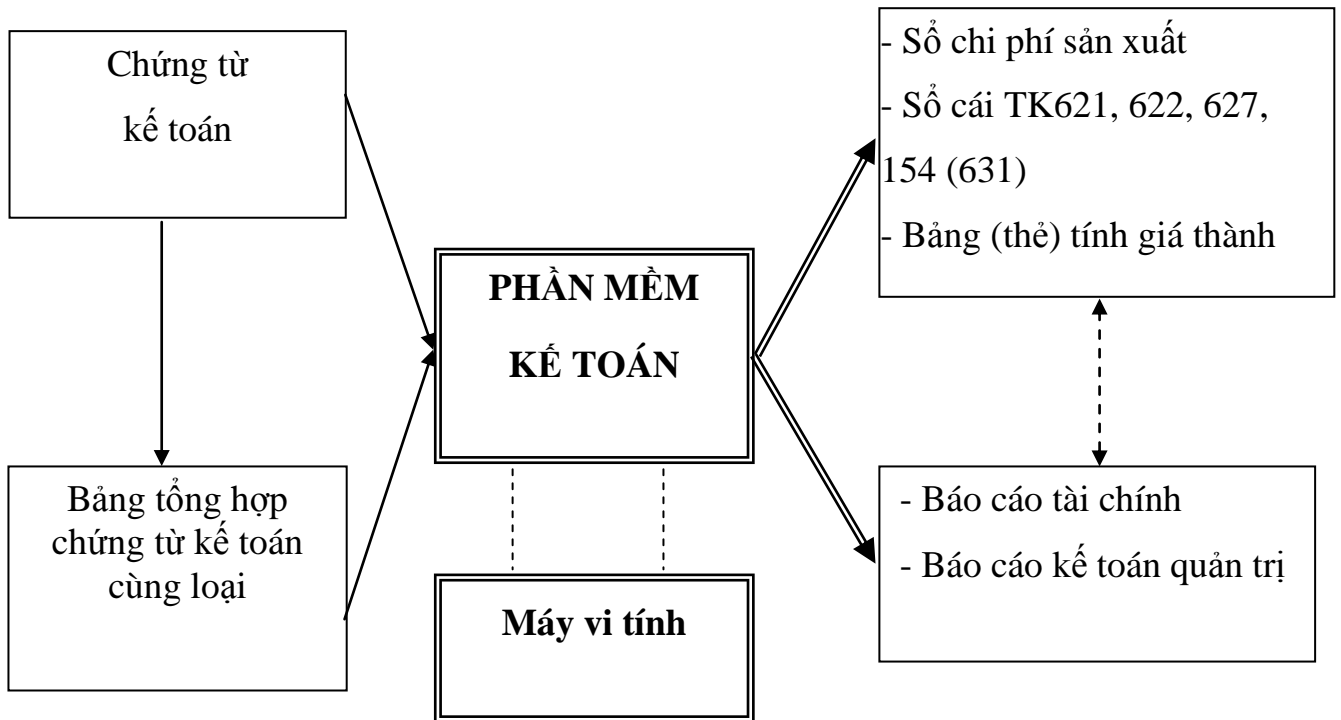
1.10.4. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.



1.10.5. Đặc điểm kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Sơ đồ 1.12: Trình tự kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính.



Ghi chú: → Ghi hàng ngày
 ⇒ Ghi định kỳ
 -----> Quan hệ đối chiếu

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HẢI PHÒNG

2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

Trước đây trong thời bao cấp, chỉ có cửa hàng bách hóa mậu dịch của Nhà nước nhằm phân phối lương thực - thực phẩm và mọi nhu yếu phẩm khác cho nhân dân. Trải qua nhiều năm bao cấp khiến nền kinh tế nước ta càng thêm lạc hậu, cuộc sống người dân càng thêm khó khăn. Đứng trước tình hình đó, Nhà nước xóa bỏ chế độ bao cấp để nhân dân được hưởng đúng những gì mình bỏ công sức ra làm. Do đó cửa hàng thủ công nghiệp của huyện An Dương được chuyển thành công ty sản xuất và kinh doanh thủ công nghiệp – tiểu công nghiệp theo quyết định số 105 QĐ-UB của UBND thành phố Hải Phòng ngày 22/12/1986.

Cùng với sự phát triển đi lên của đất nước, tiến hành công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn, ngày 18/4/1994 theo Quyết định số 631/QĐ-UB-ĐMDN đã đổi tên và thêm chức năng, nhiệm vụ mới cho công ty là công ty sản xuất và kinh doanh hàng xuất nhập khẩu Hải Phòng. Cuối thập kỷ 80 và những năm đầu thập kỷ 90 khi Liên Xô và các nước Đông Âu tan vỡ, nơi mà trước đó là thị trường chính của công ty đã khiến công ty đứng trước hàng loạt khó khăn như: việc làm, thị trường, sự giao động của cán bộ công nhân viên đã làm cho công ty ngày càng khó khăn hơn.

Song với tinh thần lao động sáng tạo, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Bộ, công ty đã tìm ra được thị trường mới, đầu tư sản xuất thêm nhiều ngành nghề, đa dạng hóa các ngành nghề sản xuất.

Đất nước ngày càng mở rộng hội nhập với Thế Giới, Việt Nam chủ trương làm bạn với các nước trên Thế Giới. Sau này chúng ta bình thường hóa quan hệ với Mỹ, mở rộng làm ăn với liên minh EU, xúc tiến việc gia nhập WTO. Do đòi hỏi của việc hội nhập WTO Nhà nước đã có quyết định cổ phần hóa các công ty của Nhà nước để các công ty này phải tự kinh doanh có lãi, cạnh tranh lành mạnh, công bằng với các công ty tư nhân. Cùng với xu thế chung đó ngày 17/09/2004 công ty đã chuyển thành Công ty Cổ Phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng theo quyết định số 2231/QĐ – UB của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Sau khi tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp, công ty đã đi vào hoạt động theo luật doanh nghiệp. Tuy còn gặp rất nhiều khó khăn trước sự thay đổi chung của nền kinh tế Thế Giới và của nền kinh tế Việt Nam nói riêng nhưng trước tiên nó đã đem lại được những kết quả khả quan như: sản xuất phát triển nhanh đáp ứng được nhu cầu về đời sống vật chất cũng như tinh thần của cán bộ công nhân viên trong công ty.

Hiện nay:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HẢI PHÒNG**

- Tên Tiếng Anh: **ANPROTEX**

- Tên viết tắt: **APT**

- Trụ sở chính của công ty tại: Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng.

- Điện thoại: 0313.749778

- Fax: 84.31.749777

- MST: 0200152930

Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng

- Email: ANPROTEX@YAHOO.COM

Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng là pháp nhân theo pháp luật Việt Nam, hoạt động theo Điều lệ của công ty và Luật doanh nghiệp, được hưởng các ưu đãi đối với công ty Nhà nước thực hiện cổ phần hóa. Công ty thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, được sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng trong và ngoài nước.

Lĩnh vực kinh doanh của công ty:

- Sản xuất và gia công các sản phẩm quần, áo và giày.
- Nhập khẩu: Một số nguyên liệu phục vụ cho sản xuất giày và áo Jacket.
- Xuất khẩu: Các sản phẩm do công ty làm ra.

Sau đây là một số chỉ tiêu chính của công ty trong 3 năm gần đây:

Biểu số 2.1: Kết quả hoạt động của công ty 3 năm gần đây.

STT	Chỉ tiêu	2008	2009	2010
1	Tổng doanh thu	12.356.985.126	14.242.110.387	16.740.339.886
2	Tổng doanh thu thuần	12.356.985.126	14.242.110.387	16.740.339.886
3	Tổng giá vốn hàng bán	9.358.554.578	10.385.339.698	12.054.889.900
4	Tổng lợi nhuận gộp	2.998.430.542	3.856.770.690	4.685.449.980
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	2.080.772.890	2.876.007.668	3.629.886.550
6	Thu nhập bình quân 1 lao động/ tháng	1.390.000	1.580.000	1.755.000
7	Thuế và các khoản nộp NSNN	520.193.223	719.001.917	907.471.638
8	Vốn kinh doanh bình quân	7.024.228.996	8.482.776.534	9.218.926.002

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng)

2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

** Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.*

Sản phẩm chính của công ty là các mặt hàng chủ yếu là quần, áo, giày, dép... gồm nhiều chủng loại được sản xuất dưới một đội ngũ công nhân có kinh nghiệm. Hầu hết các sản phẩm này được công ty sản xuất và gia công hàng loạt theo đơn đặt hàng của khách hàng.

Hầu hết các sản phẩm của công ty được sản xuất theo các đơn đặt hàng và nhận gia công cho một số công ty. Việc sản xuất của công ty được tiến hành dưới 2 phân xưởng.

- Phân xưởng may: Là phân xưởng có nhiệm vụ sản xuất và gia công các loại quần, áo. Đây là phân xưởng quan trọng có quy mô lớn nhất, sản xuất ra các sản phẩm chủ đạo cho công ty và đem lại lợi nhuận lớn nhất cho công ty.

- Phân xưởng giày: Có nhiệm vụ sản xuất và gia công các loại giày phục vụ cho việc xuất khẩu.

** Quy trình công nghệ tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng .*

Sản phẩm của công ty bao gồm nhiều loại Mỗi sản phẩm đều có những quy trình sản xuất khác nhau. Sau đây là quy trình công nghệ sản xuất áo Jacket bao gồm các bước sau:

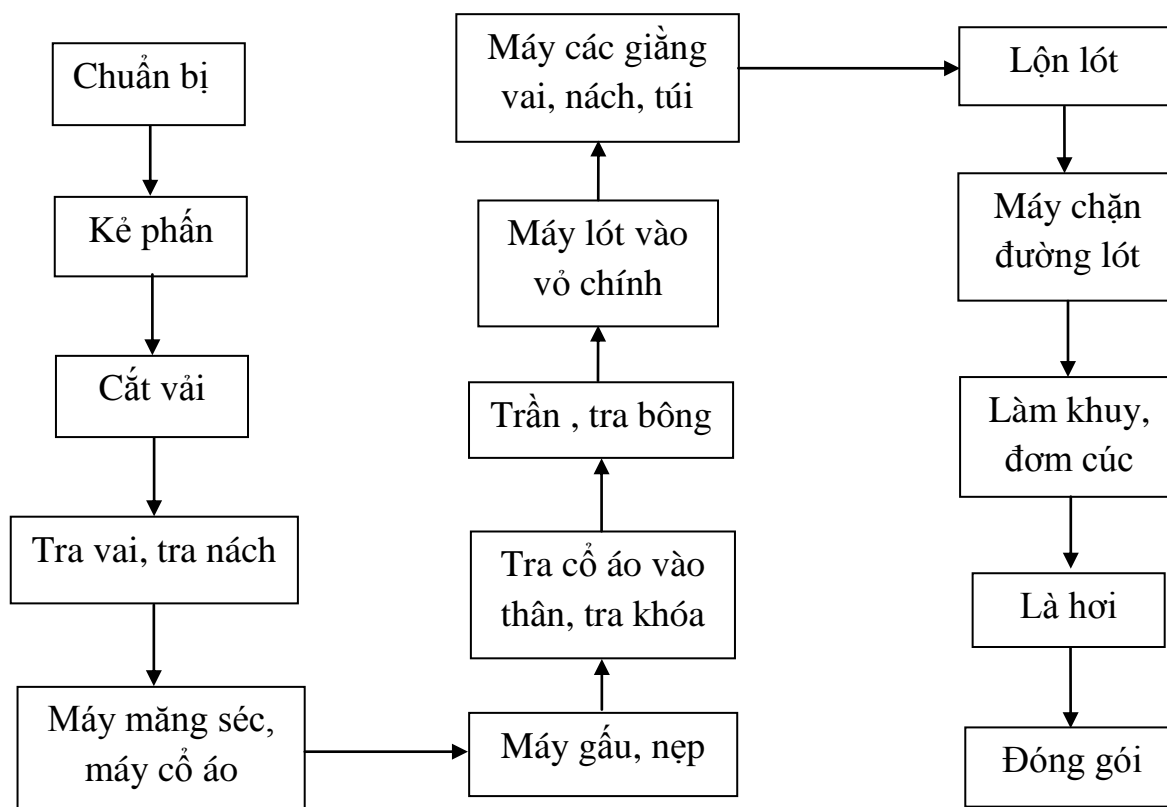
- Chuẩn bị: Trước mỗi ca sản xuất, tất cả các công đoạn trong quy trình công nghệ đều được thực hiện công tác chuẩn bị về con người, trang thiết bị, nguyên nhiên liệu.

- Kê phần: Là việc tạo ra các khuôn mẫu cho chiếc áo.

- Cắt vải: Là công đoạn được xem là khá quan trọng trước khi tạo ra được một chiếc áo hoàn chỉnh.

- Tra, máy: Được xem là công đoạn cẩn thận và rất quan trọng trong việc tạo ra một sản phẩm hoàn hảo về chất lượng cũng như mẫu mã của sản phẩm.
- Làm khuy, đơm cúc: Là giai đoạn gần như hoàn thành sản phẩm.
- Là hơi: Là giai đoạn cuối cùng cho một chu trình sản xuất ra một chiếc áo.
- Đóng gói: Hoàn tất.

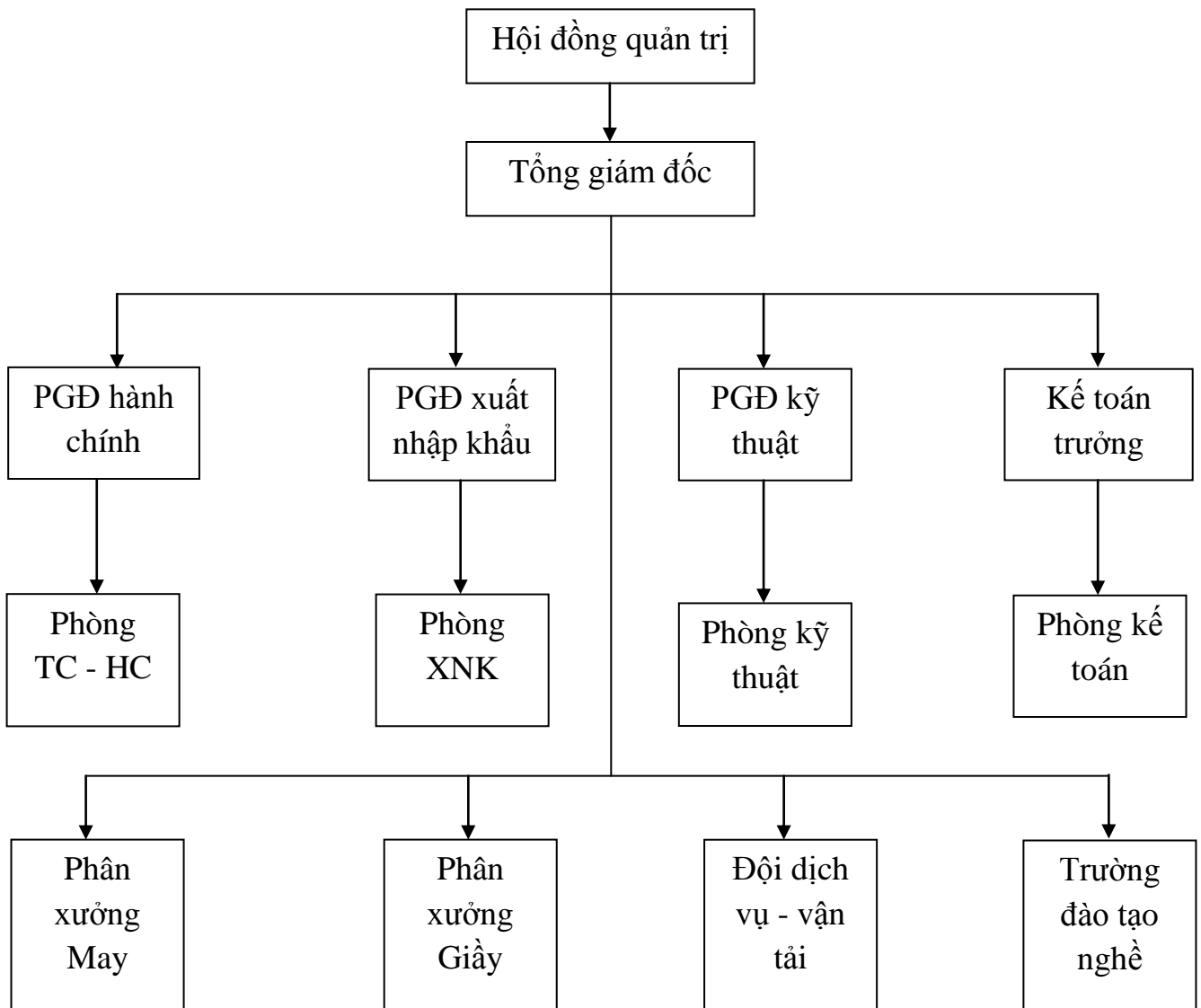
Sơ đồ 2.1: Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm áo Jacket tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.



2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

Với mục đích điều hành sản xuất kinh doanh và quản lý quá trình sản xuất đạt hiệu quả cao thì bộ máy quản lý hợp lý, gọn nhẹ góp phần làm giảm chi phí, nâng cao năng suất. Để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh, công ty đã xây dựng bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến – chức năng bao gồm:

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.



Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban.

Đứng đầu công ty chịu trách nhiệm chung về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty là chủ tịch hội đồng quản trị.

- Tổng giám đốc công ty: Nguyễn Minh Châu.

Để hỗ trợ cho tổng giám đốc công ty có 3 phó tổng giám đốc:

+ Phó tổng giám đốc hành chính: Trịnh Đức Thuận.

+ Phó tổng giám đốc xuất nhập khẩu: Nguyễn Thị Hoa Anh.

+ Phó tổng giám đốc kỹ thuật: Đinh Văn Năng.

Các phòng ban chức năng của công ty cũng được đơn giản hóa rất nhiều.

Phòng TC - HC: giải quyết các vấn đề về chế độ chính sách, tuyển dụng công nhân lao động, theo dõi chấm công...

Phòng XNK: là bộ phận chính của công ty, chuyên làm thủ tục cho bên đặt hàng và bên đặt gia công đưa sang và làm thủ tục để xuất hàng sang các thị trường do bên đặt hàng và bên đặt gia công chỉ định.

Phòng kỹ thuật: theo dõi, giám sát kỹ thuật trong xưởng may theo đúng quy định của bên đặt hàng yêu cầu.

Phòng kế toán: theo dõi tập hợp đầy đủ các chứng từ thu chi làm lương thợ phụ cấp theo quy định cho cán bộ công nhân viên trong công ty, quyết toán cân đối lãi - lỗ theo tháng quý năm, tình hình thực hiện Ngân sách nhà nước (nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản khác): tính toán chia cổ phần hàng năm cho các cổ đông...

Các phân xưởng trực thuộc công ty:

Phân xưởng May: Đây là phân xưởng chính của công ty, chuyên sản xuất các loại quần áo theo đơn đặt hàng và bên đặt gia công yêu cầu theo đơn đặt hàng của các đối tác đặt hàng, đây cũng là phân xưởng quan trọng và có quy mô lớn nhất, sản xuất ra các sản phẩm chủ đạo cho công ty và đem lại lợi nhuận lớn nhất cho công ty. Phân xưởng May có hơn 100 công nhân chia làm 8 tổ may còn lại là tổ hoàn chỉnh sản phẩm (tổ là ủi, đóng gói sản phẩm...), tổ nhặt chỉ, công nhân ăn lương theo sản phẩm, được hưởng quyền lợi chế độ theo đúng quy định của Luật lao động.

Phân xưởng Giày: Có nhiệm vụ sản xuất và gia công các loại giày, dép theo bên gia công yêu cầu, nhưng không phải là sản phẩm chính của công ty. Phân xưởng gồm 35 công nhân.

Tại mỗi phân xưởng đều có quản đốc, phó quản đốc và các tổ trưởng giám sát, đôn đốc, kiểm tra và hướng dẫn kịp thời từng khâu trong quá trình sản xuất.

Đội dịch vụ vận tải: Bao gồm 10 công nhân. Có nhiệm vụ chuyên chở hàng cho bên gia công và khách hàng đặt hàng yêu cầu sau khi đã hoàn thành sản phẩm.

Trường đào tạo nghề: Tuyển sinh dạy nghề may công nghiệp, thợ hàn, thợ điện ... sau khóa học được cấp chứng chỉ học nghề và được ưu tiên vào làm việc tại công ty nếu có nguyện vọng.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty Cổ Phần Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Hải Phòng.

2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ Phần Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Hải Phòng.

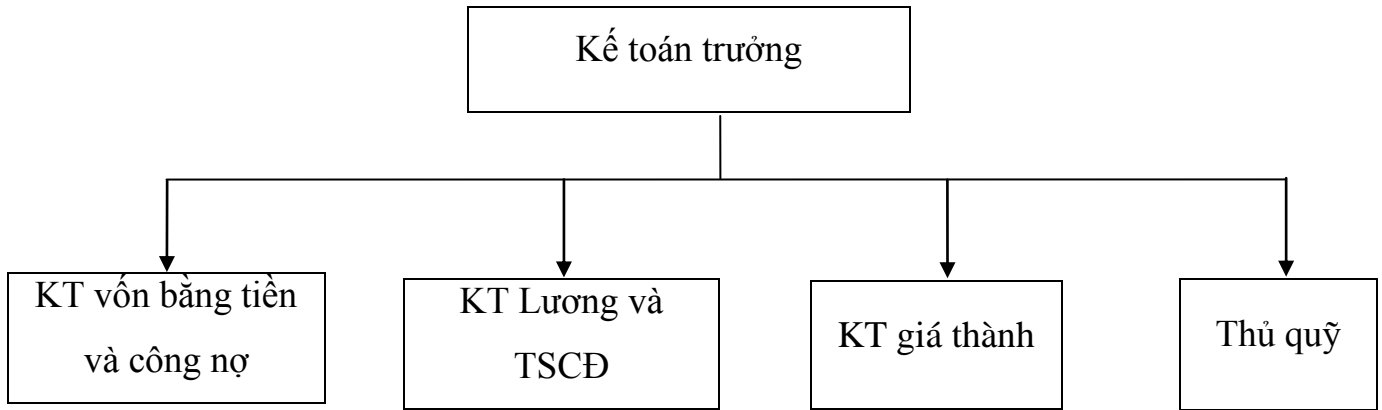
Để đảm bảo cho bộ máy kế toán của công ty hoạt động có hiệu quả phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty, công ty đã tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung.

Công ty không có các kế toán viên tại mỗi phân xưởng mà chỉ có các nhân viên thống kê làm nhiệm vụ kiểm tra chứng từ, định kỳ gửi các chứng từ về phòng kế toán để kế toán viên hạch toán vào sổ sách.

Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty tương đối gọn nhẹ bao gồm:

- Kế toán trưởng.
- Kế toán vốn bằng tiền và công nợ.
- Kế toán lương và TSCĐ.
- Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.
- Thủ quỹ.

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.



Chức năng nhiệm vụ của mỗi bộ phận kế toán.

Kế toán trưởng: Chịu trách nhiệm trước giám đốc về chế độ hạch toán kế toán, quản lý vốn, kí các chứng từ kế toán định khoản trên sổ sách hồ sơ toàn công ty lưu trữ, tổng hợp quyết toán toàn công ty, lập báo cáo tài chính.

- Công tác quản lý tài chính, tổ chức kế toán toàn công ty thực hiện nghiêm chỉnh luật kế toán, luật thuế cũng như các quy định của pháp luật nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- Thực hiện chức năng kiểm soát viên tài chính của công ty.

- Tổ chức chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra tài chính thường xuyên và theo quý, sáu tháng, cả năm cho tất cả các đơn vị nội bộ. Tuân thủ các quy định về thanh tra, kiểm tra của cấp trên cũng như các cơ quan lý của nhà nước.

- Là người đề xuất, soạn thảo, điều chỉnh các quy chế tài chính nội bộ để giám đốc duyệt.

Kế toán vốn bằng tiền và công nợ: Kiểm duyệt chứng từ, tài liệu và viết phiếu thu, chi những vụ việc phát sinh thanh toán trong công ty và các đơn vị trực thuộc.

Kế toán lương và TSCĐ: Quản lý lao động về mặt số lượng, dựa vào bảng chấm công của từng phân xưởng, tổ sản xuất, theo dõi và tính các khoản trích

theo lương theo chế độ hiện hành. Theo dõi tình hình tăng, giảm TSCĐ, tính và trích khấu hao.

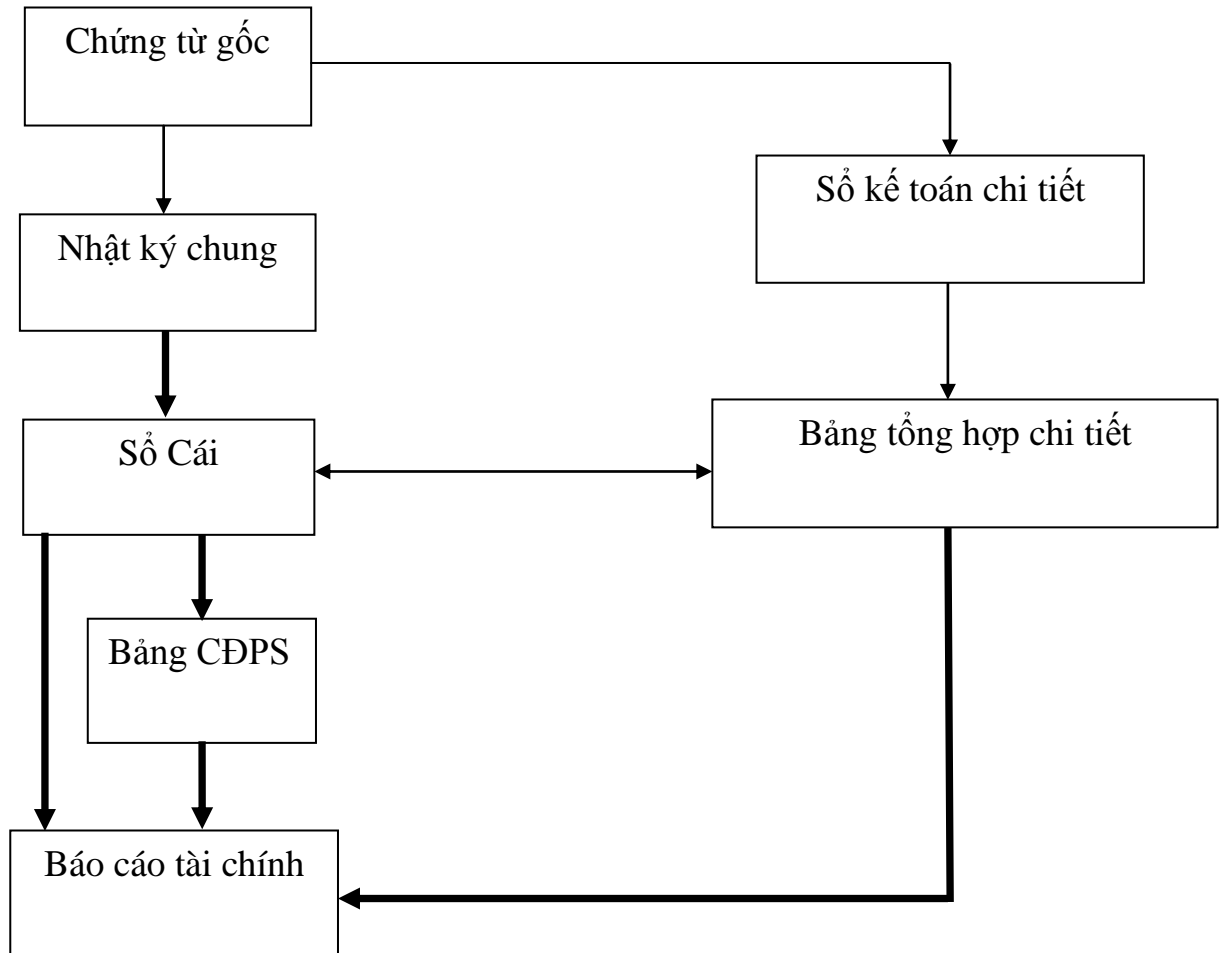
Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm: Theo dõi, tập hợp, phân bổ chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm hoàn thành nhập kho trong kỳ.

Thủ quỹ: Theo dõi công nợ với ngân hàng, khách hàng, viết phiếu thu, phiếu chi, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi.

2.1.4.2. Chính sách kế toán áp dụng tại công ty tại công ty Cổ Phần Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Hải Phòng.

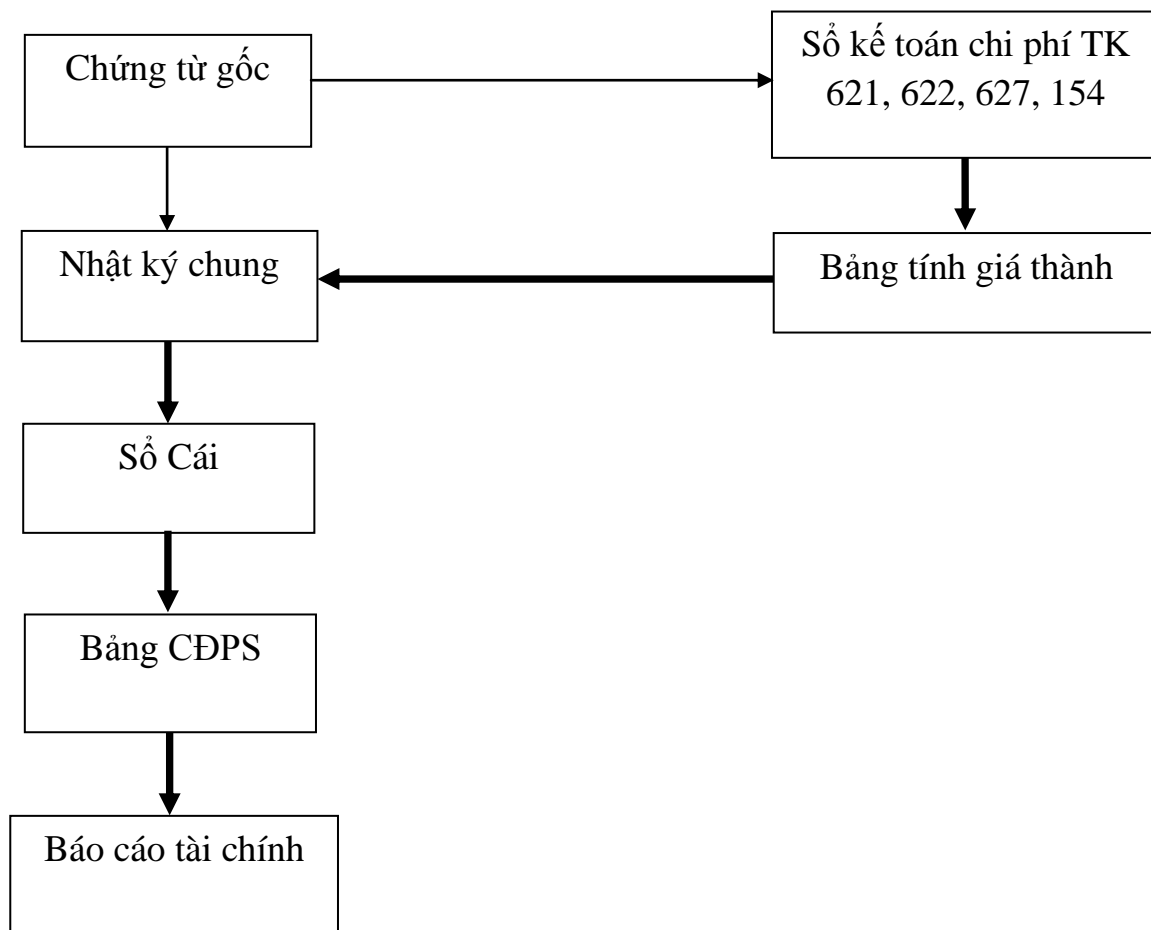
- Kỳ kế toán: Áp dụng theo năm. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Kỳ hạch toán: Áp dụng theo tháng.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam.
- Chế độ và chuẩn mực kế toán áp dụng: Thực hiện hạch toán căn cứ vào “chế độ kế toán doanh nghiệp” ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.



Ghi chú: → Ghi hàng ngày
 ↔ Ghi đối chiếu kiểm tra
 ➔ Ghi định kỳ

Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán nhật ký chung tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.



Ghi chú: \longleftrightarrow Ghi hàng ngày

\longrightarrow Ghi định kỳ

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: Áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng.

- Phương pháp tính thuế GTGT: Áp dụng phương pháp khấu trừ.

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

2.2.1. Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất.

Chi phí sản xuất của công ty là biểu hiện bằng tiền về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ, tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất, nhân viên quản lý phân xưởng và các chi phí khác trong kỳ hạch toán của công ty phục vụ cho quá trình sản xuất.

Để thuận tiện cho công tác quản lý, hạch toán, kiểm tra chi phí cũng như phục vụ cho việc ra các quyết định kinh doanh, chi phí sản xuất của công ty được phân loại theo các khoản mục chi phí. Theo cách phân loại này chi phí sản xuất được chia thành các khoản mục sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (CPNVLT): là toàn bộ chi phí nguyên vật liệu được sử dụng trực tiếp cho quá trình sản xuất ra sản phẩm bao gồm: chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nguyên vật liệu phụ,
- Chi phí nhân công trực tiếp (CPNCTT): bao gồm tiền lương, các khoản phải trả trực tiếp cho công nhân sản xuất và các khoản trích theo lương của công nhân sản xuất như BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ.
- Chi phí sản xuất chung (CPSXC): là các khoản chi phí liên quan đến việc phục vụ và quản lý sản xuất trong phạm vi các phân xưởng, các tổ sản xuất: chi phí dụng cụ sản xuất, khấu hao, điện, nước,

Theo mô hình này chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp được căn cứ vào các phiếu xuất kho NVL, bảng chấm công, bảng thanh toán lương và các khoản trích theo lương, ... để tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng kế toán cho từng đơn đặt hàng. Đối với chi phí sản xuất chung trong trường hợp mỗi phân xưởng chỉ sản xuất một đơn hàng thì chi phí sản xuất chung tập hợp cho từng đơn hàng. Trường hợp phân xưởng sản xuất nhiều đơn hàng thì chi phí sản xuất chung tập hợp cho từng phân xưởng sau đó phân bổ cho từng đơn hàng theo tiêu chuẩn quy định.

2.2.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

** Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất:*

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất được xác định là từng phân xưởng sản xuất bao gồm toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh kể từ lúc bắt đầu thực hiện đơn hàng đến khi giao hàng cho khách hàng. Mỗi đơn hàng có thể là một sản phẩm hay một loại sản phẩm.

** Đối tượng tính giá thành sản phẩm.*

Đối tượng tính giá thành là đối tượng hao phí vật chất mà doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất đã được kết tinh trong đó nhằm định lượng hao phí vật chất cần được bù đắp cũng như tính toán được kết quả sản xuất kinh doanh.

Để phù hợp với đặc điểm của tổ chức sản xuất, công ty xác định đối tượng tính giá thành là đơn đặt hàng.

2.2.3. Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

** Kỳ tính giá thành:*

Giá thành sản phẩm không phải tính bất cứ vào thời điểm nào mà phải dựa vào khả năng xác định về số lượng cũng như việc xác định lượng chi phí sản xuất có liên quan đến kết quả đó. Kỳ tính giá thành là một thời kỳ mà bộ phận kế toán cần phải tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng cần tính giá thành. Do đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất và đặc thù của sản phẩm nên kỳ tính giá thành sản phẩm tại công ty là theo từng đơn hàng được sản xuất hoàn thành.

** Phương pháp tính giá thành sản phẩm:*

- Kế toán sử dụng phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng với kỳ tính giá thành là khi đơn đặt hàng sản xuất hoàn thành.
- Phiếu tính giá thành theo phân xưởng phải mở chi tiết cho từng đơn đặt hàng khi lệnh sản xuất được ban hành.

- Phiếu tính giá thành được cập nhật và lưu trữ khi đang tiến hành sản xuất, nó có tác dụng như báo cáo chi phí sản xuất kinh doanh cho từng đơn đặt hàng.

Công thức tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành sản phẩm} \\ \text{hoàn thành của đơn hàng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực tế đơn} \\ \text{vị sản phẩm} \end{array} = \frac{\sum \text{Giá thành sản phẩm hoàn thành}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành của đơn hàng}}$$

2.2.4. Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

Trong tháng 09/2010 Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Hải Phòng nhận được đơn đặt hàng của công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Việt Á với nội dung như sau (**Biểu số 2.2**).

Biểu số 2.2:

CÔNG TY CP XNK VIỆT Á

ĐƠN ĐẶT HÀNG

Số XK 06-02

Kính gửi: Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng

Căn cứ vào hợp đồng số 62/2010 để phục vụ nhu cầu xuất khẩu hàng của công ty. Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Việt Á cần đặt một loại hàng như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên sản phẩm</i>	<i>Mã sản phẩm</i>	<i>Size</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Ngày giao</i>
1	Áo Jacket	JKX	M	1.100	31/12
	Cộng			1.100	

Hà Nội, ngày 28 tháng 09 năm 2010

CÔNG TY CP XNK VIỆT Á

GIÁM ĐỐC

(Nguồn dữ liệu: Phòng kỹ thuật – Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng)

Căn cứ vào đơn đặt hàng giám đốc ra quyết định sản xuất đơn hàng này bắt đầu từ ngày 01/12/2010. Có quyết định sản xuất của giám đốc, công ty sẽ tiến hành nhập xuất nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất theo đơn đặt hàng. Sau đó sẽ xuất nguyên vật liệu dựa trên số liệu đã được tính toán trên lệnh sản xuất.

Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng

Biểu số 2.3:

PHÒNG KỸ THUẬT

SỐ 30

LỆNH SẢN XUẤT

Tên sản phẩm: Áo Jacket

Đơn vị đặt hàng: Công ty Cổ phần XNK Việt Á

Bộ phận thực hiện: Phân xưởng May

STT	Tên và kích cỡ sản phẩm	Số lượng	Vật tư			Tiền lương	
			Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Bộ phận	Số công
1	Áo Jacket-M	1.100	Vải chính giả da hàng Jack	mét	3.300	Trực tiếp SX	1.900
			Vải lót lưới hàng Jack	mét	2.200	Quản lý	500
			Bông	mét	1.650		
			Khóa	Chiếc	1.110		
...

Ngày giao hàng 31 tháng 12 năm 2010

Phòng kỹ thuật

Địa điểm giao hàng

Công ty CP SX và XNK Hải Phòng

Hải Phòng, ngày 01 tháng 12 năm 2010

Giám đốc duyệt

(Nguồn dữ liệu: Phòng kỹ thuật – Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng)

2.2.4.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là cơ sở vật chất cấu thành lên thực thể sản phẩm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm vì vậy cần phải tính toán và cân nhắc số lượng nguyên vật liệu cần dùng trong quá trình sản xuất sản phẩm. Thành phần chính tạo lên sản phẩm bao gồm vải chính giả da, vải lót lưới,

Trong kỳ kế toán, kế toán viên tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm. Cuối kỳ kế toán thực hiện kết chuyển chi phí vào các tài khoản liên quan để phục vụ cho việc tính giá thành thực tế của sản phẩm trong kỳ kế toán.

* *Hệ thống chứng từ sử dụng:* Hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho.

* *Tài khoản sử dụng:* Để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp kế toán sử dụng TK 621 – “CPNVLT”. Tài khoản này có kết cấu như sau:

Nợ	TK 621	Có
Trị giá thực tế nguyên vật liệu xuất dùng trực tiếp cho hoạt động sản xuất hoặc thực hiện dịch vụ trong kỳ hạch toán.		<ul style="list-style-type: none">- Kết chuyển trị giá nguyên vật liệu thực tế sử dụng cho sản xuất sản phẩm.- Phản ánh trị giá nguyên liệu, vật liệu dùng không hết nhập lại kho.- Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu vượt trên mức bình thường.
<i>Cộng phát sinh</i>		<i>Cộng phát sinh</i>

Tài khoản này được theo dõi chi tiết theo từng đơn hàng và phân xưởng sản xuất.

- TK 6211: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp xưởng May.

- TK 6212: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp xưởng Giày.

* *Sổ sách sử dụng để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (CPNVLTT):*
Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 621, Sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 621.

* *Nội dung hạch toán CP NVLTT tại Công ty cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.*

Tại công ty, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên việc hạch toán chính xác và đầy đủ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp có tầm quan trọng đặc biệt trong việc xác định việc tiêu hao nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất và phải đảm bảo tính chính xác của giá thành sản phẩm. Nguyên vật liệu trực tiếp của công ty bao gồm:

- Nguyên vật liệu chính (TK 1521): Là thành phần cơ bản cấu thành lên sản phẩm như: vải chính, vải lót, bông.

- Nguyên vật liệu phụ (TK 1522): Được sử dụng kết hợp với nguyên vật liệu chính làm tăng chất lượng, mẫu mã của sản phẩm như: khóa,

Tại công ty hiện nay có 4 kho: Nguyên vật liệu được quản lý ở kho 1 và kho 2, còn kho 3 và kho 4 là kho thành phẩm.

Trước khi tiến hành sản xuất, phòng tổ chức tiến hành lập kế hoạch và phương án sản xuất kinh doanh. Căn cứ theo đơn đặt hàng, lượng hàng nhận gia công và định mức tiêu hao nguyên vật liệu. Phòng kỹ thuật sẽ lập kế hoạch mua nguyên vật liệu để phục vụ cho việc sản xuất.

Ví dụ: Ngày 02/12 nhập kho 1000m vải chính giả da hàng Jack trị giá 77.680.000 chưa bao gồm thuế GTGT 10%. Căn cứ vào HĐGTGT kế toán viết phiếu nhập 02. (**Biểu số 2.4**).

Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng

Biểu số 2.4:

HOÁ ĐƠN

Mẫu số: 01 GTKT – 3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

BT/ 2010B

Liên 2: Giao khách hàng

0046250

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Đơn vị bán hàng: **Công ty TNHH Tiên Vinh**

Địa chỉ: **40/361 Trung Hòa – Cầu Giấy – Hà Nội**

Điện thoại:

MST:

0	1	0	1	9	1	4	9	3	4	—	—	—	—
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Họ tên người mua hàng: **Công ty cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng**

Địa chỉ: **Km 10 đường 5 cũ Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng.**

Điện thoại:

MST:

0	2	0	0	1	5	2	9	3	0	—	—	—	—
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Hình thức thanh toán:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1 * 2
1	Vải chính giá da hàng Jack	M	1000	77.680	77.680.000
Cộng tiền hàng:					77.680.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			7.768.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					85.360.000
Số tiền bằng chữ: Tám mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn.					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng)

Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng

Từ hóa đơn GTGT kế toán viết phiếu nhập kho (**Biểu số 2.5**).

Biểu số 2.5:

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng
Địa chỉ: Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số 02 – AT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO
Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Quyển số: 04
Số: PN 02/12
Nợ TK 152: 77.680.000
Nợ TK 133: 7.768.000
Có TK 331: 85.360.000

Họ tên người giao hàng: Phạm Văn Thành

Theo HĐ GTGT ngày: 02/12/2010

Nhập tại kho: **Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.**

STT	Tên vật tư	Mã số	Đ V T	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Vải chính giả da hàng Jack	VCGS-Jack	M	1000	1000	77.680	77.680.000
2							
3							
4							
	Cộng						77.680.000

Cộng thành tiền (viết bằng chữ): Bảy mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng chẵn.

Người lập phiếu
(đã ký)

Người nhận hàng
(đã ký)

Thủ kho
(đã ký)

Kế toán trưởng
(đã ký)

Giám đốc
(đã ký)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng)

Hàng ngày căn cứ vào nhu cầu thực tế sản xuất, các tổ sản xuất đối chiếu giữa mức nguyên liệu cần thiết và lượng nguyên liệu còn tồn ở phân xưởng để

lập phiếu yêu cầu lĩnh nguyên liệu, phiếu lĩnh nguyên liệu sau khi có xác nhận của quản đốc phân xưởng, phòng kỹ thuật và phó tổng giám đốc thì được chuyển xuống phòng kế toán để viết phiếu xuất kho.

Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

- Liên 1: Lưu tại quyền.
- Liên 2: Giao cho người nhận hàng.
- Liên 3: Giao cho thủ kho để ghi thẻ kho sau đó chuyển lại cho kế toán để ghi sổ kế toán.

Tại kho, sau khi xem xét tính hợp lệ của phiếu xuất kho và căn cứ vào số lượng hàng còn ở trong kho thủ kho sẽ tiến hành xuất nguyên liệu, ghi số lượng xuất vào phần thực xuất và ký vào phiếu xuất kho.

Thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu về mặt số lượng. Sau khi ghi thẻ kho, thủ kho chuyển lại phiếu xuất kho cho phòng kế toán để ghi sổ kế toán. Kế toán sử dụng sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) để phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm theo từng loại vật tư tương ứng với thẻ kho đã được mở ở kho về cả hai mặt giá trị và số lượng.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được phản ánh khi xuất kho nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất sản phẩm. Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ để xác định giá trị vật liệu xuất kho.

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn đầu tháng} + \text{Trị giá thực tế NVL nhập trong tháng}}{\text{Số lượng thực tế NVL tồn đầu tháng} + \text{Số lượng thực tế NVL nhập trong tháng}}$$

$$\text{Trị giá NVL xuất dùng} = \frac{\text{Số lượng NVL xuất dùng}}{\text{Số lượng NVL xuất dùng}} \times \text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ}$$

Ví dụ: Ngày 20/12/2010 nhận được quyết định của phó giám đốc kỹ thuật xuất kho vật liệu phục vụ sản xuất áo Jacket.

Căn cứ vào phiếu lĩnh vật tư đã được phòng kỹ thuật và phó tổng giám đốc ký duyệt, kế toán viết Phiếu xuất kho số 22 (**Biểu số 2.6**).

Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng

Biểu số 2.6:

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng
Địa chỉ: Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng.

Mẫu số 02-VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

Quyển số: 04

Số : PX 16/12

Nợ TK 621:

Có TK 152:

Họ tên người nhận hàng: Lê Minh Phương

Địa chỉ: Xưởng May.

Lý do xuất: Xuất vật tư để phục vụ sản xuất áo Jacket.

Xuất tại kho: Kho 1

ST T	Tên, nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Vải chính giả da hàng Jack	VC GS-Jack	M	300	300		
2	Vải lót lưới hàng Jack	VLL-Jack	M	220	220		
3	Bông các loại	BONG	M	182	182		
	Cộng						

Cộng thành tiền (viết bằng chữ):

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ Phần SX và XNK Hải Phòng).

Để biết được tình hình xuất nguyên vật liệu trong kỳ ta có các bảng kê xuất nguyên vật liệu sau (**Biểu số 2.7, 2.8, 2.9, 2.10**).

Biểu số 2.7:

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng

Địa chỉ: Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

BẢNG KÊ XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU

Bộ phận sử dụng: Phân xưởng May.

Đối tượng tập hợp chi phí: Đơn hàng số 30

Loại hàng: Áo Jacket

Loại vật liệu: Vật liệu chính

Tên vật liệu: Vải chính giả da hàng Jack

Mã vật tư: VCGS - Jack

Số: BKX 01

Tháng 12 năm 2010

STT	Ngày tháng	Tên nguyên vật liệu	ĐVT	Đơn giá	Xuất trong kỳ	
					Số lượng	Thành tiền
1	01/12	Vải chính giả da hàng Jack	M	-	500	-
2	04/12	Vải chính giả da hàng Jack	M	-	800	-
3	10/12	Vải chính giả da hàng Jack	M	-	600	-
4	15/12	Vải chính giả da hàng Jack	M	-	900	-
5	20/12	Vải chính giả da hàng Jack	M	-	300	-
6	24/12	Vải chính giả da hàng Jack	M	-	200	-
		Cộng		79.226,8	3.300	261.448.440

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng)

Biểu số 2.8:

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng

Địa chỉ: Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

BẢNG KÊ XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU

Bộ phận sử dụng: Phân xưởng May.

Đối tượng tập hợp chi phí: Đơn hàng số 30

Loại hàng: Áo Jacket

Loại vật liệu: Vật liệu chính

Tên vật liệu: Vải lót lưới hàng Jack

Mã vật tư: VLL - Jack

Số: BKX 02

Tháng 12 năm 2010

STT	Ngày tháng	Tên nguyên vật liệu	ĐVT	Đơn giá	Xuất trong kỳ	
					Số lượng	Thành tiền
1	02/12	Vải lót lưới hàng Jack	M	-	600	-
2	07/12	Vải lót lưới hàng Jack	M	-	680	-
3	12/12	Vải lót lưới hàng Jack	M	-	500	-
4	20/12	Vải lót lưới hàng Jack	M	-	220	-
5	24/12	Vải lót lưới hàng Jack	M	-	200	-
		Cộng		48.790	2.200	107.338.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng)

Biểu số 2.9:

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng

Địa chỉ: Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

BẢNG KÊ XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU

Bộ phận sử dụng: Phân xưởng May.

Đối tượng tập hợp chi phí: Đơn hàng số 30

Loại hàng: Áo Jacket

Loại vật liệu: Vật liệu chính

Tên vật liệu: Bông

Mã vật tư: BONG

Số: BKK 03

Tháng 12 năm 2010

STT	Ngày tháng	Tên nguyên vật liệu	ĐVT	Đơn giá	Xuất trong kỳ	
					Số lượng	Thành tiền
1	03/12	Bông	M	-	300	-
2	08/12	Bông	M	-	400	-
3	12/12	Bông	M	-	500	-
4	20/12	Bông	M	-	182	-
5	25/12	Bông	M	-	268	-
		Cộng		28.360	1.650	46.794.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng)

Biểu số 2.10:

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng

Địa chỉ: Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

BẢNG KÊ XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU

Bộ phận sử dụng: Phân xưởng May.

Đối tượng tập hợp chi phí: Đơn hàng số 30

Loại hàng: Áo Jacket

Loại vật liệu: Vật liệu phụ

Tên vật liệu: Khóa

Mã vật tư: KH - Jack

Số: BKX 04

Tháng 12 năm 2010

STT	Ngày tháng	Tên nguyên vật liệu	ĐVT	Đơn giá	Xuất trong kỳ	
					Số lượng	Thành tiền
1	05/12	Khóa	Chiếc	-	700	-
2	16/12	Khóa	Chiếc	-	410	-
		Cộng		22.550	1.110	25.030.500

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng)

Từ những bảng kê xuất nguyên vật liệu trên ta có bảng tổng hợp vật liệu xuất kho sau (**Biểu số 2.11**).

Biểu số 2.11:

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng

Địa chỉ: Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng.

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU XUẤT KHO

Đơn hàng số: 30

Loại hàng: Áo Jacket

Tháng 12 năm 2010

Bảng kê xuất		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Số	Ngày			
01	31/12	3.300	79.226,8	261.448.440
02	31/12	2.200	48.790	107.338.000
03	31/12	1.650	28.360	46.794.000
04	31/12	1.110	22.550	25.030.500
Cộng				440.610.940

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng)

Đơn giá xuất kho của từng loại vật liệu ghi trên phiếu xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ. Việc tính giá bình quân cả kỳ được thực hiện một lần vào cuối tháng. Kế toán căn cứ vào số liệu trên sổ chi tiết vật liệu, để tính ra đơn giá bình quân cả kỳ của từng loại hàng. Sau đây em xin trình bày cách tính đơn giá xuất kho của vải chính giả da hàng Jack.

Hàng ngày sau khi nhận được phiếu nhập kho – xuất kho liên quan đến vải chính giả da hàng Jack, kế toán tiến hành ghi vào sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) mở cho vải chính giả da hàng Jack (**Biểu số 2.12**).

Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng

Biểu số 2.12:

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng
Địa chỉ: Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng.

Mẫu số S10-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tài khoản: 152
Tiêu khoản: 1521
Tên kho: Kho 1

Tên quy cách vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Vải chính giả da hàng Jack
Mã số vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): VCGS - Jack
Đơn vị tính: m
Tháng 12 năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3 = 1 x 2	4	5 = 1 x 4	6	7 = 1 x 6
		Số dư đầu kỳ							-	-
PN02/12	02/12	Mua vải chính giả da hàng Jack nhập kho đã thanh toán bằng chuyển khoản.	112	77.680	1.000	77.680.000			1000	77.680.000
...
PN04/12	15/12	Mua VC nhập kho chưa thanh toán.	331	79.838	850	67.862.300			2.400	190.144.320
...
BKX01	31/12	Xuất kho VC phục vụ sản xuất.	6211	79.226,8			3.300	261.448.440		
		Cộng phát sinh			3.300	261.448.440	3.300	261.448.440		
		Số dư cuối kỳ							-	-

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng).

Cuối tháng, kế toán tiến hành tổng hợp số lượng và giá trị vật liệu nhập trong kỳ, tồn đầu kỳ và tính giá đơn vị bình quân cả kỳ như sau:

Ví dụ: Tính giá bình quân cho vải chính giả da hàng Jack. Theo số liệu trên sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) trong tháng 12/2010, công ty đã nhập vào 3.300 m vải chính giả da hàng Jack với tổng trị giá 261.448.440. Áp dụng công thức theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ ta có:

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị bình quân gia quyền cả} \\ \text{kỳ của vải chính giả da hàng Jack} \end{array} = \frac{261.448.440}{3.300} = 79.226,8 \text{ đ/m}$$

Tương tự như trên kế toán cũng tính toán được giá xuất kho của các loại vật liệu khác như: Vải lót lưới, bông, khóa

Căn cứ vào các phiếu xuất kho kế toán ghi vào các sổ sách liên quan: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 621, Sổ Nhật ký chung. Từ nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ Cái TK 621.

Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng

Căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán ghi sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 621 (**Biểu số 2.13**).

Biểu số 2.13:

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng
Địa chỉ: Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng.

Mẫu số S36 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp – TK 6211

Phân xưởng May

Đơn hàng số: 30

Loại hàng: Áo Jacket

Tháng 12 năm 2010

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Tổng số tiền		Chia ra	
	SH	NT			Nợ	Có	Vật liệu chính	Vật liệu phụ
			Số dư đầu tháng					
31/12	BKX01	31/12	Xuất kho vải chính giả da hàng Jack sản xuất sản phẩm	152	261.448.440		261.448.440	
31/12	BKX02	31/12	Xuất vải lót lưới hàng Jack	152	107.338.000		107.338.000	
31/12	BKX03	31/12	Xuất bông phục vụ sản xuất	152	46.794.000		46.794.000	
31/12	BKX04	31/12	Xuất khóa phục vụ sản xuất	152	25.030.500			25.030.500
31/12	PKT 01	31/12	K/c CP NVLTT để tính Z.	1541		440.610.940		
			Cộng phát sinh		440.610.940	440.610.940	415.580.440	25.030.500
			Số dư cuối kỳ					

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ Phần SX và XNK Hải Phòng).

Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng

Căn cứ vào các phiếu xuất kho, kế toán ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.14**).

Biểu số 2.14:

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng.
Địa chỉ: Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng.

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Trang:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT				Nợ	Có
...
31/12	PN 02	02/12	Mua vải chính giả da hàng Jack nhập kho phục vụ sản xuất.		152	77.680.000	
					133	7.768.000	
					331		85.360.000
...
31/12	PN 04	15/12	Mua vải chính giả da hàng Jack nhập kho phục vụ sản xuất.		152	67.862.300	
					133	6.786.230	
					331		74.648.530
...
31/12	BTHVLXK	31/12	Xuất kho vật liệu phục vụ sản xuất áo		621	440.610.940	
					152		440.610.940
...
31/12	PKT 01	31/12	K/c CPSX tính Z cho xưởng May đơn hàng số 30		1541	819.268.931	
					621		440.610.940
					622		210.757.773
					627		167.900.218
31/12	PKT 03	31/12	K/c CPSX tính Z cho phân xưởng Giày		1542	375.695.794	
					621		198.886.331
					622		104.802.344
					627		72.007.119
...
			Cộng			16.740.339.886	16.740.339.886

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ Phần SX và XNK Hải Phòng).

Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái TK 621 (**Biểu số 2.15**)

Biểu số 2.15:

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng.

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu TK: 621

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SỐ NKC		TKĐ Ư	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
...
31/12	BTH VLXK	31/12	Xuất kho vật liệu phục vụ sản xuất áo Jacket.			152	440.610.940	
...
31/12	PKT 01	31/12	K/c CPSX tính Z cho x.May đơn hàng số 30.			1541		440.610.940
31/12	PKT 03	31/12	K/c CPSX tính Z cho phân xưởng Giấy			1542		198.886.331
...
			Cộng phát sinh tháng 12				639.497.271	639.497.271
			Số dư lũy kế					
			Dư cuối kỳ					

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ Phần SX và XNK Hải Phòng).

2.2.4.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

Chi phí nhân công trực tiếp ở công ty là những khoản tiền phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất ra sản phẩm bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản trích như: BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ trên tiền lương của công nhân trực tiếp sản xuất. Ngoài ra tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý phân xưởng cũng được tính chung vào chi phí nhân công trực tiếp.

* *Hệ thống chứng từ:* Bảng chấm công, Bảng thanh toán lương, Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương.

* *Tài khoản sử dụng:* Để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp kế toán sử dụng TK 622 – “CPNCTT”. Tài khoản này có kết cấu như sau:

Nợ	TK 622	Có
Chi phí nhân công trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất sản phẩm, thực hiện lao vụ, dịch vụ gồm: Tiền lương, tiền công lao động và các khoản trích trên tiền lương, tiền công theo quy định phát sinh trong kỳ.	- Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào tài khoản tính giá thành. - Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường vào giá vốn hàng bán trong kỳ.	
<i>Cộng phát sinh</i>		<i>Cộng phát sinh</i>

TK 622 được tập hợp riêng cho các phân xưởng.

- TK 6221: Chi phí nhân công trực tiếp của xưởng May.

- TK 6222: Chi phí nhân công trực tiếp của xưởng Giày.

* *Sổ sách sử dụng để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp (CP NCTT):* Sổ nhật ký chung, Sổ Cái TK 622, Sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 622.

* *Nội dung hạch toán CP NCTT tại Công ty cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.*

Việc tính lương của công ty được thực hiện như sau:

- Hàng ngày, tổ trưởng ở mỗi phân xưởng có nhiệm vụ trực tiếp theo dõi thời gian làm việc thực tế và chấm công cho từng công nhân trong ngày để ghi vào Bảng chấm công.
- Cuối tháng, căn cứ vào Bảng chấm công và hệ số lương của từng công nhân, kế toán tính ra tiền lương trả cho công nhân viên phân xưởng và các khoản phụ cấp. Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức trả lương theo thời gian. Lương thời gian là số tiền được hưởng căn cứ vào hệ số lương và thời gian làm việc của công nhân trong thời gian hoàn thành đơn hàng.

Cách trả lương theo thời gian:

$$\text{Lương thời gian} = \frac{\text{Lương tối thiểu} \times \text{Hệ số lương}}{\text{Số ngày công theo chế độ}} \times \text{Số ngày công làm việc thực tế}$$

Ngoài tiền lương thời gian, người lao động còn được nhận thêm các khoản như: tiền lương chủ nhật, lương mất điện nhờ việc, lương bảo dưỡng máy móc, ... và phụ cấp khác như: phụ cấp trách nhiệm chức vụ (đối với những lao động làm công tác quản lý), phụ cấp làm thêm giờ,

BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ được trích lập cụ thể như sau:

<i>Quy</i>	<i>Người lao động</i>	<i>Chủ doanh nghiệp</i>
1.BHXH (22%)	6%	16%
2.BHYT (4,5%)	1,5%	3%
3.BHTN (3% - 2%)	1%	1%
4.KPCĐ (2%)	0%	2%
Cộng: 30,5%	8,5%	22%

Để theo dõi được thời gian làm việc của công nhân sản xuất sản phẩm ta có Bảng chấm công (*Biểu số 2.16*).

Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng

Biểu số 2.16:

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng

Địa chỉ: Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

BẢNG CHẤM CÔNG

Phân xưởng May

Đơn hàng số 30

Tháng 12 năm 2010

STT	Họ và tên	Chức danh	Các ngày trong tháng										Tổng số công
			1	2	3	4	5	...	28	29	30	31	
1	Lê Minh Phương	QĐ	x	x	x	x	x	...	x	x	x	x	31,5
2	Phạm Thu Hà	PQĐ	x	x	x	x	x	...	x	x	x	x	29,5
3	Lê Thị Lương	TT	x	x	x	x	x	...	x	x	x	x	30
4	Nguyễn Thị Hạnh	TT	x	x	x	x	x	...	x	x	x	x	30
5	Hà Văn Khánh	CN	x	x	x	x	x	...	x	x	x	x	28,5
6	Tô Nhật Thu	CN	x	x	x	x	x	...	x	x	x	x	31
7	Đào Thị Hải	CN	x	x	x	x	x	...	x	x	x	x	28,5
8	Bùi Thu Trang	CN	x	x	x	x	x	...	x	x	x	x	30,5
...
66	Cao Thị Minh	TT	x	x	x	x	x	...	x	x	x	x	30,5
67	Vũ Thị Lan	TT	x	x	x	x	x	...	x	x	x	x	31
68	Trần Văn Định	CN	x	x	x	x	x	...	x	x	x	x	30
69	Đỗ Thị Huyền	CN	x	x	x	x	x	...	x	x	x	x	27
70	Đặng Thị Liên	CN	x	x	x	x	x	...	x	x	x	x	30,5
...

Người chấm công

Phụ trách bộ phận

Thủ trưởng đơn vị

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty cổ phần SX và XNK Hải Phòng)

Ví dụ: Tính ra lương phải trả cho chị Lê Minh Phương – Quản đốc phân xưởng. Căn cứ vào Bảng chấm công theo đơn hàng, kế toán xác định số ngày công làm việc thực tế trong thời gian hoàn thành đơn hàng trong tháng 12/2010 của chị Lê Minh Phương là 31,5.

- Hệ số lương của chị Phương là 2,96.
- Công ty áp dụng mức lương tối thiểu là 740.000

$$\text{Lương thời gian} = \frac{740.000 \times 2,96}{26} \times 31,5 = 2.653.754$$

Trong tháng chị Phương còn được hưởng thêm 1 số khoản tiền khác:

- Tiền lương chủ nhật: 150.000
- Phụ cấp chức vụ: 296.000
- Phụ cấp ca đêm: 30.000

Tổng tiền lương thực tế của chị Phương tháng 12 là:

$$2.653.754 + 150.000 + 296.000 + 30.000 = 3.129.754$$

Các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN giảm trừ thu nhập của chị Phương được tính như sau:

BHXH (6%), BHYT (1,5%), BHTN (1%) được trích trên lương cơ bản.

$$((740.000 \times 2,96) + 296.000) \times 8,5\% = 211.344$$

Vậy tiền lương thực lĩnh của chị Phương tháng 12/2010 là: 2.918.410

Tại công ty cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng thì công ty sẽ lập Bảng thanh toán lương riêng theo từng đơn hàng. Dưới đây là Bảng thanh toán lương của đơn hàng áo Jacket tháng 12/2010. (**Biểu số 2.17**).

Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng

Biểu số 2.17:

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng.
Địa chỉ: Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG PHÂN XỬNG MÀY
Đơn hàng số 30
Tháng 12 năm 2010

ST T	Họ và tên	Chức danh	Hệ số	Số công	Tiền lương thời gian	Tiền lương chủ nhật	Lương nghỉ phép, chế độ	Phụ cấp ca đêm	Phụ cấp trách nhiệm, chức vụ	Lương bảo dưỡng máy móc thiết bị	Tổng lương	Các khoản giảm trừ		Tiền lương thực nhận
												BHXH, BHYT, BHTN (8,5%)	KPC Đ (0%)	
1	Lê Minh Phương	QĐ	2,96	31,5	2.653.754	150.000	-	30.000	296.000	-	3.129.754	211.344	-	2.918.410
2	Phạm Thu Hà	PQĐ	2,92	29,5	2.451.677	120.000	-	15.000	148.000	-	2.734.677	208.488	-	2.526.189
3	Lê Thị Lương	TT	3,45	30	2.945.769	120.000	-	15.000	148.000	-	3.425.154	246.330	-	3.178.824
4	Nguyễn Thị Hạnh	TT	3,45	30	2.945.769	120.000	-	15.000	74.000	-	3.154.769	246.330	-	2.908.439
5	Hà Văn Khánh	CN	2,31	28,5	1.873.765	120.000	65.764	15.000	-	-	2.089.511	164.934	-	1.924.577
6	Tô Nhật Thu	CN	2,31	31	2.038.131	135.000	-	15.000	-	-	2.188.131	164.934	-	2.023.197
7	Đào Thị Hải	CN	1,67	28,5	1.354.627	135.000	47.531	15.000	-	-	1.552.158	119.238	-	1.432.920
8	Bùi Thu Trang	CN	2,31	30,5	2.005.258	60.000	-	15.000	-	65.746	2.146.004	164.934	-	1.981.070
...
66	Cao Thị Minh	TT	2,16	30,5	1.875.046	60.000	-	30.000	74.000	61.477	2.100.523	154.224	-	1.946.299
67	Vũ Thị Lan	TT	2,31	31	2.038.131	135.000	-	30.000	74.000	-	2.277.131	164.934	-	2.112.197
68	Trần Văn Định	CN	1,96	30	1.673.538	60.000	-	15.000	-	-	1.748.538	139.944	-	1.608.594
69	Đỗ Thị Huyền	CN	1,55	27	1.191.115	90.000	88.231	15.000	-	-	1.384.346	110.670	-	1.273.676
70	Đặng Thị Liên	CN	1,55	30,5	1.345.519	60.000	44.115	15.000	-	44.115	1.508.749	110.670	-	1.398.079
...
	Cộng				168.869.670	6.603.600	2.239.293	1.584.000	2.866.000	7.572.231	189.844.794	8.061.055		181.783.739

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ Phần SX và XNK Hải Phòng).

Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng

Căn cứ vào Bảng thanh toán lương, kê toán tiền hành trích BHXH và lập bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2010 (**Biểu số 2.18**).

Biểu số 2.18:

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng

Địa chỉ: Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng.

BẢNG PHÂN BỐ LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG

Tháng 12 năm 2010

ST T	Ghi có TK Ghi nợ các TK	TK 334			TK 338					Tổng cộng
		Lương	Phụ cấp	Cộng	BHXH	BHYT	BHTN	KPCĐ	Cộng	
1	TK 622 – CP NCTT	274.795.092	31.215.384	306.010.476	26.366.240	5.066.868	1.694.774	3.427.382	36.555.264	342.565.740
	- Xưởng May	192.288.420	22.122.930	214.411.350	17.028.682	3.168.090	1.026.442	2.128.832	23.352.046	237.763.396
	+ Đơn hàng số 30	168.869.670	20.975.124	189.844.794	15.124.988	2.890.662	929.668	1.967.661	20.912.979	210.757.773
	- Xưởng Giấy	82.506.672	9.092.454	91.599.126	9.337.558	1.898.778	668.332	1.298.550	13.203.218	104.802.344
2	TK 642 – CPQLDN	69.343.129	10.118.007	79.461.136	6.008.667	1.200.167	375.542	751.083	8.335.459	87.796.595
	Phòng hành chính	12.421.998	1.936.889	14.358.887	967.998	195.669	60.500	121.002	1.345.169	15.704.056
...
	Cộng	344.138.221	41.333.391	385.471.612	32.374.907	6.267.035	2.070.316	4.178.465	44.890.723	389.388.944

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ Phần SX và XNK Hải Phòng)

Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng

Căn cứ vào Bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương, kê toán ghi vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 622 (**Biểu số 2.19**).

Biểu số 2.19:

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng
Địa chỉ: Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng.

Mẫu số S36-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp – TK 6221

Phân xưởng May

Đơn hàng số 30

Loại hàng: Áo Jacket

Tháng 12 năm 2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Tổng số tiền		Chia ra					
	SH	NT			Nợ	Có	Lương	BHXH	BHYT	BHTN	KPCĐ	
			Số dư đầu tháng									
31/12	BPBL	31/12	Tính ra lương phải trả CNV theo đơn hàng áo Jacket.	334	189.844.794		189.844.794					
	BPBL	31/12	Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ.	338	20.912.979			15.124.988	2.890.662	929.668	1.967.661	
	PKT 01	31/12	K/c CPNCTT tính Z.	1541		210.757.773						
			Cộng phát sinh			210.757.773	210.757.773	189.844.794	15.124.988	2.890.662	929.668	1.967.661
			Số dư cuối kỳ									

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ Phần SX và XNK Hải Phòng).

Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng

Đồng thời căn cứ căn cứ vào bảng thanh toán và phân bổ tiền lương và BHXH, kế toán ghi vào sổ Nhật Ký chung (**Biểu số 2.20**)

Biểu số 2.20:

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng.

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Trang:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	SH TK	Số tiền	
	SH	NT				Nợ	Có
						
31/12	BPBL	31/12	Tính ra lương phải trả CNV.		622	306.010.476	
31/12	BPBL	31/12	Cán bộ quản lý.		642	79.461.136	
					334		385.471.612
31/12	BPBL	31/12	Các khoản trích theo lương tính vào chi phí.		622	36.555.264	
					642	8.335.459	
					338		44.890.723
31/12	BPBL	31/12	Các khoản giảm trừ thu nhập NLĐ.		334	14.003.446	
					338		14.003.446
...
31/12	PKT 01	31/12	K/c CPSX tính Z cho x.May đơn hàng số 30		154	819.268.931	
					621		440.610.940
					622		210.757.773
					627		167.900.218
31/12	PKT 03	31/12	K/c CPSX tính giá thành sản phẩm tại xưởng Giày		1542	375.695.794	
					621		198.886.331
					622		104.802.344
					627		72.007.119
...
			Cộng			16.740.339.886	16.740.339.886

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng).

Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng

Căn cứ vào số liệu ghi trên Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 622 (**Biểu số 2.21**)

Biểu số 2.21:

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng.

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp

Số hiệu TK: 622

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số NKC		TKĐ U	Số tiền	
	SH	NT		Tran g sổ	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
31/12	BPBL	31/12	Lương phải trả CNTT SX			334	306.010.476	
31/12	BPBL	31/12	Các khoản trích theo lương tính vào chi phí NCTT			338	36.555.264	
31/12	PKT 01	31/12	K/c CP NCTT tính Z cho xưởng May đơn hàng số 30			1541		237.763.396
31/12	PKT 03	31/12	K/c CP NCTT tính Z tại xưởng Giày			1542		104.802.344
			Cộng phát sinh tháng 12				342.565.740	342.565.740
			Số dư lũy kế					
			Dư cuối kỳ					

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ Phần SX và XNK Hải Phòng).

2.2.4.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung tại công ty Cổ Phần Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Hải Phòng.

Chi phí sản xuất chung của công ty là những chi phí bỏ ra để phục vụ sản xuất cho toàn phân xưởng ngoài chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp.

* Hệ thống chứng từ: Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, phiếu xuất kho vật liệu, dụng cụ, Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, hóa đơn các chi phí dịch vụ mua ngoài,

* Tài khoản sử dụng: Để hạch toán chi phí sản xuất chung kế toán sử dụng TK 627

– “CPSXC”. Tại công ty TK 627 được hạch toán riêng cho từng phân xưởng sản xuất và chi tiết theo các tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 6271: Chi phí nhân viên phân xưởng.
- TK 6272: Chi phí vật liệu.
- TK 6273: Chi phí dụng cụ sản xuất.
- TK 6274: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6278: Chi phí bằng tiền khác.

Tài khoản này có kết cấu như sau:

Nợ	TK 627	Có
Chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ	- Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung. - Kết chuyển chi phí sản xuất chung vào TK tính giá thành. - Chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.	
<i>Cộng phát sinh</i>		<i>Cộng phát sinh</i>

Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng

* *Sổ sách sử dụng: Sổ Cái TK 627, Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (mở cho TK 627).*

* *Nội dung hạch toán CP SX tại công ty Cổ Phần Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Hải Phòng.*

a) *Chi phí vật liệu.*

Chi phí vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất chung tại công ty bao gồm một số vật liệu phụ làm tăng chất lượng mẫu mã cho sản phẩm. Cuối tháng căn cứ vào phiếu xuất kho hoặc bảng kê xuất nguyên vật liệu để hạch toán chi phí vật liệu.

Biểu số 2.22:

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng

Địa chỉ: Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

BẢNG KÊ XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU

Bộ phận sử dụng: Phân xưởng May.

Đối tượng tập hợp chi phí: Đơn hàng số 30

Loại hàng: Áo Jacket

Loại vật liệu: Vật liệu phụ

Tên vật liệu: Chỉ

Mã vật tư: CH - Jack

Số: BKX 05

Tháng 12 năm 2010

STT	Ngày tháng	Tên nguyên vật liệu	ĐVT	Đơn giá	Xuất trong kỳ	
					Số lượng	Thành tiền
1	01/12	Chỉ	Cuộn	-	180	-
2	15/12	Chỉ	Cuộn	-	200	-
		Cộng		25.120	380	9.545.600

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty cổ phần SX và XNK Hải Phòng)

Biểu số 2.23:

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng

Địa chỉ: Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

BẢNG KÊ XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU

Bộ phận sử dụng: Phân xưởng May.

Đối tượng tập hợp chi phí: Đơn hàng số 30

Loại hàng: Áo Jacket

Loại vật liệu: Vật liệu phụ

Tên vật liệu: Cúc

Mã vật tư: C - Jack

Số: BKX 06

Tháng 12 năm 2010

STT	Ngày tháng	Tên nguyên vật liệu	ĐVT	Đơn giá	Xuất trong kỳ	
					Số lượng	Thành tiền
1	05/12	Cúc	Chiếc	-	5.000	-
2	12/12	Cúc	Chiếc	-	6.000	-
3	23/12	Cúc	Chiếc	-	2.000	-
		Cộng		1.260	13.000	16.380.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty cổ phần SX và XNK Hải Phòng)

b) Chi phí công cụ, dụng cụ.

Tại công ty cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng khi xuất dùng công cụ dụng cụ cho các phân xưởng sản xuất thì toàn bộ giá trị của công cụ dụng cụ đều được tính vào chi phí sản xuất chung.

Để hạch toán chi phí công cụ dụng cụ này kế toán sử dụng các phiếu xuất công cụ dụng cụ cho các phân xưởng.

Sau đây là các công cụ, dụng cụ có có giá trị nhưng chưa đủ lớn nên được xếp vào loại công cụ, dụng cụ phân bổ một lần (**Biểu số 2.24**).

Biểu số 2.24:

BẢNG KÊ CHI TIẾT XUẤT CÔNG CỤ, DỤNG CỤ

Chứng từ		Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày			
HĐ 00486	3/12	Kim phục vụ sản xuất	380.000	
HĐ 00488	5/12	Kéo	968.000	
HĐ 00495	6/12	Phấn	225.000	
...
		Cộng	8.560.000	

Các công cụ, dụng cụ có giá trị lớn hơn, có thời gian sử dụng lâu hơn và được phân bổ nhiều lần như: bàn là, quạt, ... (**Biểu số 2.25**).

Biểu số 2.25:

BẢNG KÊ CHI TIẾT XUẤT CÔNG CỤ, DỤNG CỤ

Tháng 12/2010

Đơn hàng số 30

Ngày	Diễn giải	Số tiền	Ghi có TK	
			...	153
10/12	Thay thế 3 chiếc bàn là	3.450.000		3.450.000
...
	Cộng	6.200.000		

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng)

Biểu số 2.26:

CÔNG TY CỔ PHẦN SX VÀ XNK HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

BẢNG PHÂN BỐ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ

Tháng 12 năm 2010

STT	Đối tượng sử dụng	TK 153	TK 142
1	TK 627 – Chi phí SXC		
	- Xưởng May	10.900.000	800.000
	+ Đơn hàng số 30	8.560.000	620.000
	- Xưởng Giày	1.120.000	230.000
	Cộng	12.020.000	1.030.000

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng)

c) Chi phí khấu hao Tài Sản Cố Định.

Tài sản cố định của công ty được quản lý theo từng đơn vị sử dụng, từng phân xưởng vì vậy việc tính khấu hao tài sản cố định được thực hiện ở từng phân xưởng và hạch toán trực tiếp cho phân xưởng đó. Đối với những máy móc đang sử dụng nhưng đã khấu hao hết thì không tiến hành trích khấu hao nữa. Với những máy móc thiết bị đang sử dụng công ty áp dụng tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của tài sản.

$$\text{Mức khấu hao theo tháng} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Số năm sử dụng} \times 12 \text{ tháng}}$$

Cuối tháng kế toán lập bảng tính và phân bổ khấu hao (**Biểu số 2.27**).

Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng

Biểu số 2.27:

BẢNG TRÍCH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ

Tháng 12 năm 2010

ST T	Tên TSCĐ	Nguyên giá	Thời gian SD	GTHM lũy kế đến cuối tháng 11	Mức khấu hao tháng này	Phân bổ cho các bộ phận			GTHM lũy kế đến cuối tháng 12	Giá trị còn lại
						627 – M	627 – G	642		
I	Nhà cửa vật kiến trúc	4.203.881.022		1.979.330.157	17.516.171	10.112.203	6.290.431	1.113.537	2.242.067.036	1.961.813.986
1	Phân xưởng, văn phòng.	3.228.938.625	21	1.628.032.388	12.813.248	9.218.047	4.289.597	913.537	1.643.224.446	1.582.714.179
									
II	Máy móc thiết bị	9.330.319.029		4.008.010.997	97.190.823	72.168.040	25.022.783	-	4.105.201.820	5.225.117.209
1	Máy may	1.010.229.012	8	402.880.109	10.523.219	10.523.219			413.403.328	596.825.684
2	Máy thừa khuy	2.018.339.258	10	1.000.109.212	16.819.494	16.819.494			1.016.928.706	1.001.410.552
3	Bàn là hơi	127.379.172	8	62.110.882	1.326.866	1.326.866			63.437.748	63.941.424
...
III	Phương tiện truyền dẫn	8.110.771		4.220.119	301.992	-	-	301.992	4.552.111	3.588.660
IV	Thiết bị dụng cụ quản lý	46.038.551		20.198.772	767.309	-	-	767.309	20.996.081	25.072.470
	Cộng	13.588.349.370		6.011.760.045	115.776.295	82.280.243	31.313.214	2.182.838	6.372.817.048	7.215.592.325

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng)

Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng

d) *Chi phí khác.*

Ngoài các chi phí kể trên đây thì công ty còn có các khoản chi phí phát sinh trong phân xưởng như: điện, nước,

- Chi phí điện, nước được tính dựa trên các chứng từ như: hóa đơn thanh toán tiền điện, nước. Hàng tháng căn cứ vào các hóa đơn dịch vụ mua ngoài hoặc căn cứ vào các hóa đơn mà công ty điện, nước sẽ gửi tới cho công ty. Chi phí điện, nước thì tập hợp chung cho toàn công ty rồi sau đó phân bổ riêng cho từng bộ phận sản xuất.

Chứng từ sử dụng để tập hợp chi phí bằng tiền khác là các phiếu chi và các hóa đơn GTGT.

Ví dụ: Tổng tiền điện của toàn công ty tháng 12/2010 là 36.057.472. Căn cứ vào hóa đơn GTGT kê toán viết phiếu chi sau đó tiến hành phân bổ cho các đối tượng sử dụng (**Biểu số 2.28**).

Biểu số 2.28:

HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT
(Liên 2: Giao cho khách hàng)

Mẫu số: **01 GTKT-2LN-01**
Ký hiệu: **BA/2010T**
Số: **2648629**

Cty TNHH MTV điện lực HP

Kỳ : 1 từ ngày 20/11 đến ngày 19/12/2010

Điện lực: Hồng Bàng

MST: 0200340213 – 003

Điện thoại: 0312211281

Tài khoản: 0751000502001 NHTMCP An Bình

Tên & Địa chỉ khách hàng: Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng

MSTKH: 0200152930

Mã KH: 904167082

Số C.tơ: 023228

Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Hệ số nhân	Điện TT	Đơn giá	Thành tiền
81.002	58.754	3	22.248		
Ngày: 20/12/2010 TUQ Giám đốc		Tr. đó	4.280	800	3.424.000
			9.680	1.500	14.520.000
			8.288	1.790	14.835.520
				Cộng	22.248
		Thuế suất GTGT: 10% Thuế GTGT			3.277.952
		Tổng cộng tiền thanh toán			36.057.472

Số viết bằng chữ: Ba mươi sáu triệu không trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi hai đồng

Được phát hành theo công văn số 1587/CT-HCAC ngày 03/12/2009 của Cục Thuế Hải Phòng.

Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng

Biểu số 2.29:

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng.

Địa chỉ: Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng.

Mẫu số C03-BB

(Ban hành theo QĐ số 19/2006/QĐ-BTC
ngày 30/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Quyển số: 04

Số: 22/12

Nợ TK 6278:

Nợ TK 133:

Có TK 331:

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Họ tên người nộp tiền: Trịnh Thị Tuyết

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Thanh toán tiền điện tháng 12

Số tiền: 36.057.472 (Viết bằng chữ): Ba mươi sáu triệu không trăm năm mươi bảy ngàn bốn trăm bảy mươi hai ngàn đồng.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng)

Từ phiếu chi trên kế toán tiến hành phân bổ tiền điện như sau:

Biểu số 2.30:

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN ĐIỆN

Tháng 12 năm 2010

Căn cứ vào sản lượng điện tháng 12/2010:

9.680 Kw/h x 1.500 = 14.520.000

4.280 Kw/h x 800 = 3.424.000

8.288 Kw/h x 1.790 = 14.835.520

Cộng 32.779.520

VAT (10%) 3.277.952

Tổng cộng 36.057.472

Định khoản: Nợ TK 6278 – M: 22.945.664

Nợ TK 6278 – G: 9.833.856

Nợ TK 133: 3.277.952

Có TK 331 – M: 25.240.230

Có TK 331 – G: 10.817.242

Nợ TK 6278 – M – Đơn hàng số 30: 20.192.184

Nợ TK 133: 2.019.218

Có TK 331 – M – Đơn hàng số 30: 22.211.402

Cuối tháng căn cứ vào hóa đơn, chứng từ liên quan kế toán tiến hành ghi vào các sổ: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh – chi tiết 627 (**Biểu số 2.25**), Nhật ký chung, Sổ cái TK 627.

Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng

Biểu số 2.31:

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng
Địa chỉ: Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng.

Mẫu số S36 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: Chi phí sản xuất chung – TK 627
Phân xưởng may
Đơn hàng số: 30
Loại hàng: Áo Jacket
Tháng 12 năm 2010

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Tổng số tiền		Chia ra			
	SH	NT			Nợ	Có	Vật liệu	Dụng cụ	Khấu hao	Chi bằng tiền khác
			Số dư đầu tháng							
...
31/12	BPB CC	31/12	Phân bổ CCDC	153	8.560.000			8.560.000		
...
31/12	BKX 05, 06	31/12	Xuất vật liệu	152	25.925.600		25.925.600			
...
31/12	BPB KH	31/12	Phân bổ khấu hao TSCĐ	214	82.280.243				82.280.243	
...
31/12	BPBĐ	31/12	Phân bổ tiền điện tháng 12	331	22.211.402					22.211.402
31/12	PKT 01	31/12	K/c CPSXC tính Z cho đơn hàng số 30	1541		150.355.080				
			Cộng phát sinh		150.355.080	150.355.080				
			Số dư cuối kỳ							

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ Phần SX và XNK Hải Phòng).

Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng

Biểu số 2.32:

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng.

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Trang:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	TK ĐƯ	Số tiền		
	SH	NT				Nợ	Có	
	
31/12	BPB CCDC	31/12	Phân bổ CCDC cho đơn hàng số 30		627	9.180.000		
					153		8.560.000	
						142		620.000
...	
31/12	BPBĐ	31/12	Phân bổ tiền điện tháng 12		627	32.779.520		
					133	3.277.952		
					331	36.057.472		
31/12	BPB KH	31/12	Phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 12		627	113.593.457		
						642	2.182.838	
							214	
31/12	PKT 01	31/12	K/c CP SXC để tính Z theo đơn hàng áo Jacket		1541	801.723.793		
					621		440.610.940	
					622		210.757.773	
					627		150.355.080	
31/12	PKT 03	31/12	K/c CP SXC để tính Z tại xưởng Giày		1542	375.695.794		
					621		198.886.331	
					622		104.802.344	
					627		72.007.119	
...	
			Cộng			16.740.339.886	16.740.339.886	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ Phần SX và XNK Hải Phòng).

Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng

Biểu số 2.33:

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng.
Địa chỉ: Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Số hiệu TK: 627

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số NKC		TKĐ Ư	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng					
...
31/12	BKX 05,06	31/12	Xuất vật liệu			152	25.925.600	
...
31/12	BPBĐ	31/12	Phân bổ tiền điện			331	21.881.490	
...
31/12	BPB CCDC	31/12	Phân bổ CCDC			153	8.560.000	
						142	620.000	
31/12	BPB KH	31/12	Phân bổ khấu hao TSCĐ			214	113.593.457	
31/12	PKT 01	31/12	K/c CP SXC để tính Z cho đơn hàng số 30			1541		150.355.080
31/12	PKT 03	31/12	K/c CP SXC để tính Z x.Giấy			1542		72.007.119
...
			Cộng phát sinh tháng 12				242.002.119	242.002.119
			Số dư lũy kế					
			Số dư cuối kỳ					

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ Phần SX và XNK Hải Phòng).

2.2.4.4. Tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ Phần Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Hải Phòng.

** Hệ thống chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.*

- *Chứng từ sử dụng:* Phiếu kế toán để kết chuyển chi phí, bảng xác định giá trị sản phẩm dở dang, bảng giá thành kế hoạch theo sản lượng thực tế, bảng tính giá thành (theo phương pháp đơn đặt hàng).

- *Tài khoản sử dụng:* TK 154 được sử dụng để tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Tài khoản này được mở chi tiết theo từng đơn hàng.

- TK 1541: Chi phí sản xuất kinh doanh cho đơn hàng áo Jacket.

- TK 1542: Chi phí sản xuất kinh doanh xưởng Giày.

Tài khoản này có kết cấu như sau:

Nợ	TK 154	Có
<i>Số dư đầu kỳ</i>		
<p>Các chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ liên quan đến sản xuất sản phẩm và chi phí thực hiện dịch vụ.</p>	<p>- Trị giá phế liệu thu hồi, giá trị sản phẩm hỏng không sửa chữa được.</p> <p>- Trị giá nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gia công xong nhập lại kho.</p> <p>- Phản ánh chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung không phân bổ không được tính vào trị giá hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ</p>	
<i>Cộng phát sinh</i>		<i>Cộng phát sinh</i>
<i>Số dư cuối kỳ</i>		

- *Sổ sách sử dụng*: Sổ cái TK 154, sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 154.

* *Nội dung tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty*

Tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ Phần Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Hải Phòng.

Trên cơ sở đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành đã xác định, cuối kỳ kế toán tiến hành tính giá thành sản phẩm. Công ty áp dụng phương pháp đơn đặt hàng để tính giá thành sản phẩm.

Sau đây là trình tự hạch toán giá thành sản phẩm theo phương pháp đơn đặt hàng cho đơn hàng áo Jacket của công ty.

Căn cứ vào số liệu trên các sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 154 – mở chi tiết cho đơn hàng áo Jacket, kế toán xác định được chi phí sản xuất kinh doanh trong tháng.

Ví dụ: Trong tháng 09/2010 công ty nhận được một đơn hàng là 1.100 chiếc áo Jacket của công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Việt Á. Do khách hàng yêu cầu hoàn thành đơn hàng này vào ngày 31/12/2010, công ty bắt đầu tiến hành sản xuất vào ngày 01/12/2010. Sau đây là kết quả tính giá thành sản phẩm cho đơn hàng trên như sau:

Ta có công thức tính giá thành theo phương pháp đơn đặt hàng:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành sản phẩm} \\ \text{hoàn thành của đơn hàng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất dở} \\ \text{đang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{phát sinh trong kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực tế} \\ \text{đơn vị sản phẩm} \end{array} = \frac{\sum \text{Giá thành sản phẩm hoàn thành}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành của đơn hàng}}$$

$$\begin{aligned} \text{Tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ} &= \text{CP NVLTT} + \text{CP NCTT} + \text{CP SXC} \\ &= 440.610.940 + 210.757.773 + 150.355.080 \\ &= 801.723.793 \end{aligned}$$

Căn cứ vào số lượng sản phẩm hoàn thành của đơn đặt hàng, kế toán xác định giá thành sản phẩm như sau:

$$Z = 0 + 801.723.793 = 801.723.793$$

$$z = \frac{801.723.793}{1.100} = 728.840$$

Từ số liệu trên ta có bảng tổng hợp tính giá thành sản phẩm (**Biểu số: 2.34**)

Biểu số 2.34:

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: áo Jacket

Tháng 12 năm 2010

Khoản mục	CP DDĐK	CP PS	ΣZ	z đơn vị
Chi phí NVL trực tiếp	-	440.610.940	440.610.940	400.556
Chi phí nhân công trực tiếp	-	210.757.773	210.757.773	191.598
Chi phí sản xuất chung	-	150.355.080	150.355.080	136.686
Cộng	-	801.723.793	801.723.793	728.840

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng)

Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng

Biểu số 2.35:

CÔNG TY CỔ PHẦN SX VÀ XNK HẢI PHÒNG

Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số 01

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/c CP NVLTT để tính Z	154	621	440.610.940
2	K/c CP NCTT để tính Z	154	622	210.757.773
3	K/c CP SXC để tính Z	154	627	150.355.080
	Cộng			801.723.793

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng)

Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng

Biểu số 2.36:

CÔNG TY CỔ PHẦN SX VÀ XNK HẢI PHÒNG

Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số 02

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Tiền VNĐ
1	K/c giá vốn hàng bán	632	154	801.723.793
	Cộng			801.723.793

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng)

Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng

Biểu số 2.37:

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng.

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Trang:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT				Nợ	Có
...
31/12	PKT 01	31/12	K/c CP NVLTT tính Z		621		440.610.940
31/12	PKT 01	31/12	K/c CP NC TT tại x.May		622		210.757.773
31/12	PKT 01	31/12	K/c CP SXC tại x.May đơn hàng số 30		627		150.355.080
31/12	PKT 02	31/12	Kết chuyển giá vốn cho đơn hàng số 30		632	801.723.793	
...
			Cộng			16.740.339.886	16.740.339.886

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ Phần SX và XNK Hải Phòng).

Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng

Biểu số 2.38:

Công ty Cổ phần SX và XNK Hải Phòng.
Địa chỉ: Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng.

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

TK: 154

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ		-	
...
31/12	PKT 01	31/12	K/c CP NVL TT TK 621 sang TK 154 cho đơn hàng số 30	621	440.610.940	
31/12	PKT 01	31/12	K/c CP NC TT TK 622 sang TK 154 cho đơn hàng số 30	622	210.757.773	
31/12	PKT 01	31/12	K/c CP SXC TK 627 sang TK 154 cho đơn hàng số 30	627	150.355.080	
31/12	PKT 02	31/12	K/c chi phí sản xuất kinh doanh dở dang TK 154 sang TK 632 cho đơn hàng số 30	632		801.723.793
...
			Cộng phát sinh		1.177.419.587	1.177.419.587
			Dư cuối kỳ		-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán - Công ty Cổ Phần SX và XNK Hải Phòng)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HẢI PHÒNG.

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

Là một công ty Nhà Nước được chuyển đổi thành công ty Cổ phần vào năm 2004. Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng đã dần từng bước thoát khỏi những khó khăn ban đầu và đang trên đà phát triển, không ngừng mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Cuối năm 2010 công ty đã đạt được những thành tựu đáng kể trong hoạt động sản xuất kinh doanh với doanh thu đạt trên 19 tỷ đồng, hoàn thành tốt nghĩa vụ của Nhà nước không ngừng cải thiện và từng bước nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên trong công ty. Để đạt được những thành tựu đó không thể không kể đến sự cố gắng nỗ lực trong công tác quản lý của đội ngũ cán bộ công nhân viên của công ty.

Bên cạnh việc tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý hóa sản xuất, nghiên cứu và vận dụng các biện pháp quản lý kinh tế công ty đã xây dựng được công tác nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng đáp ứng được những yêu cầu thực tiễn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và trở thành một bộ phận đóng vai trò quan trọng trong hệ thống quản lý kinh tế và quản lý doanh nghiệp.

Là một sinh viên thực tập và cũng là lần đầu tiên được làm quen với thực tế, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét đánh giá về những ưu điểm mà công ty đã đạt được và một số những mặt hạn chế cần tiếp tục hoàn thiện trong tổ chức công tác kế toán nói chung và trong kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng như sau:

3.1.1. Những ưu điểm.

Thứ nhất: Về tổ chức bộ máy quản lý:

Công ty đã xây dựng bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến – chức năng. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty tương đối gọn nhẹ, hợp lý. Các phòng ban chức năng có quan hệ chặt chẽ với nhau trong công tác thực hiện kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cũng như các hoạt động khác, cung cấp kịp thời chính xác các thông tin cần thiết cho Ban lãnh đạo công ty. Mỗi nhân viên trong công ty được gắn bó vào hoạt động chuyên nghiệp, điều này cho phép họ thực hiện và tích lũy được những kinh nghiệm phát huy được năng lực sở trường để thực hiện công việc có hiệu quả cao.

Thứ hai: Về tổ chức công tác kế toán.

Tổ chức công tác kế toán được thực hiện theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006.

Để đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời mọi hoạt động kinh tế phát sinh nên ngay từ công việc hạch toán ban đầu, kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của các chứng từ gốc được tiến hành khá cẩn thận, đảm bảo cho các số liệu kế toán có căn cứ pháp lý, hạn chế được sự phản ánh sai lệch của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán. Hệ thống chứng từ theo đúng quy định, các yếu tố trong chứng từ đầy đủ, chính xác đảm bảo đủ căn cứ cho việc ghi chép. Chế độ lập và luân chuyển chứng từ hợp lý, gọn nhẹ.

Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng khá linh hoạt, chi tiết, rõ ràng. Bên cạnh đó các tài khoản kế toán còn được công ty chi tiết thành các tiểu khoản một cách hợp lý phù hợp với quy mô sản xuất đặc điểm kinh doanh. Trên cơ sở hệ thống tài khoản này mà trình tự các phần hành kế toán trong công ty được xây dựng khá tách bạch, các báo cáo tài chính đã được lập kịp thời và đầy đủ phù hợp với quy định về công tác kế toán từ đó cung cấp thông tin cho nhà quản lý một cách nhanh chóng, chính xác và khoa học nhất.

Về hệ thống sổ sách kế toán hợp lý và khoa học trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc của chế độ kế toán hiện hành, phù hợp với trình độ của đội ngũ kế toán và phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.

Thứ ba: Về hình thức kế toán áp dụng.

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Đây là hình thức phù hợp với quy mô sản xuất của công ty là hình thức vừa và nhỏ. Hình thức Nhật ký chung có ưu điểm là dễ làm, dễ hiểu, dễ đối chiếu kiểm tra, số lượng sổ sách sử dụng ít và đảm bảo tính thống nhất, dễ ứng dụng công nghệ thông tin vào xử lý dữ liệu kế toán.

Thứ tư: Về đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành.

Nhận thức tầm quan trọng của công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, công ty đã xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành phù hợp với đặc điểm quy trình và đặc điểm tổ chức sản xuất của công ty.

Công việc tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty được giao cho nhân viên kế toán có trình độ nghiệp vụ cao, được thực hiện theo định kỳ nhằm cung cấp đầy đủ số liệu phục vụ tốt công tác chỉ đạo về chi phí sản xuất, quản lý giá thành và phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Thứ năm: Về công tác kế toán chi phí sản xuất – tính giá thành sản phẩm.

Đối với công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm công ty đã tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm đảm bảo tuân thủ đúng chế độ kế toán hiện hành, phù hợp với điều kiện của công ty đồng thời đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý tạo điều kiện để công ty thực hiện tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

Công ty áp dụng kỳ tính giá thành là hàng tháng để đảm bảo cung cấp kịp thời các thông tin cần thiết đến chi phí giá thành cho lãnh đạo, giúp lãnh đạo nhanh chóng có những quyết định hợp lý, đúng đắn trong việc chỉ đạo sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Ngoài ra còn giúp cho việc phân tích giá thành nhanh

chống tìm ra những nguyên nhân dẫn đến sự tăng giảm giá thành giữa các tháng từ đó giúp cho nhà lãnh đạo nắm bắt được chính xác tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra những quyết định hợp lý.

Chi phí sản xuất được tập hợp thành 3 khoản mục là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung đã đáp ứng được các nhu cầu quản lý tổ chức tại công ty.

3.1.2. Những mặt hạn chế.

Bên cạnh những ưu điểm đó, công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng có một số mặt hạn chế nhất định chưa được hoàn chỉnh, chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý nên cần được xem xét và có những phương hướng, biện pháp để hoàn thiện hơn nữa.

Thứ nhất: Về phương pháp tính giá vật liệu xuất kho.

Để tính giá xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng lựa chọn phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Đây là phương pháp khá phổ biến được nhiều doanh nghiệp áp dụng.

Phương pháp này giúp cho kế toán có nhiều thuận lợi cũng như đơn giản trong hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, song về góc độ quản lý thì phương pháp bình quân gia quyền mà công ty áp dụng không đảm bảo được tính kịp thời trong việc cung cấp thông tin. Cuối tháng, kế toán mới tính được giá trị nguyên vật liệu, công cụ xuất kho. Do vậy không thấy được sự biến động về giá trị của từng loại vật liệu xuất kho để điều chỉnh cho hợp lý. Hơn nữa với số lượng nguyên vật liệu đa dạng nên khối lượng công việc kế toán bị dồn nhiều vào cuối tháng.

Trong khi đó công ty sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, tức là đòi hỏi phải phản ánh liên tục tình hình nhập – xuất – tồn kho vật tư trên sổ kế toán. Vì vậy việc sử dụng tính giá xuất kho như hiện nay sẽ ảnh hưởng đến tính kịp thời các quyết định quản lý từ đó ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Thứ hai: Về mặt thiệt hại trong sản xuất.

Trong quá trình sản xuất tại công ty có những phát sinh thiệt hại trong quá trình sản xuất như: thiệt hại ngừng sản xuất và thiệt hại sản phẩm bị hỏng.

- Thiệt hại trong việc ngừng sản xuất do các nguyên nhân khách quan sau: mất điện, máy móc bị hỏng chưa kịp sửa chữa, Nhưng khi tình trạng này xảy ra, công ty có những biện pháp khắc phục tạm thời như sử dụng máy phát điện, cho công nhân làm tăng ca sau khi máy sửa chữa xong vì vậy khi phát sinh những thiệt hại này là không đáng kể. Do đó công ty không tổ chức hạch toán riêng những khoản thiệt hại này mà hạch toán chung vào chi phí chung sản xuất trong kỳ.

- Thiệt hại sản phẩm bị lỗi là do các nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan. Sản phẩm bị hỏng là những sản phẩm đã sản xuất xong nhưng có những sai phạm về mặt kỹ thuật liên quan đến chất lượng, mẫu mã, quy cách. Sản phẩm bị hỏng tại công ty có những sản phẩm sửa chữa được nhưng cũng có những sản phẩm không sửa chữa được. Công ty đã xây dựng được định mức chi phí hợp lý nên sản phẩm hỏng được hạn chế. Do đội ngũ công nhân trong công ty có tay nghề cao nên khoản thiệt hại này trong công ty không xảy ra thường xuyên và phát sinh ít nên công ty không tổ chức hạch toán riêng mà hạch toán chung vào chi phí sản xuất chung trong kỳ.

Tuy nhiên các khoản thiệt hại này có thể ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, vì vậy phải yêu cầu giảm bớt tối đa các khoản thiệt hại là rất cần thiết. Kế toán nên tổ chức hạch toán đầy đủ các khoản thiệt hại xảy ra, nguyên nhân gây ra thiệt hại và người chịu trách nhiệm gây thiệt hại, có thể xử lý đúng người đúng việc nâng cao ý thức của người lao động trong quá trình sản xuất nhằm góp phần hạn chế những khoản thiệt hại đó.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế như hiện nay, cạnh tranh đang diễn ra ngày càng quyết liệt hơn. Để cạnh tranh và tạo chỗ đứng trên thị trường các doanh

ngiệp phải đề ra các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, thay đổi mẫu mã sao cho phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, quan trọng hơn là giá cả của sản phẩm không quá cao. Sản phẩm đạt chất lượng tốt, giá thành hạ sẽ là tiền đề tích cực giúp cho danh nghiệp đẩy mạnh tiêu thụ, tăng nhanh vòng quay vốn và đem lại lợi nhuận ngày càng nhiều, từ đó doanh nghiệp có thể mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, tăng tích lũy và nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên.

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là một trong những chỉ tiêu quan trọng, là thước đo mức hao phí sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Nó cũng là căn cứ để xác định hiệu quả sản xuất kinh doanh, là căn cứ để lựa chọn và quyết định khối lượng sản phẩm sản xuất ra để đem lại lợi nhuận lớn nhất cho công ty. Thông qua chỉ tiêu này các nhà quản lý sẽ nắm bắt được chi phí, giá thành sản phẩm thực tế của từng hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó có thể phân tích nhận xét và đánh giá tình hình thực hiện các định mức, tình hình sử dụng vật tư, lao động, tiền vốn để kịp thời đưa ra biện pháp nhằm hạ thấp chi phí tăng thu nhập cho doanh nghiệp, định hướng cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp ngày càng hiệu quả hơn. Với vai trò như trên kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm đã trở thành một khâu quan trọng trong toàn bộ công tác hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất.

Trước yêu cầu đổi mới, công ty nên có biện pháp hạch toán phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp, cập nhật các chuẩn mực kế toán mới, các thông tư hướng dẫn và áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong công tác kế toán. Như vậy, sự hoàn thiện của công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm góp phần không nhỏ vào sự thành công trong kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cần phải ngày càng hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm để tăng cường hiệu quả kế toán cũng như quản trị doanh nghiệp, góp phần tăng sức mạnh của doanh nghiệp.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

Trước sự phát triển của nền kinh tế và sự thay đổi các chính sách, chế độ của các cơ quan Nhà nước, yêu cầu đặt ra trong công tác hạch toán kế toán tại công ty là phải kịp thời áp dụng các chuẩn mực kế toán mới nhất, các thông tư hướng dẫn, ... phù hợp với đặc điểm của đơn vị mình. Đối với đội ngũ cán bộ quản lý cán bộ kế toán phải có trình độ chuyên môn phù hợp với công tác tổ chức kế toán.

Nguyên tắc hoàn thiện hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là những tư tưởng chủ đạo có tính xuyên suốt trong quá trình hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành. Tuân thủ các nguyên tắc đó sẽ giúp cho việc hạch toán được thực hiện đúng đắn, khách quan và khoa học. Việc hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng cần dựa trên những cơ sở sau:

- Trước hết tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải phù hợp với các chế độ, chính sách, thể lệ, văn bản pháp quy về kế toán do Nhà nước ban hành. Hạch toán đầy đủ chính xác theo chế độ, chuẩn mực không chỉ thể hiện tính nghiêm túc chấp hành pháp luật mà còn có vai trò quan trọng trong công tác quản lý chi phí cũng như quản lý doanh nghiệp.
- Đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm của tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của các doanh nghiệp với chế độ kế toán chung. Bởi vì mỗi doanh nghiệp đều có đặc điểm riêng, do đó vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng nhiệm vụ tính chất hoạt động và quy mô của mình giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý.
- Đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Muốn vậy phải tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế toán để chất lượng công tác kế toán đạt hiệu quả cao nhất với chi phí thấp nhất.

- Đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán nhằm cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị ra quyết định đúng đắn.

3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

Tại công ty công tác kế toán tuy có những ưu điểm nhưng bên cạnh đó vẫn còn có những vướng mắc chưa hợp lý, nếu khắc phục được sẽ giúp công ty mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Sau khi tìm hiểu thực tế tại công ty kết hợp với những kiến thức đã được học ở trường, em xin đề xuất một số hướng khắc phục trong công tác kế toán nói chung và hạch toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng tại công ty qua một số kiến nghị sau:

3.4.1. Kiến nghị 1: Về phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho.

Hiện nay công ty tính giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ. Đặc trưng của phương pháp này là đến cuối tháng kế toán mới xác định được giá trị vật liệu xuất kho nên không đảm bảo được tính kịp thời trong việc cung cấp thông tin. Mặt khác do hầu hết nguyên liệu của công ty làm theo đơn đặt hàng vì vậy nguyên liệu hầu hết nhập khẩu từ nước ngoài nên giá cả nguyên liệu thường bị chi phối bởi sự biến động của tỷ giá. Do đó sử dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ để tính giá trị nguyên vật liệu xuất kho sẽ ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm, sự đúng đắn, kịp thời của các quyết định quản lý từ đó ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Để khắc phục hạn chế này kế toán nên chuyển sang tính giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn. Với phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn kế toán phải tính lại đơn giá bình quân nguyên vật liệu sau mỗi lần nhập. Vì vậy đơn giá thường xuyên được cập nhật. Việc chuyển sang phương pháp này công ty hoàn toàn có thể thực hiện được do công

ty đã theo dõi được cụ thể từng lần nhập xuất nguyên vật liệu trên sổ chi tiết từng loại vật tư. Vì vậy mỗi lần xuất nguyên liệu nào đó kế toán sẽ căn cứ vào nguyên liệu hiện có trước khi xuất để tính ra đơn giá theo công thức sau:

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền liên hoàn sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Lượng hàng tồn kho sau lần nhập } i}$$

Trị giá vật liệu xuất kho được xác định theo công thức:

$$\text{Trị giá vật liệu xuất kho} = \text{Giá đơn vị bình quân gia quyền liên hoàn sau lần nhập } i \times \text{Số lượng vật liệu xuất kho}$$

Sử dụng phương pháp bình quân liên hoàn sẽ khắc phục được hạn chế của phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ. Với phương pháp này ta có thể xác định được trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu ngay sau khi xuất kho, cung cấp thông tin kịp thời thường xuyên liên tục giúp cho việc quản lý sử dụng vật tư và ra các quyết định quản trị.

3.4.2. Kiến nghị 2: Về các khoản thiệt hại trong sản xuất.

Công ty không theo dõi các khoản thiệt hại trong sản xuất mà công ty đã xây dựng hệ thống định mức hợp lý nên ít khi xảy ra. Điều này dẫn tới một số hạn chế trong việc quản lý chi phí và quản lý lao động. Do không theo dõi cụ thể nên công ty khó có thể thu hồi khoản bồi thường thiệt hại. Vì không quy trách nhiệm cho cá nhân cụ thể gây ra thiệt hại nên không giáo dục ý thức cẩn thận trong lao động của công nhân có thể dẫn tới những sai phạm tiếp theo. Để tránh tình trạng này xảy ra công ty nên tiến hành hạch toán cụ thể các khoản chi phí thiệt hại.

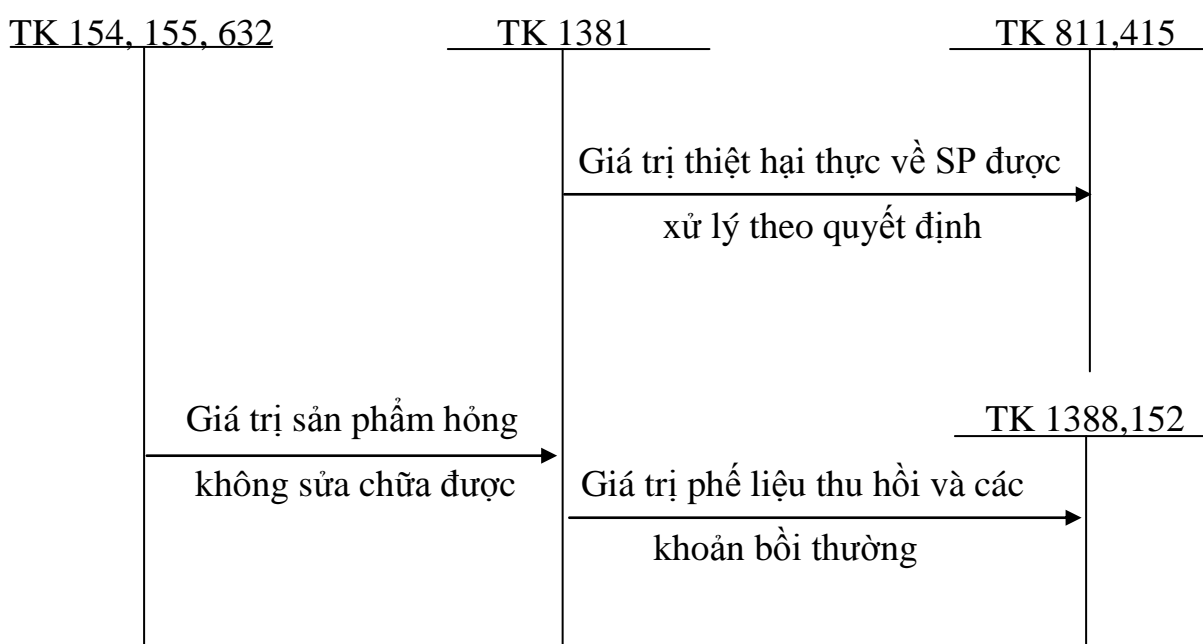
❖ Thiệt hại về sản phẩm hỏng.

Sản phẩm hỏng là những sản phẩm không thỏa mãn các tiêu chuẩn về chất lượng, mẫu mã, kích cỡ, Do đặc thù sản phẩm của công ty thì những sản phẩm hỏng nhẹ thì có thể sửa được những đối với sản phẩm hỏng nặng thì phải bán hạ giá thành. Trước yêu cầu hạ giá thành sản phẩm công ty cần phải hạch toán đầy đủ và chính xác các khoản thiệt hại này là điều cần thiết, góp phần hoàn thiện hơn công tác hạch toán kế toán tại công ty.

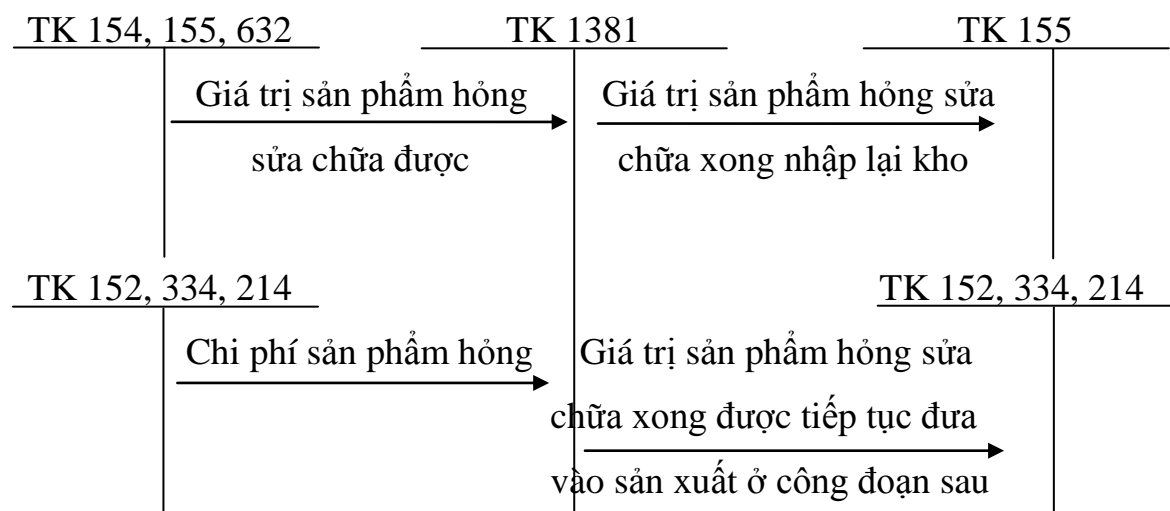
Tại công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng tùy theo từng mức độ sản phẩm hỏng mà sản phẩm này được chia thành 2 loại:

- *Sản phẩm hỏng không sửa chữa được*: là những sản phẩm bị hỏng quá nhiều kể cả kỹ thuật có tay nghề cao không sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không có lợi về mặt kinh tế.
- *Sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được*: Là những sản phẩm có thể khắc phục được nhanh gọn và sửa chữa có lợi về mặt kinh tế.

Sơ đồ 3.1: Sơ đồ hạch toán sản phẩm hỏng không sửa chữa được.



Sơ đồ 3.2: Sơ đồ hạch toán về sản phẩm hỏng sửa chữa được.

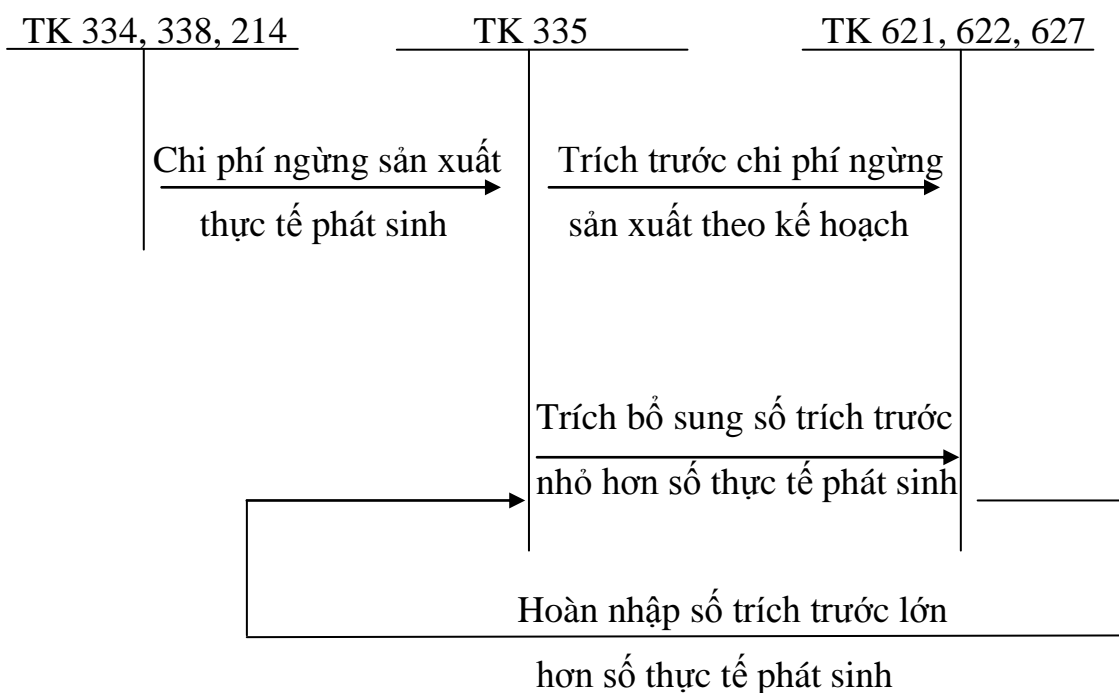


❖ *Thiệt hại về ngừng sản xuất.*

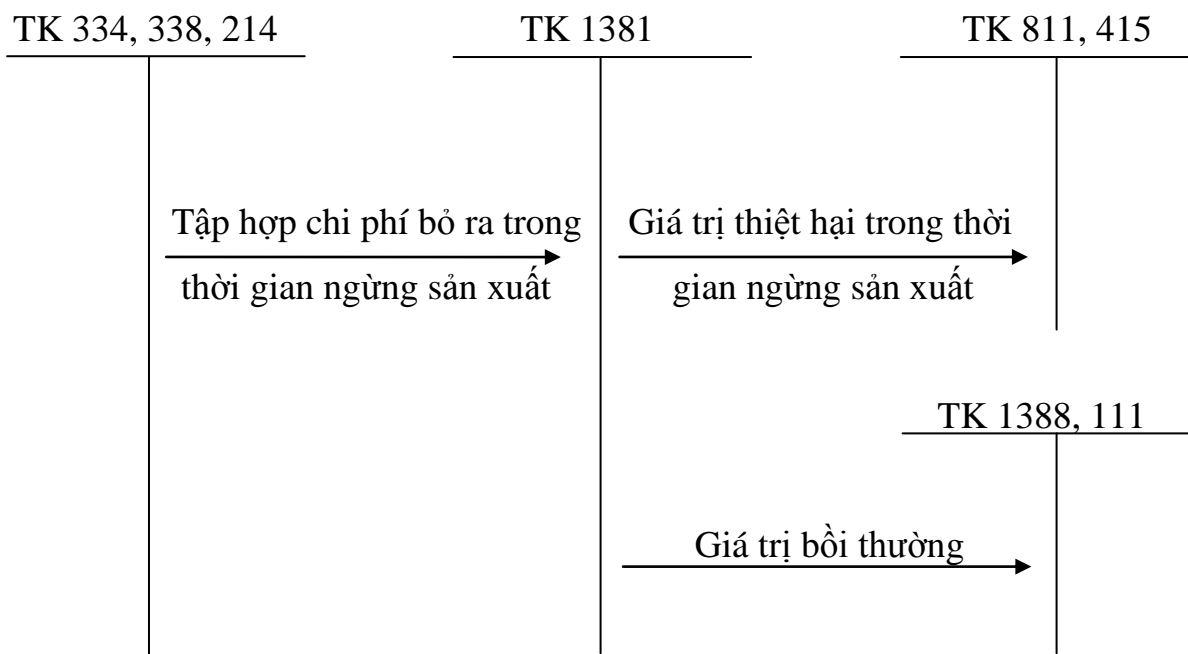
Trong quá trình hoạt động của công ty có thể xảy ra những khoảng thời gian phải ngừng sản xuất là do những nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan sau: thiết bị sản xuất hỏng, thiếu nguyên liệu, thiếu năng lượng, thiên tai, dịch họa, Thời gian ngừng sản xuất là thời gian không tạo ra sản phẩm nhưng vẫn phát sinh nhiều loại chi phí để bảo vệ tài sản, đảm bảo đời sống cho người lao động, duy trì hoạt động quản lý, Các khoản chi phí trên được coi là thiệt hại về ngừng sản xuất.

Với những khoản chi phí về ngừng sản xuất theo kế hoạch có tính chất tạm thời (do tính thời vụ để bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, ...), kế toán nên lập dự toán chi phí của thời gian ngừng sản xuất sau đó căn cứ vào dự toán để trích trước chi phí. Trường hợp ngừng sản xuất bất thường, các chi phí bỏ ra trong thời gian này do không chấp nhận nên phải theo dõi riêng.

Sơ đồ 3.3: Sơ đồ hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất có kế hoạch.



Sơ đồ 3.4: Sơ đồ hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất ngoài kế hoạch.



3.4.3. Kiến nghị 3: Về ứng dụng tin học vào công tác kế toán.

Trong thời gian tới công ty nên tiến hành ứng dụng các phần mềm kế toán vào công tác kế toán, đặc biệt là kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm không những tạo điều kiện giảm nhẹ khối lượng công việc, giảm bớt sổ sách kế toán và điều quan trọng hơn là nó cung cấp thông tin nhanh chóng, chính xác và đa dạng cho ban lãnh đạo công ty.

Công ty có thể mua phần mềm kế toán của các nhà cung cấp phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán MISA của công ty Cổ phần MISA.
- Phần mềm kế toán EFFECT của công ty Cổ phần EFFECT.
- Phần mềm kế toán ACMAN của công ty Cổ phần ACMAN.
- Phần mềm kế toán FAST của công ty Cổ phần FAST.
- Phần mềm kế toán SAS INNOVA của công ty Cổ phần SIS Việt Nam.

Khi thực hiện giải pháp này sẽ giúp cho việc xử lý và cung cấp thông tin kinh tế - tài chính nhanh chóng, kịp thời, chính xác và tiết kiệm được sức lao động, hiệu quả công việc cao đồng thời lưu trữ, bảo quản dữ liệu thuận tiện và an toàn.

3.4.4. Kiến nghị 4: Về việc xây dựng hệ thống kế toán quản trị trong doanh nghiệp.

Kế toán là một công cụ quản lý kinh tế quan trọng giúp cho doanh nghiệp có thể biết rõ về các dữ kiện liên quan trực tiếp đến tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bất cứ lúc nào, đồng thời dự đoán các hoạt động trong tương lai nhằm đạt được kết quả mong muốn. Mặt khác xét ở tầm vĩ mô, kế toán còn cho thấy sự tiến triển của nền kinh tế quốc gia thông qua sự tiến triển của các doanh nghiệp.

Nếu xem xét hệ thống kế toán của các nước có nền kinh tế phát triển theo cơ chế thị trường thì phần lớn kế toán được tách rời thành 2 bộ phận: kế toán tài chính và kế toán quản trị. Chức năng cung cấp thông tin của 2 bộ phận kế toán này cũng khác nhau. Kế toán tài chính cung cấp thông tin cho các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp, còn kế toán quản trị cung cấp các thông tin cho các nhà

quản lý trong nội bộ doanh nghiệp. Thông tin kế toán quản trị mang tính bí mật của doanh nghiệp. Việc ra quyết định của các nhà quản trị có tác động đến sự thành công hay thất bại của doanh nghiệp. Nếu thông tin không đầy đủ các nhà quản trị sẽ gặp khó khăn trong việc quản lý, điều hành doanh nghiệp. Nếu như thông tin không chính xác, các nhà quản trị có thể đưa ra các quyết định sai lầm, có ảnh hưởng đến quá trình sinh lời của doanh nghiệp và nếu thông tin không đáp ứng kịp thời thì các vấn đề tồn tại không được giải quyết và có thể mất cơ hội trong kinh doanh. Như vậy, trong nền kinh tế thị trường, sự tồn tại của kế toán quản trị là một yêu cầu tất yếu, khách quan.

Về bản chất, kế toán quản trị là một bộ phận cấu thành không thể tách rời của hệ thống kế toán, vì đều làm nhiệm vụ tổ chức hệ thống thông tin kinh tế trong doanh nghiệp. Hiểu một cách chung nhất, kế toán quản trị là: quy trình, định dạng, đo lường, tổng hợp, phân tích, giải trình các số liệu tài chính và phi tài chính cho ban giám đốc để lập kế hoạch, đánh giá, theo dõi việc thực hiện kế hoạch trong phạm vi nội bộ một doanh nghiệp và đảm bảo cho việc sử dụng có hiệu quả các tài sản và quản lý chặt chẽ các tài sản này.

Các doanh nghiệp phải cần thiết tổ chức hệ thống kế toán quản trị, để trước hết thiết lập dự toán ngân sách, chi phí, dự toán số doanh thu và kết quả trong một kỳ hoạt động, sau đó phải theo dõi suốt quá trình từ lúc thu mua hàng hóa, nguyên liệu qua giai đoạn sản xuất, hoàn thành việc tính toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm cho đến khi tiêu thụ xong các loại hàng hóa sản phẩm, xác định kết quả tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, các công trình dịch vụ theo từng loại hoạt động, từng đơn đặt hàng.

Tóm lại, kế toán quản trị là công cụ quan trọng cung cấp thông tin kế toán cho hoạt động quản trị và là một phần không thể thiếu được trong các doanh nghiệp. Việc vận dụng kế toán quản trị trong các doanh nghiệp là điều thực tế có thể thực hiện. Để đưa kế toán quản trị thực sự vào đời sống của các doanh nghiệp thì điều kiện tiên quyết phải có sự phối hợp đồng bộ các giải pháp từ phía Nhà nước, các doanh nghiệp và các chuyên gia kế toán.

3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

3.5.1. Về phía Nhà nước.

Trong nền kinh tế thị trường như hiện nay, sức ép của việc cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước là rất lớn đặc biệt là các doanh nghiệp cùng sản xuất ra các mặt hàng giống nhau. Nhà nước luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi cũng như tạo ra môi trường kinh doanh công bằng và lành mạnh giúp cho các doanh nghiệp, các cá nhân có điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm khuyến khích thúc đẩy phát triển, đồng thời hướng tới việc đưa Việt Nam hội nhập với các nước trong khu vực và cả trên Thế giới.

Để thực hiện được những việc đó Nhà nước ta ban hành những chính sách phù hợp, kịp thời với sự biến động của nền kinh tế. Đặc biệt tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện chế độ tài chính nói chung và chế độ kế toán nói riêng trên nguyên tắc tuân theo các chuẩn mực kế toán quốc tế và phù hợp với các nguyên tắc và các thông lệ có tính phổ biến.

3.5.2. Về phía doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng là một doanh nghiệp có mặt trên thị trường gần 30 năm, đã có những đóng góp đáng kể vào sự phát triển của nền kinh tế trong nước đồng thời tạo dựng được chỗ đứng và uy tín trong lĩnh vực kinh doanh hàng may mặc, giày dép. Để đạt được những thành tựu như vậy là cả một quá trình phấn đấu liên tục và lâu dài của các cán bộ, công nhân viên và ban quản lý lãnh đạo trong công ty. Tuy nhiên công ty luôn cố gắng tìm mọi biện pháp để hòa nhập bước đi của mình cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế trong nước và cả trên Thế giới, đặc biệt đối với đội ngũ kế toán của công ty thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ để có thể kịp thời thay đổi tổ chức hạch toán kế toán tại đơn vị mình sao cho phù hợp với chuẩn mực kế toán. Đây là một trong những điều kiện quan trọng để phát triển kinh tế đưa doanh nghiệp hội nhập với Thế giới.

KẾT LUẬN

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ quá trình hạch toán kế toán của mỗi doanh nghiệp. Hạch toán đầy đủ, kịp thời, chính xác các chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ tạo điều kiện cho việc tính giá thành chính xác, đầy đủ, nhanh chóng và kịp thời nhằm đưa ra các biện pháp thiết thực để tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Đó chính là mục tiêu mà mọi doanh nghiệp cần hướng tới và cũng là những nhân tố chính giúp doanh nghiệp tồn tại trong nền kinh tế thị trường như hiện nay.

Việc nghiên cứu tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng đã giúp em hiểu thêm thực tế về công tác hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại công ty và tầm quan trọng của nó. Khóa luận đã hệ thống hóa một số vấn đề lý luận về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất, nghiên cứu và đánh giá chân thực nhất về tổ chức kế toán này tại công ty đồng thời đề xuất một số kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại công ty.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song do trình độ lý luận cũng như thực tiễn của bản thân còn hạn chế nên khóa luận tốt nghiệp không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô để em có thể khắc phục được những thiếu sót đó.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn thầy giáo Ths. Nguyễn Đức Kiên và các cô, chú cán bộ phòng kế toán của Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Hải Phòng đã hướng dẫn tận tình và tạo điều kiện giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Bùi Thị Dung

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hệ thống tài khoản kế toán (Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính) – Nhà xuất bản tài chính năm 2006.
2. Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán (Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính) - Nhà xuất bản tài chính năm 2006.
3. Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm (Giáo trình nguyên tắc, chuẩn mực quốc tế về kế toán và kế toán tài chính trong doanh nghiệp – Học viện tài chính – GS.TS. Nguyễn Đình Đỗ - TS. Nguyễn Vũ Việt) của nhà xuất bản tài chính năm 2008.
4. Hướng dẫn thực hành về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp (Trường Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh) của Nhà xuất bản thống kê năm 2006.
5. Khóa luận tốt nghiệp của các anh chị khóa trước.